PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2013*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hòa Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HÒA BÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2013/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hòa Bình được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hòa Bình được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Hòa Bình và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HÒA BÌNH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hòa Bình gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Hòa Bình
2	Huyện Cao Phong
3	Huyện Đà Bắc
4	Huyện Kim Bôi
5	Huyện Kỳ Sơn
6	Huyện Lạc Sơn
7	Huyện Lạc Thủy
8	Huyện Lương Sơn
9	Huyện Mai Châu
10	Huyện Tân Lạc
11	Huyện Yên Thủy

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 6	KX	P. Chăm Mát	TP. Hòa Bình			20° 47' 04"	105° 19' 48"	20° 45' 33"	105° 19' 49"	F-48-79-B-c
cầu Chăm	KX	P. Chăm Mát	TP. Hòa Bình	20° 47' 03"	105° 19' 48"					F-48-79-B-c
suối Cun	TV	P. Chăm Mát	TP. Hòa Bình			20° 46' 23"	105° 19' 54"	20° 46' 31"	105° 20' 07"	F-48-79-B-c
dốc Cun	SV	P. Chăm Mát	TP. Hòa Bình	20° 45' 43"	105° 19' 47"					F-48-79-B-c
cầu Thống Nhất	KX	P. Chăm Mát	TP. Hòa Bình	20° 47' 25"	105° 20' 30"					F-48-79-B-c
cầu Đồng Tiến	KX	P. Đồng Tiến	TP. Hòa Bình	20° 49' 44"	105° 21' 12"					F-48-79-B-c
cầu Trắng	KX	P. Đồng Tiến	TP. Hòa Bình	20° 49' 52"	105° 21' 21"					F-48-79-B-c
tổ 9	DC	P. Hữu Nghị	TP. Hòa Bình	20° 49' 53"	105° 19' 27"					F-48-79-B-c
tổ 23	DC	P. Hữu Nghị	TP. Hòa Bình	20° 50' 04"	105° 20' 07"					F-48-79-B-c
Xí nghiệp 12-2	KX	P. Hữu Nghị	TP. Hòa Bình	20° 49' 16"	105° 19' 43"					F-48-79-B-c
suối Đúng	TV	P. Hữu Nghị	TP. Hòa Bình			20° 50' 04"	105° 19' 38"	20° 49' 41"	105° 20' 00"	F-48-79-B-c
cầu Đúng	KX	P. Hữu Nghị	TP. Hòa Bình	20° 49' 41"	105° 20' 00"					F-48-79-B-c
Khách sạn Sông Đà	KX	P. Hữu Nghị	TP. Hòa Bình	20° 50' 17"	105° 19' 35"					F-48-79-B-c
Xí nghiệp Xây dựng 701-702	KX	P. Hữu Nghị	TP. Hòa Bình	20° 49' 30"	105° 19' 57"					F-48-79-B-c
tổ 2	DC	P. Phương Lâm	TP. Hòa Bình	20° 48' 19"	105° 19' 58"					F-48-79-B-c
tổ 4	DC	P. Phương Lâm	TP. Hòa Bình	20° 48' 29"	105° 20' 01"					F-48-79-B-c
sông Đà	TV	P. Phương Lâm	TP. Hòa Bình			20° 49' 29"	105° 20' 22"	20° 48' 27"	105° 19' 27"	F-48-79-B-c
xóm Gai	DC	P. Tân Hòa	TP. Hòa Bình	20° 50' 56"	105° 20' 03"					F-48-79-B-c
Xí nghiệp Pacific	KX	P. Tân Hòa	TP. Hòa Bình	20° 51' 14"	105° 20' 14"					F-48-79-B-c
chợ Tân Bình	KX	P. Tân Hòa	TP. Hòa Bình	20° 50' 37"	105° 19' 45"					F-48-79-B-c
cầu Thị	KX	P. Tân Hòa	TP. Hòa Bình	20° 52' 26"	105° 20' 04"					F-48-79-B-c
Xí nghiệp Ván Sàn	KX	P. Tân Hòa	TP. Hòa Bình	20° 51' 22"	105° 20' 07"					F-48-79-B-c
Nhà máy Xi măng Sông Đà	KX	P. Tân Hòa	TP. Hòa Bình	20° 52' 09"	105° 20' 04"					F-48-79-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 7	DC	P. Tân Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 49' 23"	105° 19' 27"					F-48-79-B-c
Công ty Cổ phần Lilama 10	KX	P. Tân Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 49' 22"	105° 19' 53"					F-48-79-B-c
Công ty Cổ phần May Sông Đà 20	KX	P. Tân Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 49' 41"	105° 20' 31"					F-48-79-B-c
sông Đà	TV	P. Tân Thịnh	TP. Hòa Bình			20° 49' 42"	105° 20' 51"	20° 48' 40"	105° 19' 30"	F-48-79-B-c
cầu Hòa Bình	KX	P. Tân Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 49' 29"	105° 20' 22"					F-48-79-B-c
Công ty Thủy điện Hòa Bình	KX	P. Tân Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 48' 49"	105° 19' 26"					F-48-79-B-c
tổ 10	DC	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	20° 46' 50"	105° 19' 08"					F-48-79-B-c
tổ 13	DC	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	20° 46' 44"	105° 18' 18"					F-48-79-B-c
tổ 15	DC	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	20° 47' 43"	105° 20' 21"					F-48-79-B-c
tổ 17	DC	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	20° 48' 00"	105° 20' 15"					F-48-79-B-c
tỉnh lộ 435	KX	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình			20° 47' 04"	105° 19' 48"	20° 46' 31"	105° 18' 07"	F-48-79-B-c
suối Chăm	TV	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình			20° 46' 30"	105° 18' 07"	20° 47' 03"	105° 19' 48"	F-48-79-B-c
núi Chắm	SV	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	20° 46' 26"	105° 18' 33"					F-48-79-B-c
cầu Khuôi	KX	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	20° 46' 37"	105° 18' 14"					F-48-79-B-c
cầu Lâm Nghiệp	KX	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	20° 46' 55"	105° 19' 21"					F-48-79-B-c
núi Quá	SV	P. Thái Bình	TP. Hòa Bình	20° 46' 09"	105° 19' 12"					F-48-79-B-c
Trường Cao đẳng Nghề Sông Đà	KX	P. Thịnh Lang	TP. Hòa Bình	20° 50' 36"	105° 20' 39"					F-48-79-B-c
xóm Bái Yên	DC	xã Dân Chủ	TP. Hòa Bình	20° 48' 01"	105° 21' 13"					F-48-79-B-c
suối Chăm	TV	xã Dân Chủ	TP. Hòa Bình			20° 48' 31"	105° 21' 07"	20° 47' 27"	105° 20' 28"	F-48-79-B-c
xóm Đằm	DC	xã Dân Chủ	TP. Hòa Bình	20° 48' 01"	105° 20' 59"					F-48-79-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Mát	DC	xã Dân Chủ	TP. Hòa Bình	20° 47' 31"	105° 21' 12"					F-48-79-B-c
cầu Mát	KX	xã Dân Chủ	TP. Hòa Bình	20° 47' 27"	105° 20' 28"					F-48-79-B-c
đập Nà Sung	KX	xã Dân Chủ	TP. Hòa Bình	20° 47' 59"	105° 21' 25"					F-48-79-B-c
xóm Tân Lập	DC	xã Dân Chủ	TP. Hòa Bình	20° 47' 33"	105° 20' 43"					F-48-79-B-c
tỉnh lộ 433	KX	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình			20° 50' 31"	105° 19' 29"	20° 51' 10"	105° 17' 31"	F-48-79-B-c
đồi Ba Vành	SV	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình	20° 49' 17"	105° 18' 09"					F-48-79-B-c
xóm Cang	DC	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình	20° 52' 10"	105° 18' 49"					F-48-79-B-c
suối Cang	TV	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình			20° 53' 23"	105° 18' 23"	20° 50' 29"	105° 19' 25"	F-48-79-B-a, F-48-79-B-c
núi Cô	SV	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình	20° 52' 25"	105° 17' 29"					F-48-79-B-c
xóm Đông Lạnh	DC	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình	20° 50' 33"	105° 19' 05"					F-48-79-B-c
xóm Máy 3	DC	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình	20° 51' 01"	105° 18' 39"					F-48-79-B-c
xóm Máy 4	DC	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình	20° 50' 58"	105° 19' 05"					F-48-79-B-c
xóm Nẻ	DC	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình	20° 53' 06"	105° 18' 55"					F-48-79-B-a
xóm Thăng	DC	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình	20° 50' 01"	105° 18' 26"					F-48-79-B-c
động Tiên Phi	SV	xã Hòa Bình	TP. Hòa Bình	20° 51' 44"	105° 19' 20"					F-48-79-B-c
suối Cái	TV	xã Sủ Ngòi	TP. Hòa Bình			20° 48' 50"	105° 21' 41"	20° 48' 55"	105° 21' 14"	F-48-79-B-c
xóm Ngòi	DC	xã Sủ Ngòi	TP. Hòa Bình	20° 48' 49"	105° 21' 09"					F-48-79-B-c
làng Ngòi	DC	xã Sủ Ngòi	TP. Hòa Bình	20° 48' 44"	105° 21' 31"					F-48-79-B-c
làng Sủ	DC	xã Sủ Ngòi	TP. Hòa Bình	20° 49' 12"	105° 21' 25"					F-48-79-B-c
xóm Trại Chuối	DC	xã Sủ Ngòi	TP. Hòa Bình	20° 49' 11"	105° 21' 07"					F-48-79-B-c
xóm Trìu	DC	xã Sủ Ngòi	TP. Hòa Bình	20° 48' 52"	105° 21' 28"					F-48-79-B-c
cảng Ba Cấp	KX	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 48' 07"	105° 19' 29"					F-48-79-B-c
xóm Bích	DC	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 48' 26"	105° 17' 51"					F-48-79-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Bích	SV	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 48' 53"	105° 17' 36"					F-48-79-B-c
xóm Bích Hạ	DC	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 48' 55"	105° 18' 32"					F-48-79-B-c
cảng Bích Hạ	KX	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 48' 52"	105° 18' 38"					F-48-79-B-c
suối Cái	TV	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình			20° 46' 27"	105° 15' 58"	20° 47' 00"	105° 16' 39"	F-48-79-B-c
hồ Hòa Bình	TV	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 46' 09"	105° 08' 51"					F-48-79-A-c, F-48-79-A-d, F-48-79-B-c
đập Hòa Bình	TV	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 48' 03"	105° 19' 11"					F-48-79-B-c
đồi Ông Cao	SV	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 46' 32"	105° 16' 22"					F-48-79-B-c
xóm Trụ	DC	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 48' 11"	105° 17' 28"					F-48-79-B-c
xóm Vôi	DC	xã Thái Thịnh	TP. Hòa Bình	20° 47' 31"	105° 17' 24"					F-48-79-B-c
đồi Bông	SV	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình	20° 46' 43"	105° 22' 49"					F-48-79-B-d
xóm Chùa	DC	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình	20° 47' 03"	105° 20' 14"					F-48-79-B-c
đồi Đỉnh Tháu	SV	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình	20° 45' 21"	105° 19' 55"					F-48-79-B-c
xóm Đồng Chụa	DC	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình	20° 46' 05"	105° 20' 49"					F-48-79-B-c
xóm Đồng Gạo	DC	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình	20° 46' 24"	105° 20' 34"					F-48-79-B-c
xóm Đồng Mới	DC	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình	20° 46' 40"	105° 20' 27"					F-48-79-B-c
xóm Hạ Sơn	DC	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình	20° 46' 43"	105° 20' 57"					F-48-79-B-c
suối Khụ	TV	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình			20° 45' 00"	105° 21' 03"	20° 47' 08"	105° 20' 13"	F-48-79-B-c, F-48-79-D-a
xóm Rậm	DC	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình	20° 46' 52"	105° 20' 34"					F-48-79-B-c
hồ Thống Nhất	TV	xã Thống Nhất	TP. Hòa Bình	20° 46' 36"	105° 20' 42"					F-48-79-B-c
quốc lộ 6	KX	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình			20° 52' 56"	105° 20' 43"	20° 50' 42"	105° 21' 17"	F-48-79-B-c
xóm Chu	DC	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 37"	105° 20' 55"					F-48-79-B-c
cầu Chu	KX	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 35"	105° 20' 51"					F-48-79-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cảng Hòa Bình	KX	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 05"	105° 20' 53"					F-48-79-B-c
xóm Miều	DC	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 52' 31"	105° 20' 48"					F-48-79-B-a
xóm Ngọc	DC	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 11"	105° 21' 01"					F-48-79-B-c
phố Ngọc	DC	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 50' 47"	105° 21' 14"					F-48-79-B-c
cầu Ngọc	KX	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 05"	105° 21' 04"					F-48-79-B-c
Xí nghiệp Sản xuất vật liệu và Xây dựng công trình giao thông 206	KX	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 27"	105° 20' 34"					F-48-79-B-c
phố Tân Lập 1	DC	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 23"	105° 20' 39"					F-48-79-B-c
phố Tân Lập 2	DC	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 55"	105° 20' 21"					F-48-79-B-c
phố Thái	DC	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 41"	105° 20' 22"					F-48-79-B-c
xóm Trung	DC	xã Trung Minh	TP. Hòa Bình	20° 51' 44"	105° 20' 55"					F-48-79-B-c
tỉnh lộ 434	KX	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình			20° 56' 32"	105° 20' 20"	20° 52' 27"	105° 20' 04"	F-48-79-B-a
xóm Bắc Yên	DC	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 55' 50"	105° 19' 34"					F-48-79-B-a
xóm Bún	DC	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 53' 20"	105° 20' 07"					F-48-79-B-a
sông Đà	TV	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình			20° 56' 31"	105° 20' 32"	20° 52' 27"	105° 20' 14"	F-48-79-B-a
đồi Gốc Dổi	SV	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 53' 24"	105° 19' 01"					F-48-79-B-a
xóm Khang Đình	DC	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 55' 12"	105° 20' 07"					F-48-79-B-a
suối Mời	TV	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình			20° 54' 45"	105° 19' 38"	20° 55' 02"	105° 20' 42"	F-48-79-B-a
xóm My	DC	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 56' 09"	105° 20' 25"					F-48-79-B-a
chợ My	KX	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 55' 46"	105° 20' 32"					F-48-79-B-a
cầu Nhùa	KX	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 54' 57"	105° 20' 34"					F-48-79-B-a
xóm Thia	DC	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 52' 29"	105° 19' 36"					F-48-79-B-a, F-48-79-B-c
suối Trùng	TV	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình			20° 54' 15"	105° 19' 32"	20° 54' 59"	105° 20' 21"	F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trường Yên	DC	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 55' 40"	105° 20' 04"					F-48-79-B-a
cầu Xanh	KX	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 55' 44"	105° 20' 31"					F-48-79-B-a
xóm Yên Hòa 1	DC	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 54' 19"	105° 20' 12"					F-48-79-B-a
xóm Yên Hòa 2	DC	xã Yên Mông	TP. Hòa Bình	20° 54' 34"	105° 20' 36"					F-48-79-B-a
khu 1	DC	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 44' 17"	105° 19' 15"					F-48-79-D-a
khu 2	DC	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 43' 41"	105° 19' 13"					F-48-79-D-a
khu 4	DC	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 42' 47"	105° 19' 28"					F-48-79-D-a
khu 6	DC	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 42' 31"	105° 19' 47"					F-48-79-D-a
khu 8	DC	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 42' 06"	105° 18' 57"					F-48-79-D-a
khu 9	DC	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 42' 05"	105° 18' 52"					F-48-79-D-a
khu 5B	DC	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 42' 18"	105° 19' 04"					F-48-79-D-a
núi Bát	SV	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 43' 21"	105° 19' 21"					F-48-79-D-a
núi Bưng	SV	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 42' 40"	105° 19' 11"					F-48-79-D-a
cầu Bưng	KX	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 42' 54"	105° 19' 24"					F-48-79-D-a
hồ Nước Tra	TV	TT. Cao Phong	H. Cao Phong	20° 42' 06"	105° 20' 20"					F-48-79-D-a
xóm Bắc Sơn	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 44' 31"	105° 19' 05"					F-48-79-D-a
xóm Dài	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 43' 51"	105° 17' 17"					F-48-79-D-a
xóm Dệ 1	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 43' 56"	105° 17' 51"					F-48-79-D-a
xóm Dệ 2	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 43' 51"	105° 18' 05"					F-48-79-D-a
xóm Hải Phong	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 43' 25"	105° 18' 13"					F-48-79-D-a
xóm Hồng Vân	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 43' 28"	105° 18' 00"					F-48-79-D-a
núi Khụ Bạt	SV	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 44' 05"	105° 17' 24"					F-48-79-D-a
xóm Má	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 44' 36"	105° 18' 52"					F-48-79-D-a
đồi Mèn	SV	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 44' 30"	105° 16' 45"					F-48-79-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Mía	TV	xã Bắc Phong	H. Cao Phong			20° 44' 19"	105° 18' 50"	20° 43' 55"	105° 19' 15"	F-48-79-D-a
xóm Môn	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 43' 23"	105° 17' 30"					F-48-79-D-a
núi Tạng Bát	SV	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 42' 47"	105° 16' 41"					F-48-79-D-a
núi Ti Om	SV	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 44' 50"	105° 17' 53"					F-48-79-D-a
xóm Tiến Lâm	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 44' 36"	105° 18' 28"					F-48-79-D-a
xóm Tiềng	DC	xã Bắc Phong	H. Cao Phong	20° 43' 48"	105° 18' 43"					F-48-79-D-a
suối Tiềng	TV	xã Bắc Phong	H. Cao Phong			20° 43' 55"	105° 19' 15"	20° 43' 17"	105° 18' 03"	F-48-79-D-a
suối Vàng	TV	xã Bắc Phong	H. Cao Phong			20° 42' 53"	105° 17' 58"	20° 43' 21"	105° 16' 35"	F-48-79-D-a
tỉnh lộ 435	KX	xã Bình Thanh	H. Cao Phong			20° 45' 38"	105° 15' 21"	20° 46' 31"	105° 18' 07"	F-48-79-B-c
chợ Bình Thanh	KX	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 36"	105° 15' 04"					F-48-79-B-c
suối Cái	TV	xã Bình Thanh	H. Cao Phong			20° 46' 03"	105° 17' 23"	20° 46' 30"	105° 18' 07"	F-48-79-B-c
xóm Cáp	DC	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 10"	105° 16' 48"					F-48-79-B-c
núi Đúng	SV	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 56"	105° 17' 52"					F-48-79-B-c
xóm Giang	DC	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 40"	105° 16' 38"					F-48-79-B-c
cầu Giang	KX	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 38"	105° 16' 39"					F-48-79-B-c
suối Khả	TV	xã Bình Thanh	H. Cao Phong			20° 45' 24"	105° 15' 58"	20° 45' 25"	105° 15' 42"	F-48-79-B-c
núi Khụ Tuống	SV	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 07"	105° 17' 35"					F-48-79-B-c
xóm Lòn	DC	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 32"	105° 16' 02"					F-48-79-B-c
cầu Lòn	KX	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 31"	105° 15' 32"					F-48-79-B-c
xóm Mỗ 1	DC	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 46' 17"	105° 17' 29"					F-48-79-B-c
xóm Mỗ 2	DC	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 28"	105° 17' 13"					F-48-79-B-c
xóm Mới	DC	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 26"	105° 16' 12"					F-48-79-B-c
đồi Ngao	SV	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 46' 13"	105° 16' 00"					F-48-79-B-c
xóm Tráng	DC	xã Bình Thanh	H. Cao Phong	20° 45' 32"	105° 15' 39"					F-48-79-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cái	TV	xã Đông Phong	H. Cao Phong			20° 42' 29"	105° 22' 10"	20° 43' 03"	105° 20' 45"	F-48-79-D-a
xóm Chằng Giữa	DC	xã Đông Phong	H. Cao Phong	20° 42' 36"	105° 21' 46"					F-48-79-D-a
xóm Chằng Ngoài	DC	xã Đông Phong	H. Cao Phong	20° 42' 42"	105° 21' 14"					F-48-79-D-a
xóm Chằng Trong	DC	xã Đông Phong	H. Cao Phong	20° 42' 32"	105° 22' 01"					F-48-79-D-a
núi Đá Quyền	SV	xã Đông Phong	H. Cao Phong	20° 41' 23"	105° 20' 40"					F-48-79-D-a
suối Quáng	TV	xã Đông Phong	H. Cao Phong			20° 42' 22"	105° 21' 40"	20° 42' 25"	105° 21' 32"	F-48-79-D-a
xóm Quáng Giữa	DC	xã Đông Phong	H. Cao Phong	20° 42' 15"	105° 21' 22"					F-48-79-D-a
xóm Quáng Ngoài	DC	xã Đông Phong	H. Cao Phong	20° 42' 31"	105° 20' 57"					F-48-79-D-a
xóm Quáng Trong	DC	xã Đông Phong	H. Cao Phong	20° 41' 55"	105° 21' 32"					F-48-79-D-a
xóm Bãi Bệ 1	DC	xã Dũng Phong	H. Cao Phong	20° 40' 13"	105° 19' 48"					F-48-79-D-a
xóm Bãi Bệ 2	DC	xã Dũng Phong	H. Cao Phong	20° 40' 05"	105° 20' 08"					F-48-79-D-a
suối Cái	TV	xã Dũng Phong	H. Cao Phong			20° 39' 12"	105° 20' 32"	20° 39' 34"	105° 20' 08"	F-48-79-D-a
núi Cửa Tạng	SV	xã Dũng Phong	H. Cao Phong	20° 39' 12"	105° 20' 54"					F-48-79-D-a
xóm Đỏng Ngoài	DC	xã Dũng Phong	H. Cao Phong	20° 39' 56"	105° 19' 59"					F-48-79-D-a
xóm Dũng Tiến	DC	xã Dũng Phong	H. Cao Phong	20° 39' 39"	105° 20' 09"					F-48-79-D-a
xóm Nà Bái	DC	xã Dũng Phong	H. Cao Phong	20° 39' 37"	105° 19' 43"					F-48-79-D-a
xóm Nam Hồng	DC	xã Dũng Phong	H. Cao Phong	20° 39' 55"	105° 19' 02"					F-48-79-D-a
suối Văn	TV	xã Dũng Phong	H. Cao Phong			20° 39' 59"	105° 19' 11"	20° 40' 23"	105° 18' 50"	F-48-79-D-a
xóm Xương Đầu	DC	xã Dũng Phong	H. Cao Phong	20° 39' 50"	105° 20' 14"					F-48-79-D-a
núi Chạc Mái	SV	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 38' 49"	105° 18' 14"					F-48-79-D-a
núi Chu Khạp	SV	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 38' 16"	105° 18' 07"					F-48-79-D-a
xóm Đúc	DC	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 38' 20"	105° 19' 31"					F-48-79-D-a
xóm Khuận	DC	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 39' 02"	105° 19' 24"					F-48-79-D-a
suối Khuận	TV	xã Nam Phong	H. Cao Phong			20° 38' 25"	105° 20' 00"	20° 38' 58"	105° 19' 10"	F-48-79-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Mạc	DC	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 39' 31"	105° 18' 55"					F-48-79-D-a
xóm Nam Thái	DC	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 40' 24"	105° 18' 23"					F-48-79-D-a
núi Ngọc Tràng	SV	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 39' 18"	105° 17' 46"					F-48-79-D-a
xóm Ong	DC	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 38' 50"	105° 18' 45"					F-48-79-D-a
núi Tạng Hầm	SV	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 38' 25"	105° 20' 06"					F-48-79-D-a
suối Trẹo	TV	xã Nam Phong	H. Cao Phong			20° 38' 58"	105° 19' 10"	20° 40' 23"	105° 18' 30"	F-48-79-D-a
xóm Trẹo Ngoài	DC	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 39' 55"	105° 18' 31"					F-48-79-D-a
xóm Trẹo Trong	DC	xã Nam Phong	H. Cao Phong	20° 39' 32"	105° 18' 41"					F-48-79-D-a
suối Bãi Bông	TV	xã Tân Phong	H. Cao Phong			20° 40' 41"	105° 21' 24"	20° 40' 09"	105° 21' 08"	F-48-79-D-a
xóm Cạn Hạ	DC	xã Tân Phong	H. Cao Phong	20° 41' 05"	105° 19' 42"					F-48-79-D-a
núi Đá Cúi	SV	xã Tân Phong	H. Cao Phong	20° 40' 42"	105° 20' 32"					F-48-79-D-a
xóm Đồng Trong	DC	xã Tân Phong	H. Cao Phong	0° 40' 51"	105° 20' 45"					F-48-79-D-a
xóm Quyền	DC	xã Tân Phong	H. Cao Phong	20° 40' 53"	105° 19' 54"					F-48-79-D-a
suối Tràng	TV	xã Tân Phong	H. Cao Phong			20° 40' 09"	105° 21' 08"	20° 40' 42"	105° 19' 49"	F-48-79-D-a
xóm Trang Giữa	DC	xã Tân Phong	H. Cao Phong	20° 40' 40"	105° 20' 14"					F-48-79-D-a
xóm Trang Trên 1	DC	xã Tân Phong	H. Cao Phong	20° 40' 24"	105° 20' 43"					F-48-79-D-a
xóm Trang Trên 2	DC	xã Tân Phong	H. Cao Phong	20° 40' 27"	105° 20' 18"					F-48-79-D-a
quốc lộ 6	KX	xã Tây Phong	H. Cao Phong			20° 41' 41"	105° 18' 44"	20° 39' 34"	105° 17' 17"	F-48-79-D-a
cầu Bảm	KX	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 41' 41"	105° 18' 44"					F-48-79-D-a
xóm Bảm Dưới	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 41' 34"	105° 18' 32"					F-48-79-D-a
xóm Bảm Trên	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 41' 20"	105° 18' 44"					F-48-79-D-a
xóm Bằng	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 40' 38"	105° 18' 09"					F-48-79-D-a
phố Bằng	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 41' 14"	105° 18' 39"					F-48-79-D-a
núi Bằng	SV	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 40' 50"	105° 17' 45"					F-48-79-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bằng	TV	xã Tây Phong	H. Cao Phong			20° 40' 36"	105° 18' 32"	20° 41' 56"	105° 18' 25"	F-48-79-D-a
cầu Bằng	KX	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 40' 38"	105° 18' 29"					F-48-79-D-a
xóm Chao	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 42' 22"	105° 17' 37"					F-48-79-D-a
xóm Đồi	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 41' 22"	105° 18' 02"					F-48-79-D-a
xóm Khạ	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 41' 37"	105° 18' 02"					F-48-79-D-a
xóm Lãi	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 41' 46"	105° 18' 09"					F-48-79-D-a
núi Lãi	SV	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 41' 56"	105° 17' 44"					F-48-79-D-a
xóm Nếp	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 39' 45"	105° 17' 19"					F-48-79-D-a
xóm Tây Sơn	DC	xã Tây Phong	H. Cao Phong	20° 41' 05"	105° 18' 07"					F-48-79-D-a
suối Vàng	TV	xã Tây Phong	H. Cao Phong			20° 41' 56"	105° 18' 25"	20° 42' 53"	105° 17' 58"	F-48-79-D-a
quốc lộ 6	KX	xã Thu Phong	H. Cao Phong			20° 45' 51"	105° 19' 41"	20° 44' 46"	105° 19' 40"	F-48-79-D-a, F-48-79-B-c
quốc lộ 12B	KX	xã Thu Phong	H. Cao Phong			20° 44' 58"	105° 19' 53"	20° 44' 19"	105° 22' 19"	F-48-79-D-a
xóm Bưng	DC	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 43' 05"	105° 20' 21"					F-48-79-D-a
suối Bưng	TV	xã Thu Phong	H. Cao Phong			20° 43' 05"	105° 20' 42"	20° 42' 54"	105° 19' 26"	F-48-79-D-a
xóm Cun	DC	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 45' 08"	105° 19' 49"					F-48-79-D-a
núi Đá Huyền	SV	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 44' 56"	105° 21' 42"					F-48-79-D-a
dốc Má	SV	xã Thu Phong	H. Cao Phong			20° 44' 55"	105° 19' 55"	20° 44' 49"	105° 19' 45"	F-48-79-D-a
xóm Mới	DC	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 44' 14"	105° 19' 29"					F-48-79-D-a
xóm Nà Nau	DC	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 44' 07"	105° 21' 04"					F-48-79-D-a
xóm Nam Sơn 1	DC	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 44' 22"	105° 20' 22"					F-48-79-D-a
xóm Nam Sơn 2	DC	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 45' 30"	105° 19' 46"					F-48-79-D-a
xóm Thá	DC	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 44' 21"	105° 21' 27"					F-48-79-D-a
cầu Thá	KX	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 44' 19"	105° 21' 36"					F-48-79-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thiều	DC	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 44' 19"	105° 21' 03"					F-48-79-D-a
xóm Vỏ	DC	xã Thu Phong	H. Cao Phong	20° 44' 01"	105° 19' 52"					F-48-79-D-a
tỉnh lộ 435	KX	xã Thung Nai	H. Cao Phong			20° 44' 47"	105° 14' 21"	20° 45' 30"	105° 12' 31"	F-48-79-A-d, F-48-79-C-b
đồi Bái Quan	SV	xã Thung Nai	H. Cao Phong	20° 43' 29"	105° 15' 15"					F-48-79-D-a
xóm Chiềng	DC	xã Thung Nai	H. Cao Phong	20° 43' 37"	105° 15' 33"					F-48-79-D-a
xóm Mới	DC	xã Thung Nai	H. Cao Phong	20° 45' 27"	105° 12' 40"					F-48-79-A-d
xóm Mu	DC	xã Thung Nai	H. Cao Phong	20° 44' 20"	105° 14' 47"					F-48-79-D-a
núi Suối Lau	SV	xã Thung Nai	H. Cao Phong	20° 44' 48"	105° 15' 43"					F-48-79-D-a
núi Thầu Kỳ	SV	xã Thung Nai	H. Cao Phong	20° 44' 02"	105° 16' 31"					F-48-79-D-a
Cảng Thượng nguồn Sông Đà	KX	xã Thung Nai	H. Cao Phong	20° 45' 38"	105° 13' 22"					F-48-79-A-d
xóm Tiện	DC	xã Thung Nai	H. Cao Phong	20° 43' 48"	105° 14' 03"					F-48-79-C-b
núi Bái Bông	SV	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 41' 25"	105° 22' 09"					F-48-79-D-a
suối Cái	TV	xã Xuân Phong	H. Cao Phong			20° 42' 29"	105° 23' 00"	20° 42' 29"	105° 22' 10"	F-48-79-D-b, F-48-79-D-a
suối Cạn	TV	xã Xuân Phong	H. Cao Phong			20° 40' 09"	105° 23' 41"	20° 40' 22"	105° 22' 52"	F-48-79-D-b
xóm Cạn 1	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 41' 01"	105° 22' 14"					F-48-79-D-a
xóm Cạn 2	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 40' 48"	105° 22' 15"					F-48-79-D-a
xóm Đống Vườn	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 41' 45"	105° 22' 20"					F-48-79-D-a
xóm Mừng	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 40' 42"	105° 24' 09"					F-48-79-D-b
suối Mừng	TV	xã Xuân Phong	H. Cao Phong			20° 40' 51"	105° 24' 48"	20° 40' 09"	105° 23' 41"	F-48-79-D-b
xóm Nhõi 1	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 42' 58"	105° 22' 15"					F-48-79-D-a
xóm Nhõi 2	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 42' 38"	105° 22' 44"					F-48-79-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nhõi 3	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 42' 22"	105° 22' 47"					F-48-79-D-b
xóm Rú 2	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 42' 09"	105° 21' 50"					F-48-79-D-a
xóm Rú 3	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 42' 12"	105° 22' 20"					F-48-79-D-a
xóm Rú 4	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 42' 03"	105° 22' 31"					F-48-79-D-b
xóm Rú 6	DC	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 41' 46"	105° 22' 33"					F-48-79-D-b
núi Sạo Lè	SV	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 40' 32"	105° 23' 27"					F-48-79-D-b
núi Sôi Cái	SV	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 41' 02"	105° 24' 31"					F-48-79-D-b
núi Sôi Con	SV	xã Xuân Phong	H. Cao Phong	20° 41' 21"	105° 24' 07"					F-48-79-D-b
xóm Bạ	DC	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 37' 47"	105° 20' 29"					F-48-79-D-a
núi Bái Ngo	SV	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 37' 53"	105° 21' 42"					F-48-79-D-a
xóm Chầm	DC	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 38' 53"	105° 21' 52"					F-48-79-D-a
xóm Đảy	DC	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 38' 40"	105° 21' 19"					F-48-79-D-a
xóm Ngái	DC	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 38' 21"	105° 20' 53"					F-48-79-D-a
đồi Peng	SV	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 37' 49"	105° 20' 12"					F-48-79-D-a
xóm Quà	DC	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 38' 17"	105° 22' 11"					F-48-79-D-a
suối Quà	TV	xã Yên Lập	H. Cao Phong			20° 38' 11"	105° 22' 09"	20° 38' 30"	105° 20' 48"	F-48-79-D-a
xóm Thang	DC	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 37' 27"	105° 21' 11"					F-48-79-D-c
xóm Thôi	DC	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 37' 11"	105° 20' 31"					F-48-79-D-c
suối Thôi	TV	xã Yên Lập	H. Cao Phong			20° 37' 37"	105° 20' 30"	20° 38' 16"	105° 20' 45"	F-48-79-D-a
dãy núi Vó Ấm	SV	xã Yên Lập	H. Cao Phong	20° 39' 22"	105° 21' 30"					F-48-79-D-a
núi Bái Rớm	SV	xã Yên Thượng	H. Cao Phong	20° 37' 00"	105° 23' 08"					F-48-79-D-d
xóm Bợ	DC	xã Yên Thượng	H. Cao Phong	20° 36' 50"	105° 22' 33"					F-48-79-D-d
núi Bua Dênh	SV	xã Yên Thượng	H. Cao Phong	20° 35' 53"	105° 22' 26"					F-48-79-D-c
suối Cái	TV	xã Yên Thượng	H. Cao Phong			20° 37' 13"	105° 22' 41"	20° 36' 56"	105° 22' 43"	F-48-79-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đai	DC	xã Yên Thượng	H. Cao Phong	20° 36' 29"	105° 22' 13"					F-48-79-D-c
suối Đai	TV	xã Yên Thượng	H. Cao Phong			20° 37' 19"	105° 22' 09"	20° 36' 05"	105° 21' 48"	F-48-79-D-c
xóm Khánh	DC	xã Yên Thượng	H. Cao Phong	20° 37' 36"	105° 22' 48"					F-48-79-D-b
xóm Pheo	DC	xã Yên Thượng	H. Cao Phong	20° 35' 53"	105° 21' 40"					F-48-79-D-c
xóm Rớm	DC	xã Yên Thượng	H. Cao Phong	20° 37' 05"	105° 22' 58"					F-48-79-D-d
xóm Um	DC	xã Yên Thượng	H. Cao Phong	20° 37' 04"	105° 22' 00"					F-48-79-D-c
tỉnh lộ 433	KX	TT. Đà Bắc	H. Đà Bắc			20° 52' 33"	105° 15' 52"	20° 52' 30"	105° 13' 40"	F-48-79-A-b, F-48-79-B-a
suối Cái	TV	TT. Đà Bắc	H. Đà Bắc			20° 52' 41"	105° 13' 47"	20° 52' 58"	105° 14' 31"	F-48-79-A-b, F-48-79-A-d, F-48-79-B-a
thôn Mu	DC	TT. Đà Bắc	H. Đà Bắc	20° 52' 46"	105° 15' 02"					F-48-79-A-b, F-48-79-B-a
tỉnh lộ 433	KX	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc			20° 52' 02"	105° 11' 52"	20° 53' 13"	105° 09' 11"	F-48-79-A-b, F-48-79-A-d
núi Ba Chi	SV	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 53' 34"	105° 11' 25"					F-48-79-A-d
xóm Bai	DC	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 51' 25"	105° 10' 08"					F-48-79-A-d
xóm Giằng	DC	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 51' 04"	105° 07' 41"					F-48-79-A-d
suối Giằng	TV	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc			20° 51' 00"	105° 06' 36"	20° 50' 52"	105° 06' 51"	F-48-79-A-c
suối Khoang Cha	TV	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc			20° 52' 38"	105° 08' 36"	20° 51' 25"	105° 07' 36"	F-48-79-A-d
xóm Lanh	DC	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 50' 07"	105° 08' 58"					F-48-79-A-d
suối Láo	TV	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc			20° 52' 50"	105° 11' 31"	20° 52' 17"	105° 08' 46"	F-48-79-A-b, F-48-79-A-d
núi Lũng Sinh	SV	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 48' 28"	105° 09' 06"					F-48-79-A-d
xóm Nà Chiếu	DC	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 51' 56"	105° 11' 05"					F-48-79-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sèo	DC	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 52' 10"	105° 10' 08"					F-48-79-A-d
xóm Sơn Phú	DC	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 51' 15"	105° 09' 07"					F-48-79-A-d
xóm Tằm	DC	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 49' 15"	105° 09' 30"					F-48-79-A-d
xóm Xưng	DC	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 52' 01"	105° 11' 35"					F-48-79-A-d
khu Yên Lý	DC	xã Cao Sơn	H. Đà Bắc	20° 52' 01"	105° 11' 35"					F-48-79-A-d
xóm Cang	DC	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 53' 56"	105° 03' 51"					F-48-79-A-a
hồ Cang	TV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 53' 37"	105° 03' 40"					F-48-79-A-a
pu Canh	SV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 55' 24"	105° 01' 22"					F-48-79-A-a
núi Chàng Ngàn	SV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 56' 42"	105° 02' 16"					F-48-79-A-a
phu Cỏ Sụng	SV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 53' 16"	105° 03' 22"					F-48-79-A-a
xóm Kẹn	DC	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 54' 35"	105° 04' 46"					F-48-79-A-a
xóm Khem	DC	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 53' 17"	105° 02' 58"					F-48-79-A-a
núi Khòn	SV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 54' 48"	105° 03' 10"					F-48-79-A-a
suối Khòn	TV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc			20° 55' 51"	105° 02' 20"	20° 55' 19"	105° 05' 35"	F-48-79-A-a
xóm Lăm	DC	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 55' 05"	105° 03' 45"					F-48-79-A-a
xóm Lọng	DC	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 55' 12"	105° 04' 12"					F-48-79-A-a
suối Mốn	TV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc			20° 53' 42"	105° 07' 26"	20° 53' 32"	105° 06' 05"	F-48-79-A-a
xóm Nghịt	DC	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 54' 54"	105° 05' 51"					F-48-79-A-a
suối Sổ	TV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc			20° 54' 50"	105° 05' 53"	20° 53' 32"	105° 06' 05"	F-48-79-A-a
xóm Thằm Luông	DC	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc	20° 56' 22"	105° 03' 12"					F-48-79-A-a
suối Trông	TV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc			20° 55' 40"	105° 05' 26"	20° 54' 50"	105° 05' 53"	F-48-79-A-a
suối Yên	TV	xã Đoàn Kết	H. Đà Bắc			20° 55' 40"	105° 05' 26"	20° 54' 50"	105° 05' 53"	F-48-79-A-a
suối Bao	TV	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc			20° 58' 48"	104° 59' 38"	20° 57' 42"	104° 59' 11"	F-48-78-B-b
xóm Ca Lông	DC	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 58' 40"	104° 56' 34"					F-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Chanh	DC	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 58' 19"	104° 55' 36"					F-48-78-B-b
suối Chum	TV	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc			20° 59' 09"	104° 57' 34"	20° 56' 52"	104° 58' 04"	F-48-78-B-b
xóm Cỏ Phụng	DC	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 58' 03"	104° 57' 42"					F-48-78-B-b
sông Đà	TV	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc			20° 57' 59"	104° 55' 06"	20° 55' 02"	104° 57' 27"	F-48-78-B-b
núi Gò Nghé	SV	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 57' 28"	105° 01' 30"					F-48-79-A-a
xóm Hà	DC	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 56' 08"	104° 56' 48"					F-48-78-B-b
núi Hằm Họm	SV	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 56' 51"	105° 00' 09"					F-48-79-A-a
xóm Mới 1	DC	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 58' 29"	104° 57' 33"					F-48-78-B-b
xóm Mới 2	DC	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 58' 42"	104° 57' 27"					F-48-78-B-b
núi Nà Khộm	SV	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 58' 11"	105° 00' 20"					F-48-79-A-a
xóm Nà Lốc	DC	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 58' 34"	104° 57' 53"					F-48-78-B-b
suối Nhạp	TV	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc			20° 57' 42"	104° 59' 11"	20° 55' 44"	104° 58' 33"	F-48-78-B-b
xóm Nhạp 1	DC	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 57' 34"	104° 59' 24"					F-48-78-B-b, F-48-79-A-a
xóm Pà Chè	DC	xã Đồng Chum	H. Đà Bắc	20° 58' 22"	104° 57' 46"					F-48-78-B-b
tỉnh lộ 433	KX	xã Đồng Nghê	H. Đà Bắc			21° 02' 04"	104° 52' 00"	21° 03' 55"	104° 52' 21"	F-48-66-D-d
bản Ấm	DC	xã Đồng Nghê	H. Đà Bắc	21° 04' 33"	104° 51' 09"					F-48-66-D-c
bản Đăm	DC	xã Đồng Nghê	H. Đà Bắc	21° 05' 28"	104° 52' 48"					F-48-66-D-d
suối Khoáng	TV	xã Đồng Nghê	H. Đà Bắc			21° 04' 39"	104° 51' 03"	21° 01' 50"	104° 51' 55"	F-48-66-D-c
bản Lài	DC	xã Đồng Nghê	H. Đà Bắc	21° 06' 21"	104° 54' 19"					F-48-66-D-d
bản Mọc	DC	xã Đồng Nghê	H. Đà Bắc	21° 03' 42"	104° 52' 20"					F-48-66-D-c
xóm Nghê	DC	xã Đồng Nghê	H. Đà Bắc	21° 05' 26"	104° 53' 59"					F-48-66-D-d
suối Nghê	TV	xã Đồng Nghê	H. Đà Bắc			21° 05' 03"	104° 53' 34"	21° 03' 31"	104° 51' 31"	F-48-66-D-d, F-48-66-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đà	TV	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc			20° 55' 02"	104° 57' 27"	20° 52' 00"	105° 00' 53"	F-48-78-B-b
xóm Hạ	DC	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc	20° 53' 15"	104° 59' 39"					F-48-78-B-b
xóm Hày	DC	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc	20° 53' 34"	105° 00' 54"					F-48-79-A-a
xóm Hồm	DC	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc	20° 53' 51"	104° 58' 54"					F-48-78-B-b
xóm Nhạp	DC	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc	20° 55' 18"	104° 58' 30"					F-48-78-B-b
núi Tanh Hương	SV	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc	20° 54' 47"	104° 59' 47"					F-48-78-B-b
xóm Thượng	DC	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc	20° 54' 05"	104° 59' 47"					F-48-78-B-b
pu Trạp Trài	SV	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc	20° 53' 09"	105° 00' 12"					F-48-79-A-a
xóm Trông	DC	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc	20° 52' 15"	105° 00' 14"					F-48-79-A-c
suối Trông	TV	xã Đồng Ruộng	H. Đà Bắc			20° 55' 06"	105° 03' 02"	20° 53' 25"	105° 01' 48"	F-48-79-A-a
tỉnh lộ 433	KX	xã Giáp Đắt	H. Đà Bắc			20° 59' 10"	105° 00' 01"	21° 01' 01"	104° 57' 51"	F-48-66-D-d, F-48-78-B-b, F-48-79-A-a
xóm Bằng	DC	xã Giáp Đắt	H. Đà Bắc	20° 59' 56"	104° 59' 35"					F-48-66-D-d, F-48-78-B-b
núi Cháng Non	SV	xã Giáp Đắt	H. Đà Bắc	21° 03' 12"	104° 56' 35"					F-48-66-D-d
suối Chum	TV	xã Giáp Đắt	H. Đà Bắc			21° 01' 23"	104° 57' 58"	21° 01' 03"	104° 57' 47"	F-48-66-D-d
núi Cọ	SV	xã Giáp Đắt	H. Đà Bắc	21° 03' 39"	104° 57' 41"					F-48-66-D-d
xóm Đắt	DC	xã Giáp Đắt	H. Đà Bắc	21° 01' 08"	104° 58' 06"					F-48-66-D-d
núi Hảo	SV	xã Giáp Đắt	H. Đà Bắc	21° 03' 09"	104° 58' 44"					F-48-66-D-d
xóm Thu Lu	DC	xã Giáp Đắt	H. Đà Bắc	21° 01' 57"	104° 58' 21"					F-48-66-D-d
suối Thu Lu	TV	xã Giáp Đắt	H. Đà Bắc			21° 03' 00"	104° 57' 22"	21° 01' 23"	104° 57' 58"	F-48-66-D-d
xóm Hào Phong	DC	xã Hào Lý	H. Đà Bắc	20° 55' 25"	105° 17' 24"					F-48-79-B-a
xóm Hào Phú	DC	xã Hào Lý	H. Đà Bắc	20° 55' 53"	105° 15' 54"					F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Nâu	SV	xã Hào Lý	H. Đà Bắc	20° 54' 13"	105° 18' 23"					F-48-79-B-a
xóm Quyết Chiến	DC	xã Hào Lý	H. Đà Bắc	20° 55' 46"	105° 15' 51"					F-48-79-B-a
xóm Tân Lý	DC	xã Hào Lý	H. Đà Bắc	20° 58' 08"	105° 15' 32"					F-48-79-B-a
núi Táu	SV	xã Hào Lý	H. Đà Bắc	20° 56' 09"	105° 15' 00"					F-48-79-B-a
suối Thương	TV	xã Hào Lý	H. Đà Bắc			20° 55' 02"	105° 16' 55"	20° 55' 50"	105° 17' 06"	F-48-79-B-a
đồi Cọ	SV	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc	20° 51' 39"	105° 12' 52"					F-48-79-A-d
xóm Doi	DC	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc	20° 51' 32"	105° 13' 53"					F-48-79-A-d
xóm Dưng	DC	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc	20° 51' 48"	105° 15' 04"					F-48-79-B-c
xóm Ké	DC	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc	20° 51' 21"	105° 13' 25"					F-48-79-A-d
xóm Mái	DC	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc	20° 50' 13"	105° 13' 46"					F-48-79-A-d
xóm Mơ	DC	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc	20° 49' 39"	105° 14' 43"					F-48-79-A-d
xóm Ngù	DC	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc	20° 50' 13"	105° 13' 12"					F-48-79-A-d
suối Nước Mọc	TV	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc			20° 51' 02"	105° 11' 42"	20° 50' 53"	105° 13' 00"	F-48-79-A-d
núi Rồng	SV	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc	20° 51' 31"	105° 16' 06"					F-48-79-B-c
đồi U Bò	SV	xã Hiền Lương	H. Đà Bắc	20° 52' 02"	105° 13' 32"					F-48-79-A-d
tỉnh lộ 433	KX	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc			21° 01' 01"	104° 57' 51"	21° 00' 45"	104° 56' 08"	F-48-66-D-d
xóm Bản Hạ	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	20° 59' 32"	104° 57' 45"					F-48-66-D-d
suối Chiềng	TV	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc			21° 01' 03"	104° 57' 47"	20° 59' 09"	104° 57' 34"	F-48-66-D-d, F-48-78-B-b
xóm Chiềng Cang	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	21° 00' 09"	104° 57' 38"					F-48-66-D-d
xóm Chum Nưa	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	21° 00' 43"	104° 57' 28"					F-48-66-D-d
suối Kế	TV	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc			20° 59' 46"	104° 56' 05"	20° 58' 54"	104° 55' 16"	F-48-78-B-b
bản Kế 1	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	20° 59' 03"	104° 55' 20"					F-48-78-B-b
bản Kế 2	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	20° 59' 34"	104° 56' 04"					F-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Kế 3	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	20° 58' 59"	104° 56' 09"					F-48-78-B-b
pu Khảu Ìn	SV	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	21° 00' 23"	104° 54' 25"					F-48-66-D-d
xóm Nà Mặn	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	21° 01' 00"	104° 57' 12"					F-48-66-D-d
xóm Nà Mười	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	21° 00' 33"	104° 57' 25"					F-48-66-D-d
xóm Nà Phang	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	21° 00' 25"	104° 57' 38"					F-48-66-D-d
xóm U Quan	DC	xã Mường Chiềng	H. Đà Bắc	20° 59' 55"	104° 57' 36"					F-48-78-B-b
sông Đà	TV	xã Mường Tuồng	H. Đà Bắc			21° 01' 23"	104° 52' 42"	20° 58' 198"	104° 54' 38"	F-48-66-D-d, F-48-78-B-b
xóm Đâm	DC	xã Mường Tuồng	H. Đà Bắc	21° 00' 47"	104° 54' 15"					F-48-66-D-d
xóm Đầm Phế	DC	xã Mường Tuồng	H. Đà Bắc	21° 00' 17"	104° 53' 59"					F-48-66-D-d
xóm Mí	DC	xã Mường Tuồng	H. Đà Bắc	21° 00' 42"	104° 53' 32"					F-48-66-D-d
xóm Tuổng Bãi	DC	xã Mường Tuồng	H. Đà Bắc	20° 59' 36"	104° 54' 00"					F-48-78-B-b
xóm Tuổng Đồi	DC	xã Mường Tuồng	H. Đà Bắc	21° 00' 25"	104° 54' 08"					F-48-66-D-d
tỉnh lộ 433	KX	xã Suối Nánh	H. Đà Bắc			21° 00' 45"	104° 56' 08"	21° 02' 04"	104° 52' 00"	F-48-66-D-d
xóm Bưa Sen	DC	xã Suối Nánh	H. Đà Bắc	21° 01' 50"	104° 52' 31"					F-48-66-D-d, F-48-66-D-c
xóm Cơi 1	DC	xã Suối Nánh	H. Đà Bắc	21° 02' 12"	104° 53' 42"					F-48-66-D-d
xóm Cơi 2	DC	xã Suối Nánh	H. Đà Bắc	21° 02' 12"	104° 53' 30"					F-48-66-D-d
xóm Cơi 3	DC	xã Suối Nánh	H. Đà Bắc	21° 02' 09"	104° 53' 51"					F-48-66-D-d
xóm Duốc	DC	xã Suối Nánh	H. Đà Bắc	21° 03' 12"	104° 55' 34"					F-48-66-D-d
suối Nánh	TV	xã Suối Nánh	H. Đà Bắc			21° 02' 14"	104° 56' 16"	21° 02' 01"	104° 53' 20"	F-48-66-D-d
núi Ba Chí	SV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 55' 18"	105° 11' 39"					F-48-79-A-b
xóm Bồ	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 55' 57"	105° 10' 48"					F-48-79-A-b
suối Bơ	TV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc			20° 56' 24"	105° 11' 19"	20° 54' 14"	105° 09' 33"	F-48-79-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bống	TV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc			20° 55' 33"	105° 09' 17"	20° 53' 52"	105° 09' 17"	F-48-79-A-b
xóm Chầm	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 54' 07"	105° 09' 32"					F-48-79-A-b
suối Cọ Nôm	TV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc			20° 55' 04"	105° 07' 25"	20° 55' 27"	105° 06' 32"	F-48-79-A-a
xóm Cọ Phay	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 55' 41"	105° 08' 13"					F-48-79-A-b
suối Cọ Phay	TV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc			20° 55' 39"	105° 08' 15"	20° 55' 22"	105° 09' 03"	F-48-79-A-b
suối Cọ Phương	TV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc			20° 55' 09"	105° 06' 41"	20° 55' 16"	105° 06' 28"	F-48-79-A-a
xóm Diều Luông	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 54' 59"	105° 07' 36"					F-48-79-A-a, F-48-79-A-b
xóm Diều Nọi	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 56' 14"	105° 11' 05"					F-48-79-A-b
xóm Ênh	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 56' 34"	105° 04' 57"					F-48-79-A-a
xóm Giáp Đất	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 56' 41"	105° 11' 34"					F-48-79-A-b
xóm Mít	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 55' 16"	105° 09' 55"					F-48-79-A-b
xóm Pu Mường	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 55' 51"	105° 06' 56"					F-48-79-A-a
núi Quyền	SV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 56' 52"	105° 04' 08"					F-48-79-A-a
xóm Suối Yên	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 56' 28"	105° 05' 39"					F-48-79-A-a
xóm Tát	DC	xã Tân Minh	H. Đà Bắc	20° 55' 44"	105° 07' 38"					F-48-79-A-a, F-48-79-A-b
suối Tát	TV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc			20° 55' 41"	105° 07' 35"	20° 55' 09"	105° 06' 13"	F-48-79-A-a, F-48-79-A-b
suối Trầm	TV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc			20° 53' 52"	105° 09' 17"	20° 52' 38"	105° 08' 36"	F-48-79-A-b
suối Truồng	TV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc			20° 54' 37"	105° 11' 44"	20° 55' 04"	105° 09' 50"	F-48-79-A-b
suối Yên	TV	xã Tân Minh	H. Đà Bắc			20° 56' 47"	105° 06' 15"	20° 56' 22"	105° 05' 38"	F-48-79-A-a
tỉnh lộ 433	KX	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc			20° 57' 33"	105° 04' 23"	20° 59' 10"	105° 00' 01"	F-48-79-A-a, F-48-67-C-c
xóm Bon	DC	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 59' 32"	105° 00' 54"					F-48-79-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bương	DC	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	21° 00' 43"	105° 02' 04"					F-48-67-C-c
xóm Chàm	DC	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 59' 00"	105° 03' 17"					F-48-79-A-a
ngầm Chàm 1	KX	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 58' 37"	105° 03' 32"					F-48-79-A-a
ngầm Chàm 2	KX	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 58' 47"	105° 03' 24"					F-48-79-A-a
ngầm Chàm 3	KX	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 59' 08"	105° 03' 05"					F-48-79-A-a
đồi Khom Kheo	SV	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 58' 43"	105° 02' 54"					F-48-79-A-a
xóm Náy	DC	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	21° 00' 03"	105° 01' 49"					F-48-67-C-c
ngầm Náy	KX	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	21° 00' 23"	105° 02' 08"					F-48-67-C-c
suối Nhạp	TV	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc			20° 57' 24"	105° 04' 02"	20° 59' 16"	105° 00' 38"	F-48-79-A-a
xóm Phổn	DC	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 59' 39"	105° 03' 02"					F-48-79-A-a
suối Phổn	TV	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc			20° 58' 34"	105° 04' 02"	20° 58' 53"	105° 01' 59"	F-48-79-A-a
ngầm Phổn	KX	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 59' 35"	105° 02' 43"					F-48-79-A-a
đồi Puộc	SV	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 59' 38"	105° 03' 35"					F-48-79-A-a
xóm Than	DC	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 58' 27"	105° 03' 47"					F-48-79-A-a
xóm Thùng Lùng	DC	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 58' 50"	105° 01' 49"					F-48-79-A-a
đập Thùng Lùng	TV	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 58' 52"	105° 01' 54"					F-48-79-A-a
cầu Thùng Lùng	KX	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 59' 09"	105° 02' 23"					F-48-79-A-a
ngầm Tiền	KX	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	21° 00' 21"	105° 01' 50"					F-48-67-C-c
núi U	SV	xã Tân Pheo	H. Đà Bắc	20° 57' 42"	105° 02' 32"					F-48-79-A-a
xóm Cò Xa	DC	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 49' 47"	105° 06' 21"					F-48-79-A-c
xóm Đá Bia	DC	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 48' 33"	105° 06' 47"					F-48-79-A-c
xóm Điêng	DC	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 46' 43"	105° 08' 14"					F-48-79-A-d
núi Đồng Mả	SV	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 47' 36"	105° 10' 00"					F-48-79-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Hòa Bình	TV	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 46' 09"	105° 08' 51"					F-48-79-A-c, F-48-79-A-d, F-48-79-B-c
xóm Lựng	DC	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 46' 25"	105° 06' 03"					F-48-79-A-c
xóm Mát	DC	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 47' 42"	105° 08' 50"					F-48-79-A-d
xóm Mực	DC	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 47' 12"	105° 06' 42"					F-48-79-A-c
xóm Nà Luồng	DC	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 47' 41"	105° 08' 19"					F-48-79-A-đ
ngòi Oi Nọi	TV	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc			20° 48' 00"	105° 07' 24"	20° 48' 55"	105° 06' 08"	F-48-79-A-c
xóm Phiếu	DC	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 47' 55"	105° 07' 27"					F-48-79-A-d
núi Trạc Voi	SV	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 50' 00"	105° 04' 50"					F-48-79-A-c
suối Trầm	TV	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc			20° 50' 44"	105° 07' 04"	20° 49' 12"	105° 06' 37"	F-48-79-A-c
núi Trầm Khò	SV	xã Tiền Phong	H. Đà Bắc	20° 47' 35"	105° 06' 36"					F-48-79-A-c
tỉnh lộ 433	KX	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc			20° 51' 10"	105° 17' 31"	20° 52' 33"	105° 15' 52"	F-48-79-B-a, F-48-79-B-c
suối Cạn	TV	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc			20° 50' 56"	105° 16' 26"	20° 50' 30"	105° 16' 20"	F-48-79-B-c
xóm Cha	DC	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc	20° 52' 05"	105° 16' 31"					F-48-79-B-c
đèo Cha	SV	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc	20° 52' 15"	105° 16' 20"					F-48-79-B-c
suối Cha	TV	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc			20° 52' 23"	105° 16' 52"	20° 51' 09"	105° 17' 32"	F-48-79-B-c
hồ Hòa Bình	TV	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc	20° 46' 09"	105° 08' 51"					F-48-79-A-c, F-48-79-A-d, F-48-79-B-c
suối Mốc	TV	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc			20° 49' 05"	105° 17' 20"	20° 48' 43"	105° 17' 13"	F-48-79-B-c
suối Phủ	TV	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc			20° 50' 20"	105° 17' 14"	20° 50' 17"	105° 16' 55"	F-48-79-B-c
xóm Phủ 1	DC	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc	20° 50' 19"	105° 16' 56"					F-48-79-B-c
xóm Phủ 2	DC	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc	20° 50' 33"	105° 16' 17"					F-48-79-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Rãnh	DC	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc	20° 49' 17"	105° 17' 32"					F-48-79-B-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc	20° 52' 40"	105° 16' 35"					F-48-79-B-a
núi Tran	SV	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc	20° 51' 52"	105° 15' 44"					F-48-79-B-c
xóm Trúc Sơn	DC	xã Toàn Sơn	H. Đà Bắc	20° 52' 28"	105° 16' 15"					F-48-79-B-c
đồi Âm	SV	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 53' 24"	105° 06' 39"					F-48-79-A-a
suối Âm	TV	xã Trung Thành	H. Đà Bắc			20° 53' 14"	105° 07' 25"	20° 52' 39"	105° 07' 00"	F-48-79-A-a
xóm Bay	DC	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 53' 48"	105° 05' 03"					F-48-79-A-a
pu Bày	SV	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 53' 22"	105° 05' 31"					F-48-79-A-a
xóm Búa	DC	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 52' 06"	105° 05' 26"					F-48-79-A-c
xóm Hạ	DC	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 52' 43"	105° 05' 38"					F-48-79-A-a
núi Hủa Ta	SV	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 53' 16"	105° 04' 06"					F-48-79-A-a
pu Mua To	SV	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 51' 33"	105° 04' 49"					F-48-79-A-c
suối Pe	TV	xã Trung Thành	H. Đà Bắc			20° 52' 11"	105° 04' 55"	20° 52' 50"	105° 06' 24"	F-48-79-A-a, F-48-79-A-c
xóm Sổ	DC	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 52' 48"	105° 06' 48"					F-48-79-A-a
suối Sổ	TV	xã Trung Thành	H. Đà Bắc			20° 53' 49"	105° 05' 58"	20° 51' 53"	105° 07' 26"	F-48-79-A-a, F-48-79-A-c, F-48-79-A-d
xóm Tằm	DC	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 52' 54"	105° 05' 18"					F-48-79-A-a
xóm Thượng	DC	xã Trung Thành	H. Đà Bắc	20° 52' 54"	105° 04' 26"					F-48-79-A-a
tỉnh lộ 433	KX	xã Tu Lý	H. Đà Bắc			20° 52' 30"	105° 13' 40"	20° 52' 02"	105° 11' 52"	F-48-79-A-b, F-48-79-A-d
xóm Bình Lý	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 54' 19"	105° 15' 37"					F-48-79-B-a
suối Cái	TV	xã Tu Lý	H. Đà Bắc			20° 51' 59"	105° 11' 52"	20° 54' 59"	105° 15' 13"	F-48-79-A-b, F-48-79-A-d, F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cháu	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 54' 31"	105° 15' 55"					F-48-79-B-a
xóm Hương Lý	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 52' 36"	105° 13' 19"					F-48-79-A-b
xóm Kim Lý	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 52' 53"	105° 13' 57"					F-48-79-A-b
xóm Mạ	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 53' 41"	105° 15' 42"					F-48-79-B-a
xóm Mè	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 54' 49"	105° 15' 25"					F-48-79-B-a
xóm Mít	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 54' 48"	105° 16' 06"					F-48-79-B-a
xóm Riêng	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 53' 40"	105° 14' 31"					F-48-79-A-b
xóm Tầy Măng	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 52' 13"	105° 12' 30"					F-48-79-A-d
cầu Tình	KX	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 53' 45"	105° 15' 17"					F-48-79-B-a
xóm Tràng	DC	xã Tu Lý	H. Đà Bắc	20° 53' 58"	105° 15' 03"					F-48-79-B-a
suối Búng	TV	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc			20° 47' 11"	105° 10' 33"	20° 46' 41"	105° 10' 21"	F-48-79-A-d
xóm Dướng	DC	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 49' 12"	105° 12' 37"					F-48-79-A-d
xóm Lau Bai	DC	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 47' 24"	105° 12' 20"					F-48-79-A-d
xóm Mó Nẻ	DC	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 48' 10"	105° 10' 17"					F-48-79-A-d
xóm Nưa	DC	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 47' 29"	105° 15' 13"					F-48-79-B-c
suối Săng	TV	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc			20° 47' 17"	105° 10' 02"	20° 46' 41"	105° 10' 03"	F-48-79-A-d
xóm Săng Trạch	DC	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 46' 31"	105° 11' 04"					F-48-79-A-d
đèo Tạng Khuốc	SV	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 47' 56"	105° 10' 08"					F-48-79-A-d
xóm Tham	DC	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 48' 18"	105° 13' 07"					F-48-79-A-d
xóm Thín	DC	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 47' 57"	105° 12' 09"					F-48-79-A-d
xóm Trà Ang	DC	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 49' 09"	105° 13' 49"					F-48-79-A-d
suối Trạch	TV	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc			20° 47' 40"	105° 10' 41"	20° 47' 02"	105° 11' 24"	F-48-79-A-d
xóm Vầy	DC	xã Vầy Nưa	H. Đà Bắc	20° 48' 38"	105° 13' 20"					F-48-79-A-d
pu Chuộng	SV	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 50' 55"	105° 03' 42"					F-48-79-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đà	TV	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc			20° 52' 00"	105° 00' 53"	20° 48' 51"	105° 04' 52"	F-48-79-A-c
xóm Hạt	DC	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 51' 25"	105° 03' 09"					F-48-79-A-c
xóm Hòa Yên	DC	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 52' 04"	105° 02' 12"					F-48-79-A-c
xóm Kìa	DC	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 51' 28"	105° 02' 32"					F-48-79-A-c
xóm Lang	DC	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 52' 21"	105° 03' 59"					F-48-79-A-c, F-48-79-A-a
suối Lang	TV	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc			20° 52' 35"	105° 03' 03"	20° 51' 15"	105° 01' 48"	F-48-79-A-a, F-48-79-A-c
xóm Men	DC	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 52' 27"	105° 02' 21"					F-48-79-A-c, F-48-79-A-a
xóm Nàm	DC	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 51' 10"	105° 02' 44"					F-48-79-A-c
xóm Ta Tao	DC	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 51' 54"	105° 01' 32"					F-48-79-A-c
núi Tụ Hịn	SV	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 52' 51"	105° 04' 08"					F-48-79-A-a
xóm Tù Mù	DC	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 52' 23"	105° 03' 18"					F-48-79-A-c
xóm Yên Phong	DC	xã Yên Hòa	H. Đà Bắc	20° 50' 19"	105° 03' 07"					F-48-79-A-c
xóm Cầu	DC	xã Bắc Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 10"	105° 30' 12"					F-48-80-A-c
núi Cây Sến	SV	xã Bắc Sơn	H. Kim Bôi	20° 48' 02"	105° 30' 03"					F-48-80-A-c
xóm Đằng Long	DC	xã Bắc Sơn	H. Kim Bôi	20° 47' 47"	105° 30' 52"					F-48-80-A-c
xóm Hồi	DC	xã Bắc Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 56"	105° 30' 04"					F-48-80-A-c
xóm Khả	DC	xã Bắc Sơn	H. Kim Bôi	20° 46' 23"	105° 30' 02"					F-48-80-A-c
xóm Khả Trên	DC	xã Bắc Sơn	H. Kim Bôi	20° 46' 36"	105° 30' 39"					F-48-80-A-c
xóm Trám	DC	xã Bắc Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 33"	105° 30' 33"					F-48-80-A-c
ngầm Bai Ngang	KX	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 33"	105° 28' 10"					F-48-79-B-d
đồi Bố Cu	SV	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 55"	105° 29' 28"					F-48-79-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cái	TV	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi			20° 46' 15"	105° 27' 48"	20° 45' 51"	105° 28' 01"	F-48-79-B-d
xóm Cuôi Ốc	DC	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 32"	105° 28' 38"					F-48-79-D-b
bản Hang Lờm	DC	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi	20° 46' 48"	105° 28' 56"					F-48-79-B-d
xóm Khăm	DC	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 46"	105° 28' 16"					F-48-79-B-d
ngã ba Khăm	KX	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 41"	105° 28' 19"					F-48-79-B-d
xóm Láu Ráy	DC	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 35"	105° 29' 01"					F-48-79-B-d
đồi Nam Nai	SV	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi	20° 47' 10"	105° 28' 34"					F-48-79-B-d
suối Sống	TV	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi			20° 46' 09"	105° 28' 44"	20° 45' 49"	105° 28' 19"	F-48-79-B-d
đồi Trẹ	SV	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 53"	105° 29' 33"					F-48-79-D-b
đường Trường Sơn A	KX	xã Bình Sơn	H. Kim Bôi			20° 46' 24"	105° 27' 53"	20° 45' 30"	105° 29' 29"	F-48-79-B-d
xóm Bưa Gạo	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 33' 39"	105° 33' 40"					F-48-80-C-c
xóm Chạo	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 35' 43"	105° 33' 53"					F-48-80-C-c
hang Chùa	SV	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 36' 08"	105° 34' 18"					F-48-80-C-c
đồi Cỏ Hoang	SV	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 34' 13"	105° 34' 10"					F-48-80-C-c
xóm Cuối	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 35' 50"	105° 33' 38"					F-48-80-C-c
hang Đá Bạc	SV	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 36' 21"	105° 33' 11"					F-48-80-C-c
hang Hùm	SV	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 36' 06"	105° 33' 37"					F-48-80-C-c
xóm Khoang	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 36' 42"	105° 33' 07"					F-48-80-C-c
xóm Lựng	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 35' 33"	105° 34' 12"					F-48-80-C-c
ngầm Lựng	KX	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 35' 54"	105° 34' 35"					F-48-80-C-c
xóm Má	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 36' 26"	105° 32' 44"					F-48-80-C-c
xóm Mư	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 37' 11"	105° 32' 43"					F-48-80-C-c
đồi Nghen Đụn	SV	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 33' 27"	105° 34' 17"					F-48-80-C-c
xóm Nghìa	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 34' 20"	105° 33' 51"					F-48-80-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hang Núi Bò	SV	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 35' 59"	105° 34' 03"					F-48-80-C-c
xóm Pang	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 35' 00"	105° 33' 51"					F-48-80-C-c
xóm Thông	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 35' 39"	105° 32' 37"					F-48-80-C-c
xóm Thượng	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 35' 54"	105° 32' 39"					F-48-80-C-c
xóm Vọ	DC	xã Cuối Hạ	H. Kim Bôi	20° 34' 59"	105° 32' 40"					F-48-80-C-c
quốc lộ 12B	KX	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi			20° 43' 55"	105° 27' 42"	20° 42' 36"	105° 28' 45"	F-48-79-D-b
núi Bái Cả	SV	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 42' 34"	105° 27' 16"					F-48-79-D-b
núi Bái Tháy	SV	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 41' 49"	105° 26' 41"					F-48-79-D-b
xóm Cặm Cõ	DC	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 43' 02"	105° 28' 23"					F-48-79-D-b
xóm Dạnh	DC	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 43' 54"	105° 28' 17"					F-48-79-D-b
suối Dạnh	TV	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi			20° 44' 18"	105° 27' 49"	20° 44' 10"	105° 27' 55"	F-48-79-D-b
xóm Đầm	DC	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 43' 14"	105° 27' 44"					F-48-79-D-b
suối Đầm	TV	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi			20° 43' 16"	105° 27' 54"	20° 43' 45"	105° 28' 35"	F-48-79-D-b
xóm Đầm Hạ	DC	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 42' 46"	105° 27' 42"					F-48-79-D-b
xóm Định	DC	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 42' 29"	105° 27' 54"					F-48-79-D-b
xóm Đồng Nang	DC	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 43' 34"	105° 27' 59"					F-48-79-D-b
núi Khụ Rù	SV	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 42' 28"	105° 28' 33"					F-48-79-D-b
xóm Trang Ngoài	DC	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 41' 58"	105° 28' 10"					F-48-79-D-b
xóm Trang Trong	DC	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 42' 13"	105° 27' 58"					F-48-79-D-b
đồi U Bò	SV	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 43' 45"	105° 28' 21"					F-48-79-D-b
xóm Ve	DC	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 43' 19"	105° 28' 12"					F-48-79-D-b
cầu Ve	KX	xã Đông Bắc	H. Kim Bôi	20° 43' 23"	105° 28' 07"					F-48-79-D-b
núi Ba Châu	SV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 49' 06"	105° 25' 59"					F-48-79-B-d
thôn Bái Tam	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 48' 03"	105° 24' 37"					F-48-79-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bình Hương	SV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 48' 33"	105° 26' 37"					F-48-79-B-d
suối Cuối	TV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi			20° 46' 46"	105° 23' 11"	20° 47' 30"	105° 24' 44"	F-48-79-B-d
thôn Đồi Mu	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 45' 46"	105° 27' 07"					F-48-79-B-d
thôn Đồng Bãi	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 47' 06"	105° 24' 57"					F-48-79-B-d
suối Đúc	TV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi			20° 48' 35"	105° 25' 42"	20° 46' 15"	105° 27' 48"	F-48-79-B-d
thôn Gò Bùi	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 47' 19"	105° 24' 37"					F-48-79-B-d
thôn Gò Tháu	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 46' 00"	105° 26' 57"					F-48-79-B-d
suối Khuộc	TV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi			20° 48' 02"	105° 28' 34"	20° 48' 04"	105° 27' 53"	F-48-79-B-d
đồi Mặc	SV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 45' 53"	105° 27' 43"					F-48-79-B-d
núi Nhộng Múc	SV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 46' 58"	105° 23' 58"					F-48-79-B-d
suối Quèn Kẻo	TV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi			20° 47' 13"	105° 24' 59"	20° 47' 55"	105° 26' 35"	F-48-79-B-d
suối Rút	TV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi			20° 46' 21"	105° 24' 41"	20° 46' 48"	105° 25' 07"	F-48-79-B-d
hồ Sáng	TV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 46' 19"	105° 26' 57"					F-48-79-B-d
suối Sáng	TV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi			20° 47' 09"	105° 25' 51"	20° 45' 41"	105° 26' 50"	F-48-79-B-d
thôn Sáng Mới	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 45' 45"	105° 26' 26"					F-48-79-B-d
thôn Sáng Ngoài	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 46' 28"	105° 26' 40"					F-48-79-B-d
thôn Suối Chuộn	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 46' 57"	105° 27' 44"					F-48-79-B-d
thôn Suối Mý	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 46' 57"	105° 28' 01"					F-48-79-B-d
thôn Suối Thản	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 47' 59"	105° 27' 34"					F-48-79-B-d
núi Tổng Đài	SV	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 48' 52"	105° 24' 46"					F-48-79-B-d
thôn Tráng	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 46' 47"	105° 24' 15"					F-48-79-B-d
thôn Vó Mái	DC	xã Đú Sáng	H. Kim Bôi	20° 47' 43"	105° 24' 18"					F-48-79-B-d
Bệnh viện Đa khoa Kim Bôi	KX	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 40' 52"	105° 31' 07"					F-48-80-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 12B	KX	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi			20° 41' 37"	105° 30' 16"	20° 40' 37"	105° 31' 49"	F-48-80-C-a
phố Bưởi	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 40' 53"	105° 31' 14"					F-48-80-C-a
xóm Cò Mè	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 47"	105° 31' 15"					F-48-80-C-a
thôn Mớ Đá	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 41"	105° 30' 20"					F-48-80-C-a
thôn Mớ Đồi	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 33"	105° 30' 14"					F-48-80-C-a
thôn Mớ Khoắc	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 20"	105° 30' 27"					F-48-80-C-a
xóm Mớ Sung	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 44"	105° 30' 56"					F-48-80-C-a
làng Nội	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 39"	105° 31' 22"					F-48-80-C-a
xóm Nước Chải	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 42' 18"	105° 30' 14"					F-48-80-C-a
xóm Sào Bái	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 04"	105° 30' 45"					F-48-80-C-a
làng Sào Hạ	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 40' 46"	105° 31' 40"					F-48-80-C-a
làng Sào Thượng	DC	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 06"	105° 31' 29"					F-48-80-C-a
khu du lịch Suối khoáng Kim Bôi	KX	xã Hạ Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 49"	105° 30' 25"					F-48-80-C-a
suối Bai Lau	TV	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi			20° 41' 09"	105° 27' 27"	20° 41' 02"	105° 28' 53"	F-48-79-D-b
núi Chèm	SV	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi	20° 39' 05"	105° 28' 44"					F-48-79-D-b
xóm Đai	DC	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi	20° 40' 12"	105° 28' 21"					F-48-79-D-b
xóm Đồi	DC	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi	20° 41' 09"	105° 28' 22"					F-48-79-D-b
suối Khảm	TV	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi			20° 39' 56"	105° 29' 27"	20° 40' 56"	105° 29' 07"	F-48-79-D-b
rộc Khuông Bò	TV	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi			20° 40' 50"	105° 27' 42"	20° 40' 43"	105° 28' 44"	F-48-79-D-b
xóm Ký	DC	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi	20° 40' 36"	105° 28' 51"					F-48-79-D-b
suối Lồi	TV	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi			20° 40' 19"	105° 28' 15"	20° 41' 13"	105° 29' 07"	F-48-79-D-b
xóm Sằn	DC	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi	20° 40' 48"	105° 29' 13"					F-48-79-D-b
xóm Sim Ngoài	DC	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi	20° 41' 28"	105° 28' 46"					F-48-79-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sim Trong	DC	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi	20° 41' 41"	105° 28' 19"					F-48-79-D-b
núi Suối Bái	SV	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi	20° 41' 25"	105° 27' 16"					F-48-79-D-b
xóm Trạo	DC	xã Hợp Đồng	H. Kim Bôi	20° 40' 55"	105° 28' 32"					F-48-79-D-b
xóm Bôi Ngoài	DC	xã Hợp Kim	H. Kim Bôi	20° 38' 48"	105° 33' 58"					F-48-80-C-a
thôn Gò Chè	DC	xã Hợp Kim	H. Kim Bôi	20° 39' 37"	105° 33' 34"					F-48-80-C-a
cầu Gò Chè	KX	xã Hợp Kim	H. Kim Bôi	20° 39' 19"	105° 33' 36"					F-48-80-C-a
xóm Mến	DC	xã Hợp Kim	H. Kim Bôi	20° 39' 14"	105° 33' 39"					F-48-80-C-a
xóm Trò	DC	xã Hợp Kim	H. Kim Bôi	20° 39' 59"	105° 34' 00"					F-48-80-C-a
cầu Trò	KX	xã Hợp Kim	H. Kim Bôi	20° 40' 04"	105° 33' 58"					F-48-80-C-a
xóm Ba Bị	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi	20° 46' 04"	105° 33' 23"					F-48-80-A-c
xóm Bái	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi	20° 45' 30"	105° 31' 40"					F-48-80-A-c
xóm Chỉ Ngoài	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi	20° 45' 52"	105° 32' 44"					F-48-80-A-c
xóm Chỉ Trong	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi	20° 45' 26"	105° 32' 14"					F-48-80-A-c
núi Đá Cháy	SV	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi	20° 46' 08"	105° 30' 58"					F-48-80-A-c
núi Đại Mào	SV	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi	20° 46' 22"	105° 32' 07"					F-48-80-A-c
đồi Đại Vương	SV	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi	20° 45' 18"	105° 33' 23"					F-48-80-A-c
núi Đèo Ngừ	SV	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi	20° 47' 05"	105° 32' 49"					F-48-80-A-c
xóm Suối Kho	DC	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi	20° 45' 08"	105° 31' 35"					F-48-80-A-c
đường Trường Sơn	KX	xã Hùng Tiến	H. Kim Bôi			20° 45' 24"	105° 31' 08"	20° 45' 17"	105° 32' 10"	F-48-80-A-c
xóm Bãi	DC	xã Kim Bình	H. Kim Bôi	20° 39' 05"	105° 33' 10"					F-48-80-C-a
xóm Bo	DC	xã Kim Bình	H. Kim Bôi	20° 40' 13"	105° 32' 20"					F-48-80-C-a
xóm Lạng	DC	xã Kim Bình	H. Kim Bôi	20° 39' 40"	105° 32' 51"					F-48-80-C-a
cầu Lạng	KX	xã Kim Bình	H. Kim Bôi	20° 39' 41"	105° 33' 21"					F-48-80-C-a
xóm Lục Đồi	DC	xã Kim Bình	H. Kim Bôi	20° 40' 01"	105° 31' 54"					F-48-80-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bôi Câu	DC	xã Kim Bôi	H. Kim Bôi	20° 38' 26"	105° 33' 29"					F-48-80-C-a
xóm Đầm	DC	xã Kim Bôi	H. Kim Bôi	20° 38' 51"	105° 32' 18"					F-48-80-C-a
xóm Khoang	DC	xã Kim Bôi	H. Kim Bôi	20° 38' 09"	105° 33' 04"					F-48-80-C-a
xóm Suối Con	DC	xã Kim Bôi	H. Kim Bôi	20° 38' 15"	105° 32' 44"					F-48-80-C-a
xóm Vố Đá	DC	xã Kim Bôi	H. Kim Bôi	20° 38' 46"	105° 32' 44"					F-48-80-C-a
xóm Vố Đồi	DC	xã Kim Bôi	H. Kim Bôi	20° 39' 16"	105° 32' 12"					F-48-80-C-a
xóm Bãi Chạo	DC	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 40' 34"	105° 34' 34"					F-48-80-C-a
xóm Bái Ngoài	DC	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 40' 32"	105° 35' 33"					F-48-80-C-a
xóm Bái Trong	DC	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 40' 18"	105° 35' 19"					F-48-80-C-a
đồi Cái	SV	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 39' 03"	105° 35' 02"					F-48-80-C-a
xóm Đầm	DC	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 40' 46"	105° 34' 48"					F-48-80-C-a
thôn Lột	DC	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 41' 02"	105° 35' 33"					F-48-80-C-a
thôn Mõ	DC	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 40' 10"	105° 34' 51"					F-48-80-C-a
thôn Muôn	DC	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 39' 47"	105° 35' 09"					F-48-80-C-a
xóm Nà Khoai	DC	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 40' 24"	105° 34' 51"					F-48-80-C-a
xóm Ven	DC	xã Kim Sơn	H. Kim Bôi	20° 41' 02"	105° 34' 49"					F-48-80-C-a
xóm Cháo	DC	xã Kim Tiến	H. Kim Bôi	20° 39' 32"	105° 31' 03"					F-48-80-C-a
xóm Đồi	DC	xã Kim Tiến	H. Kim Bôi	20° 40' 21"	105° 30' 54"					F-48-80-C-a
xóm Gò Cha	DC	xã Kim Tiến	H. Kim Bôi	20° 39' 38"	105° 30' 34"					F-48-80-C-a
xóm Vó Khang	DC	xã Kim Tiến	H. Kim Bôi	20° 38' 52"	105° 31' 14"					F-48-80-C-a
thôn Bãi Mu	DC	xã Kim Truy	H. Kim Bôi	20° 37' 07"	105° 34' 03"					F-48-80-C-c
sông Bôi	TV	xã Kim Truy	H. Kim Bôi			20° 37' 50"	105° 33' 47"	20° 36' 11"	105° 34' 39"	F-48-80-C-a, F-48-80-C-c
thôn Cóc Lẩm	DC	xã Kim Truy	H. Kim Bôi	20° 37' 27"	105° 32' 49"					F-48-80-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Dứng	DC	xã Kim Truy	H. Kim Bôi	20° 37' 09"	105° 33' 42"					F-48-80-C-c
đồi Đẻ	SV	xã Kim Truy	H. Kim Bôi	20° 37' 54"	105° 31' 24"					F-48-80-C-a
thôn Trại Ổi	DC	xã Kim Truy	H. Kim Bôi	20° 36' 24"	105° 34' 17"					F-48-80-C-c
thôn Yên	DC	xã Kim Truy	H. Kim Bôi	20° 37' 37"	105° 33' 31"					F-48-80-C-a
xóm Chiệng	DC	xã Lập Chiệng	H. Kim Bôi	20° 42' 18"	105° 33' 53"					F-48-80-C-a
xóm Khoáy	DC	xã Lập Chiệng	H. Kim Bôi	20° 42' 42"	105° 33' 56"					F-48-80-C-a
xóm Lập	DC	xã Lập Chiệng	H. Kim Bôi	20° 41' 33"	105° 33' 28"					F-48-80-C-a
làng Mang	DC	xã Lập Chiệng	H. Kim Bôi	20° 42' 04"	105° 33' 53"					F-48-80-C-a
quốc lộ 12B	KX	xã My Hòa	H. Kim Bôi			20° 34' 58"	105° 37' 17"	20° 35' 24"	105° 39' 33"	F-48-80-C-d
xóm Ba Giang	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 34' 03"	105° 37' 57"					F-48-80-C-d
xóm Bãi Khoai	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 35' 18"	105° 39' 10"					F-48-80-C-d
cầu Bãi Khoai	KX	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 35' 11"	105° 39' 07"					F-48-80-C-d
xóm Bêu	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 33' 03"	105° 39' 26"					F-48-80-C-d
sông Bôi	TV	xã My Hòa	H. Kim Bôi			20° 34' 19"	105° 37' 07"	20° 32' 39"	105° 39' 18"	F-48-80-C-d, F-48-80-C-c
xóm Cành	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 33' 23"	105° 38' 47"					F-48-80-C-d
đồi Chanh	SV	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 32' 41"	105° 38' 15"					F-48-80-C-d
núi Con Voi	SV	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 33' 22"	105° 40' 42"					F-48-80-C-d
xóm Đồng Hà	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 33' 27"	105° 39' 36"					F-48-80-C-d
xóm Đồng Hòa 1	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 34' 42"	105° 38' 28"					F-48-80-C-d
xóm Đồng Hòa 2	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 34' 15"	105° 38' 40"					F-48-80-C-d
xóm Mí Đông	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 33' 41"	105° 39' 10"					F-48-80-C-d
cầu Mư	KX	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 34' 51"	105° 38' 55"					F-48-80-C-d
xóm Mư Ngoài	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 34' 49"	105° 39' 02"					F-48-80-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Mư Trong	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 34' 22"	105° 39' 50"					F-48-80-C-d
xóm My	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 34' 26"	105° 37' 38"					F-48-80-C-d
cầu Phố Mị	KX	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 35' 00"	105° 37' 33"					F-48-80-C-d
xóm Phố My	DC	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 34' 54"	105° 37' 48"					F-48-80-C-d
Nông trường Thanh Hà	KX	xã My Hòa	H. Kim Bôi	20° 33' 09"	105° 39' 38"					F-48-80-C-d
hồ Bai Tuổn	TV	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi	20° 37' 44"	105° 35' 03"					F-48-80-C-a
thôn Bãi Xe	DC	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi	20° 36' 23"	105° 34' 53"					F-48-80-C-c
thôn Bình Tân	DC	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi	20° 36' 55"	105° 35' 15"					F-48-80-C-c
sông Bôi	TV	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi			20° 37' 55"	105° 33' 50"	20° 36' 01"	105° 34' 46"	F-48-80-C-a
thôn Bôi Cả	DC	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi	20° 38' 01"	105° 34' 14"					F-48-80-C-a
đồi Chúc Măng	SV	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi	20° 38' 20"	105° 35' 27"					F-48-80-C-a
thôn Nam Hạ	DC	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi	20° 36' 52"	105° 34' 36"					F-48-80-C-c
thôn Nam Thượng	DC	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi	20° 37' 26"	105° 34' 46"					F-48-80-C-a
cầu Nam Thượng	KX	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi	20° 37' 38"	105° 34' 36"					F-48-80-C-a
thôn Nước Ruộng	DC	xã Nam Thượng	H. Kim Bôi	20° 37' 38"	105° 36' 30"					F-48-80-C-a
xóm Bà Rà	DC	xã Nật Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 17"	105° 34' 37"					F-48-80-C-a
xóm Bưa Cầu	DC	xã Nật Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 00"	105° 32' 50"					F-48-80-A-c
đồi Chìu	SV	xã Nật Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 36"	105° 32' 33"					F-48-80-A-c
xóm Mát	DC	xã Nật Sơn	H. Kim Bôi	20° 43' 57"	105° 33' 05"					F-48-80-C-a
xóm Rộc	DC	xã Nật Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 38"	105° 32' 41"					F-48-80-C-a
xóm Dăm Chung	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 32' 24"	105° 37' 53"					F-48-80-C-d
xóm Dăm Hạ	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 31' 57"	105° 38' 27"					F-48-80-C-d
xóm Dăm Thượng	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 32' 51"	105° 37' 19"					F-48-80-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khẹt	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 34' 45"	105° 35' 18"					F-48-80-C-c
núi Lạ	SV	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 34' 00"	105° 35' 33"					F-48-80-C-c
xóm Lầm Ngoài	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 34' 34"	105° 35' 03"					F-48-80-C-c
xóm Lầm Trong	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 34' 16"	105° 34' 51"					F-48-80-C-c
xóm Mý Tây	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 33' 23"	105° 36' 18"					F-48-80-C-c
xóm Nuông Chung	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 32' 22"	105° 36' 27"					F-48-80-C-c
xóm Nuông Hạ	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 32' 16"	105° 36' 57"					F-48-80-C-c
xóm Nuông Thượng	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 32' 33"	105° 36' 02"					F-48-80-C-c
xóm Suối Lội	DC	xã Nuông Dăm	H. Kim Bôi	20° 33' 26"	105° 35' 09"					F-48-80-C-c
quốc lộ 12B	KX	xã Sào Báy	H. Kim Bôi			20° 36' 34"	105° 35' 23"	20° 34' 58"	105° 37' 17"	F-48-80-C-c
xóm Báy	DC	xã Sào Báy	H. Kim Bôi	20° 35' 23"	105° 36' 30"					F-48-80-C-c
sông Bôi	SV	xã Sào Báy	H. Kim Bôi			20° 36' 01"	105° 34' 46"	20° 34' 19"	105° 37' 07"	F-48-80-C-c
xóm Đầm Giàn	DC	xã Sào Báy	H. Kim Bôi	20° 36' 03"	105° 35' 09"					F-48-80-C-c
xóm Đồi Bổi	DC	xã Sào Báy	H. Kim Bôi	20° 35' 10"	105° 36' 28"					F-48-80-C-c
xóm Đồng Chờ	DC	xã Sào Báy	H. Kim Bôi	20° 35' 34"	105° 35' 39"					F-48-80-C-c
xóm Khai Đồi	DC	xã Sào Báy	H. Kim Bôi	20° 35' 33"	105° 35' 02"					F-48-80-C-c
xóm Nà Bờ	DC	xã Sào Báy	H. Kim Bôi	20° 34' 51"	105° 36' 32"					F-48-80-C-c
xóm Sào Đông	DC	xã Sào Báy	H. Kim Bôi	20° 36' 20"	105° 35' 59"					F-48-80-C-c
suối Bai Ma	TV	xã Sơn Thủy	H. Kim Bôi			20° 43' 45"	105° 28' 35"	20° 43' 36"	105° 30' 30"	F-48-79-D-b, F-48-80-C-a
đập Bai Ma	KX	xã Sơn Thủy	H. Kim Bôi	20° 43' 33"	105° 28' 56"					F-48-79-D-b
xóm Bèo	DC	xã Sơn Thủy	H. Kim Bôi	20° 43' 57"	105° 29' 15"					F-48-79-D-b
xóm Khoang	DC	xã Sơn Thủy	H. Kim Bôi	20° 44' 22"	105° 30' 05"					F-48-80-C-a
xóm Khớt	DC	xã Sơn Thủy	H. Kim Bôi	20° 43' 27"	105° 28' 56"					F-48-79-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lốc	DC	xã Sơn Thủy	H. Kim Bôi	20° 43' 27"	105° 29' 56"					F-48-79-D-b
xóm Nèo	DC	xã Sơn Thủy	H. Kim Bôi	20° 44' 43"	105° 29' 45"					F-48-79-D-b
đồi Tăng	SV	xã Sơn Thủy	H. Kim Bôi	20° 43' 19"	105° 29' 26"					F-48-79-D-b
xóm Cò Đầm	DC	xã Thượng Bì	H. Kim Bôi	20° 42' 22"	105° 31' 05"					F-48-80-C-a
xóm Đồng Vuôi	DC	xã Thượng Bì	H. Kim Bôi	20° 42' 31"	105° 31' 27"					F-48-80-C-a
xóm Khoai	DC	xã Thượng Bì	H. Kim Bôi	20° 42' 10"	105° 31' 22"					F-48-80-C-a
xóm Nè	DC	xã Thượng Bì	H. Kim Bôi	20° 42' 00"	105° 31' 37"					F-48-80-C-a
xóm Ngheo	DC	xã Thượng Bì	H. Kim Bôi	20° 43' 01"	105° 30' 59"					F-48-80-C-a
làng Sáng	DC	xã Thượng Bì	H. Kim Bôi	20° 42' 25"	105° 30' 33"					F-48-80-C-a
xóm Vuôi Bờ	DC	xã Thượng Bì	H. Kim Bôi	20° 42' 44"	105° 31' 11"					F-48-80-C-a
đồi Bái Nàng	SV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 40' 15"	105° 26' 16"					F-48-79-D-b
xóm Bãi Rồng	DC	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 39' 47"	105° 27' 35"					F-48-79-D-b
đồi Bái Trai	SV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 39' 15"	105° 25' 35"					F-48-79-D-b
đồi Bãi Trăm	SV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 37' 38"	105° 26' 53"					F-48-79-D-b
đồi Bó Bua	SV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 37' 47"	105° 23' 54"					F-48-79-D-b
suối Cả	TV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi			20° 39' 17"	105° 26' 38"	20° 39' 31"	105° 27' 03"	F-48-79-D-b
suối Cheo	TV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi			20° 38' 46"	105° 25' 11"	20° 38' 44"	105° 26' 03"	F-48-79-D-b
suối Đáy	TV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi			20° 40' 31"	105° 27' 20"	20° 40' 21"	105° 27' 37"	F-48-79-D-b
đồi Khạo Củi	SV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 38' 47"	105° 24' 37"					F-48-79-D-b
suối Khoang	TV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi			20° 39' 13"	105° 28' 01"	20° 40' 08"	105° 27' 52"	F-48-79-D-b
đồi Khoang Khổ	SV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 37' 20"	105° 24' 19"					F-48-79-D-d
xóm Khú	DC	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 38' 38"	105° 26' 10"					F-48-79-D-b
đồi Quèn Đạn	SV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 39' 29"	105° 24' 37"					F-48-79-D-b
đồi U Bò	SV	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 40' 56"	105° 27' 34"					F-48-79-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Vãng	DC	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 40' 09"	105° 27' 44"					F-48-79-D-b
xóm Vay	DC	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 39' 25"	105° 27' 01"					F-48-79-D-b
xóm Vó Lươn	DC	xã Thượng Tiến	H. Kim Bôi	20° 39' 51"	105° 28' 00"					F-48-79-D-b
xóm Bờ	DC	xã Trung Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 14"	105° 31' 56"					F-48-80-C-a
sông Bôi	TV	xã Trung Bì	H. Kim Bôi			20° 40' 32"	105° 32' 11"	20° 39' 51"	105° 33' 20"	F-48-80-C-a
xóm Rường	DC	xã Trung Bì	H. Kim Bôi	20° 41' 00"	105° 32' 07"					F-48-80-C-a
xóm Tre Thị	DC	xã Trung Bì	H. Kim Bôi	20° 40' 21"	105° 32' 58"					F-48-80-C-a
quốc lộ 12B	KX	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi			20° 44' 23"	105° 26'38"	20° 44' 19"	105° 22' 19"	F-48-79-D-a, F-48-79-D-b
xóm Bãi Chạo	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 25"	105° 26' 28"					F-48-79-D-b
xóm Bợi	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 01"	105° 25' 36"					F-48-79-D-b
xóm Củ	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 43' 55"	105° 25' 08"					F-48-79-D-b
suối Củ	TV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi			20° 42' 09"	105° 24' 55"	20° 44' 10"	105° 24' 50"	F-48-79-D-b
suối Cượng	TV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi			20° 43' 10"	105° 25' 48"	20° 44' 10"	105° 26' 11"	F-48-79-D-b
núi Đá Chải	SV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 46' 28"	105° 23' 49"					F-48-79-B-d
núi Đá Thuyền	SV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 55"	105° 22' 44"					F-48-79-B-d
xóm Đô Lái	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 43' 55"	105° 26' 08"					F-48-79-D-b
xóm Đúp	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 06"	105° 24' 18"					F-48-79-D-b
xóm Hạ Sơn	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 11"	105° 22' 59"					F-48-79-D-b
suối Hang Nai	TV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi			20° 45' 43"	105° 23' 24"	20° 46' 07"	105° 23' 57"	F-48-79-B-d
suối Khét	TV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi			20° 42' 31"	105° 23' 52"	20° 44' 10"	105° 24' 50"	F-48-79-D-b
xóm Kim Bắc 1	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 47"	105° 23' 18"					F-48-79-B-d
xóm Kim Bắc 2	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 46' 11"	105° 23' 52"					F-48-79-B-d
xóm Kim Bắc 3	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 46' 17"	105° 24' 16"					F-48-79-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Mùn	TV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi			20° 43' 34"	105° 22' 40"	20° 44' 31"	105° 23' 01"	F-48-79-D-b
xóm Quê Kho	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 21"	105° 25' 34"					F-48-79-D-b
suối Rếch	TV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi			20° 44' 13"	105° 24' 48"	20° 44' 13"	105° 25' 23"	F-48-79-D-b
xóm Suối Măng	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 23"	105° 23' 06"					F-48-79-D-b
cầu Suối Măng	KX	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 27"	105° 23' 15"					F-48-79-D-b
suối Tải Kháng	TV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi			20° 43' 13"	105° 23' 50"	20° 44' 01"	105° 23' 58"	F-48-79-D-b
đèo Thung	SV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 45"	105° 24' 39"					F-48-79-D-b
xóm Thung Dao	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 22"	105° 24' 41"					F-48-79-B-d
xóm Thung Mường	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 45' 55"	105° 24' 28"					F-48-79-B-d
xóm Trẹo	DC	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 26"	105° 23' 39"					F-48-79-D-b
suối Trẹo	TV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi			20° 44' 16"	105° 23' 38"	20° 44' 19"	105° 24' 04"	F-48-79-D-b
cầu Trẹo	KX	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 44' 28"	105° 23' 53"					F-48-79-D-b
đồi Yên Ngựa	SV	xã Tú Sơn	H. Kim Bôi	20° 41' 52"	105° 25' 20"					F-48-79-D-b
xóm Chanh Cả	DC	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi	20° 41' 31"	105° 29' 27"					F-48-79-D-b
xóm Chanh Trên	DC	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi	20° 41' 16"	105° 29' 18"					F-48-79-D-b
suối Chiềng	TV	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi			20° 41' 13"	105° 29' 07"	20° 41' 58"	105° 30' 11"	F-48-79-D-b, F-48-80-C-a
cầu Chiềng	KX	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi	20° 42' 01"	105° 29' 38"					F-48-79-D-b
xóm Chiềng Động	DC	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi	20° 42' 00"	105° 29' 14"					F-48-79-D-b
xóm Cốc	DC	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi	20° 42' 36"	105° 30' 01"					F-48-80-C-a
suối Đầm	TV	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi			20° 41' 43"	105° 28' 55"	20° 41' 43"	105° 29' 11"	F-48-79-D-b
xóm Quê Rù	DC	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi	20° 42' 25"	105° 29' 43"					F-48-79-D-b
xóm Sống Dưới	DC	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi	20° 41' 48"	105° 29' 57"					F-48-80-C-a
xóm Sống Trên	DC	xã Vĩnh Đồng	H. Kim Bôi	20° 41' 37"	105° 29' 39"					F-48-79-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 168	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 44' 50"	105° 26' 52"					F-48-79-D-b
xóm Đầm Rừng	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 44' 08"	105° 27' 09"					F-48-79-D-b
cầu Đầm Rừng	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 44' 15"	105° 26' 50"					F-48-79-D-b
núi Đớc	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 44' 31"	105° 28' 10"					F-48-79-D-b
xóm Đồng Ngoài	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 44' 39"	105° 27' 28"					F-48-79-D-b
thôn Kim Đức	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 45' 01"	105° 27' 21"					F-48-79-B-d
đồi Kỳ	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 43' 44"	105° 27' 44"					F-48-79-D-b
suối Rèo	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi			20° 43' 07"	105° 26' 34"	20° 44' 13"	105° 26' 44"	F-48-79-D-b
xóm Suối Rèo	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 43' 00"	105° 26' 30"					F-48-79-D-b
núi Tảng Lặc	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 42' 12"	105° 26' 41"					F-48-79-D-b
xóm Thao Cả	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 43' 46"	105° 27' 13"					F-48-79-D-b
xóm Thao Con	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 43' 06"	105° 27' 17"					F-48-79-D-b
xóm Vó Cối	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Kim Bôi	20° 43' 38"	105° 26' 43"					F-48-79-D-b
khu 4	DC	TT. Kỳ Sơn	H. Kỳ Sơn	20° 53' 14"	105° 21' 04"					F-48-79-B-a
quốc lộ 6	KX	TT. Kỳ Sơn	H. Kỳ Sơn			20° 53' 22"	105° 22' 07"	20° 52' 56"	105° 20' 43"	F-48-79-B-a
cầu Ngòi Dân	KX	TT. Kỳ Sơn	H. Kỳ Sơn	20° 52' 56"	105° 20' 43"					F-48-79-B-a
khu Pheo	DC	TT. Kỳ Sơn	H. Kỳ Sơn	20° 53' 00"	105° 20' 52"					F-48-79-B-a
xóm Bình Tiến	DC	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 51' 45"	105° 23' 44"					F-48-79-B-d
Nhà máy Bột và Giấy Hòa Bình	KX	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 54' 17"	105° 21' 07"					F-48-79-B-a
núi Cột Cờ	SV	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 55' 22"	105° 21' 57"					F-48-79-B-a
xóm Dối	DC	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 52' 44"	105° 23' 42"					F-48-79-B-b
sông Đà	TV	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn			20° 53' 55"	105° 20' 42"	20° 55' 07"	105° 20' 48"	F-48-79-B-a
xóm Đồng Bến	DC	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 54' 07"	105° 22' 36"					F-48-79-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Sông	DC	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 54' 01"	105° 21' 05"					F-48-79-B-a
xóm Mỏ	DC	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 53' 53"	105° 23' 06"					F-48-79-B-b
cầu Ngòi Móng	KX	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 53' 23"	105° 21' 11"					F-48-79-B-a
cầu Nguyễn	KX	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 53' 23"	105° 22' 11"					F-48-79-B-a
xóm Nút	DC	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 53' 38"	105° 22' 13"					F-48-79-B-a
xóm Tân Lập	DC	xã Dân Hạ	H. Kỳ Sơn	20° 52' 45"	105° 22' 10"					F-48-79-B-a
quốc lộ 6	KX	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn			20° 54' 40"	105° 24' 53"	20° 55' 04"	105° 27' 15"	F-48-79-B-b
lâm trường Lâm Sơn	KX	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 56' 16"	105° 27' 05"					F-48-79-B-b
suối Anh	TV	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn			20° 56' 40"	105° 26' 53"	20° 55' 15"	105° 26' 14"	F-48-79-B-b
xóm Ao Trạch	DC	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 08"	105° 25' 31"					F-48-79-B-b
núi Đá Khắc	SV	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 31"	105° 25' 04"					F-48-79-B-b
xóm Đễnh	DC	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 55"	105° 26' 00"					F-48-79-B-b
cầu Đễnh	KX	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 07"	105° 26' 17"					F-48-79-B-b
xóm Đồng Giang	DC	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 08"	105° 24' 55"					F-48-79-B-b
xóm Gò Bùi	DC	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 19"	105° 26' 06"					F-48-79-B-b
dốc Kẽm	KX	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 04"	105° 27' 12"					F-48-79-B-b
đồi Mâm Xôi	SV	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 25"	105° 26' 52"					F-48-79-B-b
suối Sét	TV	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn			20° 57' 17"	105° 25' 54"	20° 56' 11"	105° 25' 11"	F-48-79-B-b
suối Tải Mặc	TV	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn			20° 56' 34"	105° 27' 36"	20° 55' 45"	105° 26' 29"	F-48-79-B-b
xóm Tân Lập	DC	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 08"	105° 27' 16"					F-48-79-B-b
suối Thiện	TV	xã Dân Hòa	H. Kỳ Sơn			20° 55' 44"	105° 25' 45"	20° 55' 06"	105° 25' 20"	F-48-79-B-b
xóm Can 1	DC	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn	20° 51' 12"	105° 23' 33"					F-48-79-B-d
xóm Can 2	DC	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn	20° 49' 53"	105° 23' 31"					F-48-79-B-d
núi Đá Nàng	SV	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn	20° 49' 01"	105° 23' 06"					F-48-79-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Gốc Mít	SV	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn	20° 50' 05"	105° 25' 15"					F-48-79-B-d
xóm Mùi	DC	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn	20° 47' 53"	105° 22' 50"					F-48-79-B-d
suối Mùi	TV	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn			20° 47' 53"	105° 23' 03"	20° 48' 21"	105° 24' 08"	F-48-79-B-d
xóm Nội	DC	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn	20° 48' 34"	105° 24' 07"					F-48-79-B-d
xóm Nưa	DC	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn	20° 48' 42"	105° 23' 43"					F-48-79-B-d
núi Phong Lan	SV	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn	20° 50' 37"	105° 24' 53"					F-48-79-B-d
suối Sòng Nội	TV	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn			20° 50' 41"	105° 23' 06"	20° 48' 21"	105° 24' 08"	F-48-79-B-d
đồi Thát	SV	xã Độc Lập	H. Kỳ Sơn	20° 49' 29"	105° 24' 48"					F-48-79-B-d
xóm Đình	DC	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 57' 58"	105° 20' 57"					F-48-79-B-a
hồ Đồng Bài	TV	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 58' 33"	105° 21' 57"					F-48-79-B-a
xóm Giếng	DC	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 56' 53"	105° 21' 01"					F-48-79-B-a
xóm Gốc Đa	DC	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 58' 14"	105° 21' 17"					F-48-79-B-a
xóm Mỏ Ngô	DC	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 58' 30"	105° 21' 04"					F-48-79-B-a
xóm Môn	DC	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 56' 36"	105° 21' 35"					F-48-79-B-a
xóm Múc	DC	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 57' 41"	105° 21' 17"					F-48-79-B-a
xóm Ngọc Xạ	DC	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 57' 06"	105° 21' 02"					F-48-79-B-a
cầu Ngòi Mại	KX	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 57' 26"	105° 20' 33"					F-48-79-B-a
xóm Nhả	DC	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 56' 23"	105° 20' 59"					F-48-79-B-a
đầm Si	TV	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 58' 10"	105° 20' 55"					F-48-79-B-a
xóm Tân Thành	DC	xã Hợp Thành	H. Kỳ Sơn	20° 55' 28"	105° 20' 52"					F-48-79-B-a
sông Đà	TV	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn			20° 58' 22"	105° 20' 01"	21° 00' 44"	105° 18' 54"	F-48-79-B-a, F-48-67-D-c
xóm Độc Lập	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 13"	105° 20' 13"					F-48-79-B-a
xóm Đồng Hương	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 51"	105° 20' 52"					F-48-79-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Giếng 1	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 29"	105° 20' 33"					F-48-79-B-a
xóm Hải Cao	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 51"	105° 20' 31"					F-48-79-B-a
xóm Hạnh Phúc	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 40"	105° 20' 02"					F-48-79-B-a
cầu Ngòi Mới	KX	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	20° 58' 52"	105° 20' 24"					F-48-79-B-a
xóm Tân Thịnh	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	21° 00' 17"	105° 19' 34"					F-48-67-D-c
đò Tân Thịnh	KX	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	21° 00' 07"	105° 19' 27"					F-48-67-D-c
xóm Thông	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 11"	105° 20' 41"					F-48-79-B-a
xóm Tôm	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	21° 01' 09"	105° 19' 22"					F-48-67-D-c
xóm Trung Thành A	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 53"	105° 19' 53"					F-48-79-B-a
xóm Trung Thành B	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	21° 00' 06"	105° 19' 43"					F-48-67-D-c
xóm Tự Do	DC	xã Hợp Thịnh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 27"	105° 20' 08"					F-48-79-B-a
xóm Ba	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 56"	105° 23' 29"					F-48-79-B-b
xóm Bãi Nai	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 16"	105° 23' 33"					F-48-79-B-b
xóm Bãi Sấu	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 12"	105° 23' 45"					F-48-79-B-b
xóm Bẵn	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 23"	105° 23' 12"					F-48-79-B-b
suối Dọc	TV	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn			20° 53' 41"	105° 26' 25"	20° 52' 16"	105° 26' 18"	F-48-79-B-b
xóm Dụ 7	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 17"	105° 23' 51"					F-48-79-B-b
suối Đất	TV	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn			20° 53' 23"	105° 25' 06"	20° 52' 16"	105° 26' 18"	F-48-79-B-b
núi Đồi Mùi	SV	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 53' 37"	105° 25' 04"					F-48-79-B-b
xóm Gò Dọi	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 55' 03"	105° 23' 48"					F-48-79-B-b
xóm Hang Nước	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 40"	105° 24' 57"					F-48-79-B-b
đập Hồ Suối Chọn	KX	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 26"	105° 24' 40"					F-48-79-B-b
xóm Lũng Hang	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 10"	105° 24' 59"					F-48-79-B-b
cầu Mè	KX	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 31"	105° 24' 25"					F-48-79-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nội	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 41"	105° 23' 39"					F-48-79-B-b
hồ Suối Chọn	TV	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 28"	105° 24' 50"					F-48-79-B-b
xóm Suối Ngành	DC	xã Mông Hóa	H. Kỳ Sơn	20° 54' 56"	105° 24' 30"					F-48-79-B-b
xóm Bu Chằm	DC	xã Phú Minh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 40"	105° 21' 48"					F-48-79-B-a
xóm Đồng Bài	DC	xã Phú Minh	H. Kỳ Sơn	20° 58' 49"	105° 21' 06"					F-48-79-B-a
suối Đồng Chanh	TV	xã Phú Minh	H. Kỳ Sơn			21° 00' 59"	105° 22' 38"	20° 59' 44"	105° 22' 02"	F-48-67-D-c, F-48-67-D-d, F-48-79-B-a
đập hồ Đồng Bài	KX	xã Phú Minh	H. Kỳ Sơn	20° 58' 47"	105° 21' 30"					F-48-79-B-a
xóm Mom	DC	xã Phú Minh	H. Kỳ Sơn	21° 00' 28"	105° 20' 17"					F-48-67-D-c
xóm Phú Châu	DC	xã Phú Minh	H. Kỳ Sơn	21° 00' 23"	105° 22' 03"					F-48-67-D-c
xóm Quốc	DC	xã Phú Minh	H. Kỳ Sơn	20° 59' 29"	105° 21' 20"					F-48-79-B-a
núi Bà Sơn	SV	xã Phúc Tiến	H. Kỳ Sơn	20° 57' 13"	105° 22' 10"					F-48-79-B-b
dốc Bụt	KX	xã Phúc Tiến	H. Kỳ Sơn	20° 57' 03"	105° 23' 28"					F-48-79-B-b
xóm Đoàn Kết 1	DC	xã Phúc Tiến	H. Kỳ Sơn	20° 56' 04"	105° 23' 51"					F-48-79-B-b
xóm Mon	DC	xã Phúc Tiến	H. Kỳ Sơn	20° 56' 12"	105° 23' 24"					F-48-79-B-b
suối Mon	TV	xã Phúc Tiến	H. Kỳ Sơn			20° 56' 05"	105° 22' 46"	20° 55' 56"	105° 23' 28"	F-48-79-B-b
xóm Quyết Tiến	DC	xã Phúc Tiến	H. Kỳ Sơn	20° 56' 29"	105° 23' 39"					F-48-79-B-b
suối Thần	TV	xã Phúc Tiến	H. Kỳ Sơn			20° 56' 00"	105° 24' 41"	20° 56' 07"	105° 23' 32"	F-48-79-B-b
suối Trúng	TV	xã Phúc Tiến	H. Kỳ Sơn			20° 56' 31"	105° 23' 28"	20° 55' 56"	105° 23' 28"	F-48-79-B-b
suối Cái	TV	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn			20° 58' 34"	105° 24' 37"	20° 59' 57"	105° 24' 43"	F-48-79-B-b
xóm Chằm Cun	DC	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn	20° 57' 52"	105° 23' 42"					F-48-79-B-b
xóm Dủ	DC	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn	20° 58' 27"	105° 24' 38"					F-48-79-B-b
xóm Hội	DC	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn	20° 59' 47"	105° 24' 28"					F-48-79-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Mè	DC	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn	20° 58' 55"	105° 25' 02"					F-48-79-B-b
hồ Mè	TV	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn	20° 58' 41"	105° 25' 02"					F-48-79-B-b
xóm Mùn 6	DC	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn	20° 58' 46"	105° 24' 27"					F-48-79-B-b
núi Nước Ấm	SV	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn	20° 57' 15"	105° 23' 32"					F-48-79-B-b
xóm Rợn	DC	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn	20° 59' 03"	105° 24' 18"					F-48-79-B-b
xóm Trung Mường 1	DC	xã Yên Quang	H. Kỳ Sơn	20° 59' 45"	105° 24' 50"					F-48-79-B-b
xóm Nghĩa	DC	TT. Vụ Bản	H. Lạc Sơn	20° 27' 49"	105° 26' 25"					F-48-91-B-b
phố Quang Vinh	DC	TT. Vụ Bản	H. Lạc Sơn	20° 28' 17"	105° 26' 40"					F-48-91-B-b
phố Thống Nhất	DC	TT. Vụ Bản	H. Lạc Sơn	20° 27' 40"	105° 26' 00"					F-48-91-B-b
quốc lộ 12B	KX	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn			20° 24' 49"	105° 31' 27"	20° 25' 37"	105° 29' 33"	F-48-91-B-b, F-48-92-A-a
xóm Bái	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 23' 48"	105° 30' 20"					F-48-92-A-a
sông Bé	TV	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn			20° 24' 08"	105° 31' 11"	20° 23' 39"	105° 30' 48"	F-48-92-A-a
cầu Búm	KX	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 03"	105° 31' 04"					F-48-92-A-a
xóm Búm 2	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 28"	105° 31' 11"					F-48-92-A-a
sông Bưởi	TV	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 25' 33"	105° 29' 34"	F-48-91-B-b, F-48-92-A-a F-48-92-A-c,
đồi Cao	SV	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 59"	105° 30' 31"					F-48-92-A-a
đồi Chấn	SV	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 26' 08"	105° 30' 48"					F-48-92-A-a
đồi Chặt	SV	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 26' 01"	105° 30' 19"					F-48-92-A-a
xóm Chẹ	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 23' 17"	105° 30' 51"					F-48-92-A-a
dốc Cuội	SV	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 53"	105° 30' 05"					F-48-92-A-a
xóm Khanh	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 23' 14"	105° 31' 12"					F-48-92-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khi	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 26' 21"	105° 30' 14"					F-48-92-A-a
xóm Kò Kè	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 44"	105° 31' 20"					F-48-92-A-a
hồ Láng	TV	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 32"	105° 31' 37"					F-48-92-A-a
xóm Láo	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 27"	105° 30' 06"					F-48-92-A-a
xóm Ngái	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 00"	105° 30' 29"					F-48-92-A-a
xóm Nghĩa Thành	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 44"	105° 29' 43"					F-48-91-B-b
phố Re	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 17"	105° 30' 39"					F-48-92-A-a
xóm Re	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 28"	105° 30' 23"					F-48-92-A-a
hồ Re	TV	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 43"	105° 30' 38"					F-48-92-A-a
xóm Trán	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 25' 26"	105° 30' 40"					F-48-92-A-a
xóm Tưa	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 24' 18"	105° 30' 53"					F-48-92-A-a
hồ Tưa	TV	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 24' 18"	105° 31' 05"					F-48-92-A-a
xóm Tuôn	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 24' 40"	105° 30' 28"					F-48-92-A-a
xóm Vổ	DC	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 24' 50"	105° 31' 02"					F-48-92-A-a
cầu Vọc	KX	xã Ân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 22' 02"	105° 31' 03"					F-48-91-B-b
xóm Cảng	DC	xã Bình Cảng	H. Lạc Sơn	20° 27' 48"	105° 29' 23"					F-48-91-B-b
xóm Đa	DC	xã Bình Cảng	H. Lạc Sơn	20° 27' 35"	105° 29' 34"					F-48-91-B-b
xóm Gắm	DC	xã Bình Cảng	H. Lạc Sơn	20° 27' 42"	105° 30' 09"					F-48-92-A-a
xóm Quền	DC	xã Bình Cảng	H. Lạc Sơn	20° 28' 14"	105° 29' 31"					F-48-91-B-b
xóm Thóng	DC	xã Bình Cảng	H. Lạc Sơn	20° 28' 07"	105° 28' 59"					F-48-91-B-b
xóm Trang	DC	xã Bình Cảng	H. Lạc Sơn	20° 27' 16"	105° 29' 02"					F-48-91-B-b
hồ Tráng	TV	xã Bình Cảng	H. Lạc Sơn	20° 27' 41"	105° 29' 35"					F-48-91-B-b
xóm Trung	DC	xã Bình Cảng	H. Lạc Sơn	20° 28' 35"	105° 29' 12"					F-48-91-B-b
xóm Cành 2	DC	xã Bình Chân	H. Lạc Sơn	20° 27' 01"	105° 31' 49"					F-48-92-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cổi 1	DC	xã Bình Chân	H. Lạc Sơn	20° 27' 23"	105° 31' 11"					F-48-92-A-a
hồ Dài	TV	xã Bình Chân	H. Lạc Sơn	20° 26' 59"	105° 32' 20"					F-48-92-A-a
xóm Dài 1	DC	xã Bình Chân	H. Lạc Sơn	20° 27' 18"	105° 31' 24"					F-48-92-A-a
xóm Đồi 1	DC	xã Bình Chân	H. Lạc Sơn	20° 26' 47"	105° 30' 50"					F-48-92-A-a
xóm Mận	DC	xã Bình Chân	H. Lạc Sơn	20° 28' 17"	105° 31' 12"					F-48-92-A-a
xóm Mè Ngoài	DC	xã Bình Chân	H. Lạc Sơn	20° 27' 07"	105° 30' 49"					F-48-92-A-a
núi Xẻm	SV	xã Bình Chân	H. Lạc Sơn	20° 26' 43"	105° 32' 38"					F-48-92-A-a
thung Bưng	SV	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 28' 16"	105° 33' 35"					F-48-92-A-a
đồi Chạc	SV	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 28' 30"	105° 30' 30"					F-48-92-A-a
đồi Còng	SV	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 29' 29"	105° 34' 07"					F-48-92-A-a
xóm Cuốc 1	DC	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 29' 32"	105° 32' 03"					F-48-92-A-a
xóm Cuốc 2	DC	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 30' 14"	105° 31' 25"					F-48-80-C-c, F-48-92-A-a
xóm Khen	DC	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 29' 33"	105° 32' 50"					F-48-92-A-a
xóm Khi	DC	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 30' 03"	105° 30' 49"					F-48-80-C-c,F-48-92-A-a
xóm Khướng 1	DC	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 29' 23"	105° 33' 40"					F-48-92-A-a
xóm Khướng 2	DC	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 29' 08"	105° 33' 52"					F-48-92-A-a
đồi Lài Ma	SV	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 30' 35"	105° 30' 51"					F-48-80-C-c
xóm Rộc	DC	xã Bình Hẻm	H. Lạc Sơn	20° 29' 48"	105° 30' 28"					F-48-92-A-a
xóm Be Ngoài	DC	xã Chí Đạo	H. Lạc Sơn	20° 28' 17"	105° 21' 50"					F-48-91-B-a
xóm Be Trên	DC	xã Chí Đạo	H. Lạc Sơn	20° 27' 54"	105° 21' 30"					F-48-91-B-a
sông Cái	TV	xã Chí Đạo	H. Lạc Sơn			20° 28' 01"	105° 21' 16"	20° 27' 47"	105° 24' 10"	F-48-91-B-a, F-48-91-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kho	DC	xã Chí Đạo	H. Lạc Sơn	20° 27' 04"	105° 23' 36"					F-48-91-B-b
xóm Man	DC	xã Chí Đạo	H. Lạc Sơn	20° 27' 28"	105° 22' 24"					F-48-91-B-b
xóm Ót	DC	xã Chí Đạo	H. Lạc Sơn	20° 27' 47"	105° 23' 29"					F-48-91-B-b
núi Trường Sơn	SV	xã Chí Đạo	H. Lạc Sơn	20° 26' 59"	105° 22' 40"					F-48-91-B-b
xóm Bái	DC	xã Chí Thiện	H. Lạc Sơn	20° 28' 39"	105° 22' 10"					F-48-91-B-a
xóm Cài	DC	xã Chí Thiện	H. Lạc Sơn	20° 28' 01"	105° 22' 28"					F-48-91-B-b
xóm Dồng	DC	xã Chí Thiện	H. Lạc Sơn	20° 27' 48"	105° 22' 43"					F-48-91-B-a
xóm Đảng	DC	xã Chí Thiện	H. Lạc Sơn	20° 28' 48"	105° 21' 48"					F-48-91-B-a
xóm Nàng	DC	xã Chí Thiện	H. Lạc Sơn	20° 27' 54"	105° 23' 08"					F-48-91-B-b
xóm Vó	DC	xã Chí Thiện	H. Lạc Sơn	20° 28' 30"	105° 22' 53"					F-48-91-B-b
xóm Bai Chim	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 26' 37	105° 25' 13"					F-48-91-B-b
xóm Bai Lòng	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 26' 59"	105° 24' 55"					F-48-91-B-b
xóm Bai Ngoài	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 26' 44"	105° 25' 25"					F-48-91-B-b
xóm Bai Vớn	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 27' 12"	105° 24' 56"					F-48-91-B-b
xóm Bán 1	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 27' 44"	105° 24' 46"					F-48-91-B-b
xóm Chóng	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 26' 51"	105° 24' 31"					F-48-91-B-b
xóm Đỡ	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 26' 39"	105° 24' 49"					F-48-91-B-b
đồi Đôm	SV	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 28' 36"	105° 23' 45"					F-48-91-B-b
xóm Đôm Hạ	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 28' 18"	105° 24' 31"					F-48-91-B-b
xóm Đôm Thượng 1	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 28' 26"	105° 24' 05"					F-48-91-B-b
xóm Khưa	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 26' 30"	105° 25' 00"					F-48-91-B-b
xóm Lở	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 26' 26"	105° 24' 46"					F-48-91-B-b
xóm Mương Hạ 1	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 27' 03"	105° 24' 28"					F-48-91-B-b
xóm Mương Thượng	DC	xã Định Cư	H. Lạc Sơn	20° 27' 19"	105° 24' 17"					F-48-91-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bưng	DC	xã Hương Nhượng	H. Lạc Sơn	20° 27' 08"	105° 26' 35"					F-48-91-B-b
xóm Bưu	DC	xã Hương Nhượng	H. Lạc Sơn	20° 26' 36"	105° 25' 45"					F-48-91-B-b
xóm Chum	DC	xã Hương Nhượng	H. Lạc Sơn	20° 27' 23"	105° 25' 47"					F-48-91-B-b
xóm Cọi	DC	xã Hương Nhượng	H. Lạc Sơn	20° 26' 44"	105° 26' 53"					F-48-91-B-b
xóm Hương Hòa	DC	xã Hương Nhượng	H. Lạc Sơn	20° 26' 07"	105° 26' 19"					F-48-91-B-b
xóm Vín Hạ	DC	xã Hương Nhượng	H. Lạc Sơn	20° 26' 14"	105° 26' 31"					F-48-91-B-b
xóm Vín Thượng	DC	xã Hương Nhượng	H. Lạc Sơn	20° 26' 23"	105° 26' 10"					F-48-91-B-b
hồ Vỏ	TV	xã Hương Nhượng	H. Lạc Sơn	20° 26' 14"	105° 25' 57"					F-48-91-B-b
xóm Beo	DC	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 27' 51"	105° 27' 25"					F-48-91-B-b
sông Bưởi	TV	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn			20° 27' 28"	105° 26' 29"	20° 26' 28"	105° 28' 08"	F-48-91-B-b
xóm Cả	DC	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 27' 28"	105° 27' 34"					F-48-91-B-b
xóm Cháy	DC	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 27' 02"	105° 27' 45"					F-48-91-B-b
cầu Cháy	KX	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 27' 21"	105° 27' 32"					F-48-91-B-b
xóm Chiềng	DC	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 27' 19"	105° 27' 20"					F-48-91-B-b
xóm Côm	DC	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 27' 22"	105° 28' 28"					F-48-91-B-b
đồi Đội	SV	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 28' 44"	105° 27' 44"					F-48-91-B-b
hồ Khạ Nang	TV	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 28' 06"	105° 27' 42"					F-48-91-B-b
xóm Lốc	DC	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 27' 44"	105° 26' 50"					F-48-91-B-b
xóm Mới	DC	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 28' 05"	105° 26' 58"					F-48-91-B-b
xóm Vôi	DC	xã Liên Vũ	H. Lạc Sơn	20° 28' 03"	105° 27' 02"					F-48-91-B-b
núi Bãi Trám	SV	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 35' 16"	105° 23' 36"					F-48-79-D-d
xóm Báng	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 33' 08"	105° 24' 14"					F-48-79-D-d
suối Báng	TV	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn			20° 33' 27"	105° 23' 48"	20° 33' 13"	105° 24' 45"	F-48-79-D-d
núi Bưa Chòng	SV	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 35' 50"	105° 22' 58"					F-48-79-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Chu	SV	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 36' 14"	105° 23' 53"					F-48-79-D-d
xóm Dóm	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 34' 52"	105° 24' 08"					F-48-79-D-d
núi Khi Cà	SV	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 33' 26"	105° 23' 36"					F-48-79-D-d
núi Ngàn Lè	SV	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 36' 28"	105° 24' 31"					F-48-79-D-d
xóm Rểnh	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 34' 28"	105° 25' 19"					F-48-79-D-d
xóm Riêng	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 35' 08"	105° 23' 11"					F-48-79-D-d
xóm Thăn Dưới	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 32' 51"	105° 24' 12"					F-48-79-D-d
xóm Thăn Trên	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 33' 43"	105° 24' 06"					F-48-79-D-d
đồi Thỏng	SV	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 34' 17"	105° 23' 43"					F-48-79-D-d
xóm Tre	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 33' 09"	105° 25' 05"					F-48-79-D-d
núi U Bò	SV	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 36' 97"	105° 24' 42"					F-48-79-D-d
xóm Voi	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 33' 56"	105° 24' 45"					F-48-79-D-d
xóm Vôi Hạ	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 35' 01"	105° 24' 56"					F-48-79-D-d
xóm Vôi Thượng	DC	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 35' 34"	105° 24' 04"					F-48-79-D-d
núi Vôn Chó	SV	xã Miền Đồi	H. Lạc Sơn	20° 36' 28"	105° 25' 20"					F-48-79-D-d
đồi Ái Nàng	SV	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 24"	105° 30' 47"					F-48-80-C-c
dốc Ái Nàng	KX	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 12"	105° 30' 47"					F-48-80-C-c
đồi Bái Cả	SV	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 34' 30"	105° 31' 16"					F-48-80-C-c
xóm Bây Giữa	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 32' 51"	105° 32' 23"					F-48-80-C-c
xóm Bây Trên	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 09"	105° 33' 08"					F-48-80-C-c
đồi Chiếng	SV	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 50"	105° 31' 17"					F-48-80-C-c
xóm Cỏ Cháy	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 43"	105° 30' 56"					F-48-80-C-c
xóm Đồi Bùi	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 34' 23"	105° 30' 42"					F-48-80-C-c
xóm Đồi Cả	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 08"	105° 30' 25"					F-48-80-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồi Cò	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 31"	105° 30' 09"					F-48-80-C-c
đồi Lải	SV	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 32' 40"	105° 32' 31"					F-48-80-C-c
núi Nhộng Ràng	SV	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 32' 59"	105° 32' 56"					F-48-80-C-c
xóm Rậm	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 57"	105° 31' 06"					F-48-80-C-c
xóm Riệc	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 32' 27"	105° 29' 36"					F-48-79-D-d
dốc Thai	KX	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 34' 01"	105° 32' 03"					F-48-80-C-c
đồi U Bò	SV	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 34' 16"	105° 30' 31"					F-48-80-C-c
xóm Vó	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 19"	105° 31' 18					F-48-80-C-c
đồi Vòng	SV	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 33' 19"	105° 31' 29"					F-48-80-C-c
xóm Xỳ	DC	xã Mỹ Thành	H. Lạc Sơn	20° 32' 55"	105° 29' 56"					F-48-79-D-d, F-48-80-C-c
xóm Băng	DC	xã Ngọc Lâu	H. Lạc Sơn	20° 25' 42"	105° 24' 31"					F-48-91-B-b
đồi Cao	SV	xã Ngọc Lâu	H. Lạc Sơn	20° 23' 28"	105° 25' 20"					F-48-91-B-b
xóm Chiềng 1	DC	xã Ngọc Lâu	H. Lạc Sơn	20° 25' 29"	105° 22' 55"					F-48-91-B-b
xóm Đầm	DC	xã Ngọc Lâu	H. Lạc Sơn	20° 26' 00"	105° 23' 57"					F-48-91-B-b
xóm Đèn	DC	xã Ngọc Lâu	H. Lạc Sơn	20° 24' 21"	105° 25' 37"					F-48-91-B-b
xóm Hầu 1	DC	xã Ngọc Lâu	H. Lạc Sơn	20° 25' 15"	105° 23' 16"					F-48-91-B-b
xóm Khộp 1	DC	xã Ngọc Lâu	H. Lạc Sơn	20° 25' 19"	105° 24' 56"					F-48-91-B-b
núi Trường Sơn	SV	xã Ngọc Lâu	H. Lạc Sơn	20° 26' 06"	105° 24' 23"					F-48-91-B-b
xóm Xê 1	DC	xã Ngọc Lâu	H. Lạc Sơn	20° 24' 57"	105° 25' 59"					F-48-91-B-b
xóm Bái Nhạ	DC	xã Ngọc Sơn	H. Lạc Sơn	20° 26' 18"	105° 22' 28"					F-48-91-B-a, F-48-91-B-b
xóm Bói	DC	xã Ngọc Sơn	H. Lạc Sơn	20° 26' 17	105° 22' 58"					F-48-91-B-b
núi Cấp	SV	xã Ngọc Sơn	H. Lạc Sơn	20° 28' 58"	105° 18' 21"					F-48-91-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Điện	DC	xã Ngọc Sơn	H. Lạc Sơn	20° 26' 54"	105° 21' 01"					F-48-91-B-a
xóm Đong	DC	xã Ngọc Sơn	H. Lạc Sơn	20° 26' 40"	105° 20' 08"					F-48-91-B-a
xóm Khú	DC	xã Ngọc Sơn	H. Lạc Sơn	20° 26' 28"	105° 20' 45"					F-48-91-B-a
xóm Rộc	DC	xã Ngọc Sơn	H. Lạc Sơn	20° 25' 44"	105° 22' 07"					F-48-91-B-a
xóm Vâng	DC	xã Ngọc Sơn	H. Lạc Sơn	20° 26' 48"	105° 21' 37"					F-48-91-B-a
xóm Bui	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 03"	105° 26' 07"					F-48-79-D-d
hồ Bui	TV	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 30' 59"	105° 25' 47"					F-48-79-D-d
xóm Bưng	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 03"	105° 24' 47"					F-48-79-D-d
hang Bụt	SV	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 21' 36"	105° 27' 19"					F-48-79-D-d
suối Chăng	TV	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn			20° 31' 52"	105° 27' 11"	20° 30' 57"	105° 26' 58"	F-48-79-D-d
suối Cộng Hòa	TV	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn			20° 31' 42"	105° 26' 13"	20° 30' 20"	105° 26' 49"	F-48-79-D-d
xóm Dằm Chuộn	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 45"	105° 25' 04"					F-48-79-D-d
xóm Dằm Làng	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 48"	105° 25' 50"					F-48-79-D-d
xóm Khị	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 32"	105° 25' 51"					F-48-79-D-d
hồ Ma	TV	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 37"	105° 25' 20"					F-48-79-D-d
xóm Tân Thanh	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 30' 59"	105° 25' 35"					F-48-79-D-d
xóm Tiền Phong	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 32"	105° 26' 57"					F-48-79-D-d
xóm Vó Dò	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 10"	105° 27' 11"					F-48-79-D-d
xóm Vó Giữa	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 23"	105° 26' 52"					F-48-79-D-d
xóm Vó Trên	DC	xã Nhân Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 35"	105° 26' 41"					F-48-79-D-d
xóm Bãi	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 27' 58"	105° 21' 01"					F-48-91-B-a
xóm Băn	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 29' 08"	105° 19' 04"					F-48-91-B-a
xóm Báy	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 30' 09"	105° 18' 47"					F-48-79-D-c
sông Cái	TV	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn			20° 28' 12"	105° 21' 23"	20° 29' 52"	105° 18' 18"	F-48-91-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Chao	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 28' 56"	105° 19' 30"					F-48-91-B-a
xóm Chất	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 29' 19"	105° 19' 27"					F-48-91-B-a
xóm Chuông	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 28' 30"	105° 21' 25"					F-48-91-B-a
xóm Duộng	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 28' 56"	105° 20' 08"					F-48-91-B-a
suối Đạnh	TV	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn			20° 29' 16"	105° 20' 50"	20° 28' 55"	105° 20' 58"	F-48-91-B-a
xóm Đống Trầm	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 30' 03"	105° 19' 01"					F-48-79-D-c, F-48-91-B-a
xóm Éo	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 30' 03"	105° 19' 16"					F-48-79-D-c, F-48-91-B-a
xóm Giang	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 28' 15"	105° 20' 38"					F-48-91-B-a
xóm Khạ	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 28' 33"	105° 21' 20"					F-48-91-B-a
xóm Khải	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 28' 31"	105° 20' 17"					F-48-91-B-a
xóm Mận	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 30' 30"	105° 19' 04"					F-48-79-D-c
xóm Rẽ	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 29' 45"	105° 18' 55"					F-48-91-B-a
suối Rồng	TV	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn			20° 29' 16"	105° 20' 29"	20° 29' 04"	105° 20' 25"	F-48-91-B-a
xóm Thếnh	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 29' 54"	105° 18' 34"					F-48-91-B-a
đồi Toàng	SV	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 31' 69"	105° 18' 55"					F-48-79-D-c
xóm Trám	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 29' 35"	105° 19' 07"					F-48-91-B-a
xóm Yến	DC	xã Phú Lương	H. Lạc Sơn	20° 30' 27"	105° 18' 34"					F-48-79-D-c
xóm Bạ Thá	DC	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn	20° 30' 10"	105° 20' 01"					F-48-79-D-c
xóm Châu	DC	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn	20° 29' 30"	105° 20' 51"					F-48-91-B-a
xóm Chiềng Rồng	DC	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn	20° 29' 37"	105° 20' 13"					F-48-91-B-a
xóm Chóng	DC	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn	20° 29' 26"	105° 20' 39"					F-48-91-B-a
xóm Cọ Mới	DC	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn	20° 30' 05"	105° 19' 49"					F-48-79-D-c, F-48-91-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đạnh	TV	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn			20° 29' 46"	105° 21' 11"	20° 29' 16"	105° 20' 50"	F-48-91-B-a
xóm Đồi Tường	DC	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn	20° 29' 48"	105° 20' 24"					F-48-91-B-a
xóm Khoang	DC	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn	20° 30' 24"	105° 19' 48"					F-48-79-D-c
xóm Quyển Dưới	DC	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn	20° 29' 28"	105° 21' 57"					F-48-91-B-a
xóm Quyển Trên	DC	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn	20° 29' 43"	105° 21' 35"					F-48-91-B-a
suối Rồng	TV	xã Phúc Tuy	H. Lạc Sơn			20° 30' 26"	105° 19' 40"	20° 29' 16"	105° 20' 29"	F-48-79-D-c, F-48-91-B-a
xóm Bất Bạc	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 10"	105° 28' 38"					F-48-79-D-d
suối Cả	TV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn			20° 34' 40"	105° 27' 08"	20° 34' 07"	105° 27' 06"	F-48-79-D-d
đồi Chim	SV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 34' 44"	105° 28' 45"					F-48-79-D-d
núi Cốt Ca	SV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 37' 05"	105° 28' 16"					F-48-79-D-d
núi Cửa	SV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 36' 41"	105° 27' 34"					F-48-79-D-d
núi Dọi	SV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 42"	105° 28' 26"					F-48-79-D-d
suối Dọi	TV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn			20° 36' 09"	105° 29' 35"	20° 35' 45"	105° 28' 12"	F-48-79-D-d
xóm Dọi 2	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 28"	105° 27' 55"					F-48-79-D-d
xóm Đồng Củ 1	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 10"	105° 26' 10"					F-48-79-D-d
xóm Đồng Củ 2	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 36"	105° 26' 09"					F-48-79-D-d
xóm Kẻm	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 08"	105° 26' 50"					F-48-79-D-d
xóm Khả	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 34' 39"	105° 27' 27"					F-48-79-D-d
núi Khoai Gió	SV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 36' 33"	105° 25' 54"					F-48-79-D-d
núi Máng Đa	SV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 36' 14"	105° 27' 26"					F-48-79-D-d
suối Miếu	TV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn			20° 35' 45"	105° 28' 12"	20° 34' 40"	105° 27' 08"	F-48-79-D-d
đồi Ngang	SV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 37' 00"	105° 26' 37"					F-48-79-D-d
xóm Rậm	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 02"	105° 27' 11"					F-48-79-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sấm	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 31"	105° 29' 05"					F-48-79-D-d
xóm Thang 2	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 34' 18"	105° 27' 24"					F-48-79-D-d
xóm Thêu	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 23"	105° 29' 03"					F-48-79-D-d
xóm Thung 1	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 37' 15"	105° 29' 21"					F-48-79-D-b, F-48-79-D-d, F-48-79-D-d
suối Trám	TV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn			20° 36' 33"	105° 26' 51"	20° 34' 25"	105° 26' 53"	F-48-79-D-d
núi Trông Màm	SV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 35' 54"	105° 29' 25"					F-48-79-D-d
suối Trong Màn	TV	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn			20° 35' 34"	105° 29' 38"	20° 35' 19"	105° 27' 57"	F-48-79-D-d
xóm Vẹ	DC	xã Quý Hòa	H. Lạc Sơn	20° 34' 34"	105° 28' 02"					F-48-79-D-d
suối Bến Lấp	TV	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn			20° 33' 26"	105° 26' 30"	20° 31' 42"	105° 26' 13"	F-48-79-D-d
xóm Chiềng 3	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 32' 30"	105° 26' 09"					F-48-79-D-d
xóm Đấc	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 32' 22"	105° 25' 49"					F-48-79-D-d
Đồi Chùa	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 33' 00"	105° 25' 33"					F-48-79-D-d
xóm Đồng	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 32' 52"	105° 26' 03"					F-48-79-D-d
đồi Đường	SV	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 33' 70"	105° 25' 33"					F-48-79-D-d
xóm Lâu	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 32' 57"	105° 26' 15"					F-48-79-D-d
xóm Mòi 3	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 33' 06"	105° 26' 57"					F-48-79-D-d
xóm Nganh	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 32' 40"	105° 25' 28"					F-48-79-D-d
xóm Rậm	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 32' 07"	105° 25' 47"					F-48-79-D-d
xóm Tôm 3	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 32' 23"	105° 26' 44"					F-48-79-D-d
xóm Trại	DC	xã Tân Lập	H. Lạc Sơn	20° 33' 10"	105° 26' 13"					F-48-79-D-d
xóm Bu	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 23' 23"	105° 27' 32"					F-48-91-B-b
sông Bưởi	TV	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn			20° 26' 28"	105° 27' 26"	20° 24' 52"	105° 29' 48"	F-48-91-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Cai	KX	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 24' 47"	105° 28' 21"					F-48-91-B-b
xóm Câu	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 25' 24"	105° 28' 18"					F-48-91-B-b
xóm Đa	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 24' 53"	105° 29' 24"					F-48-91-B-b
xóm Khảnh	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 24' 59"	105° 28' 50"					F-48-91-B-b
xóm Khi	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 25' 17"	105° 29' 17"					F-48-91-B-b
xóm Kho	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 25' 38"	105° 29' 15"					F-48-91-B-b
xóm Lọt	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 23' 25"	105° 28' 57"					F-48-91-B-b
xóm Mặc	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 26' 17"	105° 27' 40"					F-48-91-B-b
xóm Nạch	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 25' 29"	105° 27' 11"					F-48-91-B-b
xóm Nại	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 25' 53"	105° 28' 45"					F-48-91-B-b
xóm Ngheo	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 23' 57"	105° 29' 41"					F-48-91-B-b
xóm Song	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 24' 45"	105° 28' 37"					F-48-91-B-b
xóm Trội	DC	xã Tân Mỹ	H. Lạc Sơn	20° 24' 51"	105° 27' 02"					F-48-91-B-b
quốc lộ 12B	KX	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn			20° 29' 16"	105° 24' 21"	20° 30' 54"	105° 21' 35"	F-48-79-D-c, F-48-91-B-b
xóm Anh	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 29' 31"	105° 23' 41"					F-48-91-B-b
xóm Cáo	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 30' 56"	105° 22' 15"					F-48-79-D-c, F-48-79-D-d
xóm Cọ	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 29' 37"	105° 23' 03"					F-48-91-B-b
xóm Cổm	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 30' 39"	105° 21' 24"					F-48-79-D-c
xóm Đồng Tâm	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 29' 43"	105° 24' 09"					F-48-91-B-b
xóm Khặng	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 30' 35	105° 21' 58"					F-48-79-D-c
cầu Khặng	KX	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 30' 31	105° 22' 08"					F-48-79-D-c
xóm La Văn Cầu	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 30' 51"	105° 21' 41"					F-48-79-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Luống	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 31' 00"	105° 21' 49"					F-48-79-D-c
xóm Ốc	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 30' 03"	105° 24' 06"					F-48-79-D-d
cầu Ốc	KX	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 29' 56"	105° 23' 48"					F-48-91-B-b
xóm Rậm	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 29' 24"	105° 23' 29"					F-48-91-B-b
xóm Trang	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 30' 03"	105° 22' 37"					F-48-91-B-b,F-48-79-D-d
xóm Tre	DC	xã Thượng Cốc	H. Lạc Sơn	20° 31' 19"	105° 21' 59"					F-48-79-D-c
đèo Hang Lòn	SV	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 23' 32"	105° 21' 24"					F-48-91-B-a
xóm Kháy	DC	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 24' 28"	105° 20' 36"					F-48-91-B-a
núi Khụ Cái	SV	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 24' 22"	105° 20' 86"					F-48-91-B-a
núi Khụ Tôm	SV	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 23' 38"	105° 20' 50"					F-48-91-B-a
núi Lá Bán	SV	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 26' 07"	105° 18' 59"					F-48-91-B-a
xóm Mòn	DC	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 24' 58	105° 19' 32"					F-48-91-B-a
xóm Mu	DC	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 24' 26"	105° 22' 05"					F-48-91-B-a
xóm Rì	DC	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 23' 02"	105° 24' 07"					F-48-91-B-b
xóm Sát	DC	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 23' 41"	105° 22' 29"					F-48-91-B-a, F-48-91-B-b
suối Sát	TV	xã Tự Do	H. Lạc Sơn			20° 25' 58"	105° 16' 51"	20° 22' 42"	105° 25' 09"	F-48-91-B-a, F48-80-C-c
xóm Tren	DC	xã Tự Do	H. Lạc Sơn	20° 25' 31"	105° 17' 45"					F-48-91-B-a
xóm Chạo	DC	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn	20° 34' 24"	105° 26' 25"					F-48-79-D-d
xóm Đanh	DC	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn	20° 33' 53"	105° 27' 58"					F-48-79-D-d
xóm Đào	DC	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn	20° 34' 16"	105° 28' 30"					F-48-79-D-d
núi Đồi Eo	SV	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn	20° 34' 23"	105° 29' 10"					F-48-79-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khạo Và	TV	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn			20° 34' 01"	105° 27' 47"	20° 33' 38"	105° 26' 38"	F-48-79-D-d
xóm Khụ	DC	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn	20° 34' 15"	105° 26' 41"					F-48-79-D-d
xóm Mọi	DC	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn	20° 33' 57"	105° 27' 16"					F-48-79-D-d
xóm Mọng	DC	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn	20° 33' 29"	105° 27' 12"					F-48-79-D-d
xóm Nạc	DC	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn	20° 33' 44"	105° 26' 19"					F-48-79-D-d
xóm Sào	DC	xã Tuân Đạo	H. Lạc Sơn	20° 33' 39"	105° 27' 33"					F-48-79-D-d
xóm Ấm	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 32' 02"	105° 29' 04"					F-48-79-D-d
suối Bũng	TV	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn			20° 31' 34"	105° 29' 17"	20° 30' 36"	105° 28' 44"	F-48-79-D-d
suối Chằn	TV	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn			20° 31' 43"	105° 28' 21"	20° 30' 57"	105° 27' 39"	F-48-79-D-d
hang Dơi	SV	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 52"	105° 28' 17"					F-48-79-D-d
xóm Đa	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 26"	105° 28' 04"					F-48-79-D-d
xóm Đồi	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 32' 55"	105° 28' 51"					F-48-79-D-d
xóm Đổn	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 35"	105° 28' 49"					F-48-79-D-d
xóm Gò Pheo	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 34' 21"	105° 29' 22"					F-48-79-D-d
suối Hồng Dài	TV	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn			20° 32' 06"	105° 29' 29"	20° 30' 38"	105° 27' 44"	F-48-79-D-d
xóm Kén	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 30' 51"	105° 28' 50"					F-48-80-C-c, F-48-79-D-d
xóm Mới	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 16"	105° 27' 28"					F-48-79-D-d
xóm Nang	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 57"	105° 27' 40"					F-48-79-D-d
xóm Pheo	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 33' 45"	105° 29' 03"					F-48-79-D-d
xóm Sào	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 07"	105° 31' 24"					F-48-80-C-c
sông Sào	TV	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn			20° 31' 06"	105° 32' 24"	20° 30' 33"	105° 28' 41"	F-48-79-D-d, F-48-80-C-c
xóm Thêu	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 32' 01"	105° 29' 22"					F-48-79-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tre	DC	xã Văn Nghĩa	H. Lạc Sơn	20° 31' 59"	105° 28' 29"					F-48-79-D-d
xóm Chào	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 31' 33"	105° 22' 52"					F-48-79-D-d
xóm Đồi	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 31' 26"	105° 23' 45"					F-48-79-D-d
núi Đôi Bưng	SV	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 32' 20"	105° 24' 90"					F-48-79-D-d
xóm Khang	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 32' 07"	105° 22' 58"					F-48-79-D-d
hồ Khang Trào	TV	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 32' 10"	105° 23' 08"					F-48-79-D-d
núi Khênh	SV	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 31' 28"	105° 23' 14"					F-48-79-D-d
xóm Khụ	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 31' 41"	105° 23' 25"					F-48-79-D-d
xóm Lội	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 30' 48"	105° 23' 50"					F-48-79-D-d
xóm Mận	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 30' 39"	105° 23' 18"					F-48-79-D-d
xóm Mương	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 30' 45"	105° 24' 13"					F-48-79-D-d
hồ Ngọc	TV	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 30' 38"	105° 24' 04"					F-48-79-D-d
suối Ốc	TV	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn			20° 31' 39"	105° 22' 57"	20° 30' 13"	105° 23' 47"	F-48-79-D-d
xóm Răng	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 30' 59"	105° 23' 28"					F-48-79-D-d
xóm Ráy	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 32' 55"	105° 23' 09"					F-48-79-D-d
xóm Rộc	DC	xã Văn Sơn	H. Lạc Sơn	20° 30' 16"	105° 23' 24"					F-48-79-D-d
quốc lộ 12B	KX	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn			20° 25' 48"	105° 29' 05"	20° 26' 43"	105° 27' 57"	F-48-91-B-b
xóm Át	DC	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn	20° 26' 45"	105° 30' 11"					F-48-92-A-a
hồ Át	TV	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn	20° 27' 09"	105° 30' 07"					F-48-92-A-a
suối Bống	TV	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn			20° 26' 59"	105° 28' 43"	20° 26' 26"	105° 28' 25"	F-48-91-B-b
xóm Cài	DC	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn	20° 26' 54"	105° 29' 34"					F-48-91-B-b
xóm Cơi	DC	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn	20° 26' 18"	105° 29' 50"					F-48-91-B-b
xóm Đạn	DC	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn	20° 26' 15"	105° 29' 16"					F-48-91-B-b
suối Đạn	TV	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn			20° 26' 22"	105° 29' 08"	20° 26' 00"	105° 28' 52"	F-48-91-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Lâm Hóa 1	DC	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn	20° 26' 09"	105° 28' 52"					F-48-91-B-b
xóm Quyết Tiến	DC	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn	20° 26' 40"	105° 28' 28"					F-48-91-B-b
xóm Sơ	DC	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn	20° 26' 41"	105° 28' 56"					F-48-91-B-b
suối Thảo	TV	xã Vũ Lâm	H. Lạc Sơn			20° 27' 11"	105° 29' 27"	20° 26' 22"	105° 29' 08"	F-48-91-B-b
xóm Bắp	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 30' 00"	105° 25' 03"					F-48-79-D-d, F-48-91-B-b
Nhà máy Chè Đen	KX	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 28' 31"	105° 25' 21"					F-48-91-B-b
xóm Chuông	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 30' 41"	105° 24' 46"					F-48-79-D-d
xóm Đanh	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 27' 45"	105° 25' 29"					F-48-91-B-b
xóm Mới	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 28' 48"	105° 25' 20"					F-48-91-B-b
xóm Nam Hòa	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 28' 14"	105° 25' 37"					F-48-91-B-b
xóm Ngã Ba - Lâm Trường	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 28' 53"	105° 25' 03"					F-48-91-B-b
xóm Ngải	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 29' 13"	105° 24' 00"					F-48-91-B-b
xóm Ninh Sơn	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 28' 47"	105° 24' 59"					F-48-91-B-b
xóm Rộc	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 28' 49"	105° 25' 57"					F-48-91-B-b
xóm Vỏ	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 29' 02"	105° 24' 33"					F-48-91-B-b
xóm Vốc	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 29' 39"	105° 25' 37"					F-48-91-B-b
cầu Xưa	KX	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 29' 01"	105° 24' 41"					F-48-91-B-b
xóm Xưa Hạ	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 28' 30"	105° 25' 35"					F-48-91-B-b
xóm Xưa Thượng	DC	xã Xuất Hóa	H. Lạc Sơn	20° 29' 07"	105° 24' 57"					F-48-91-B-b
đội 4 (Nông trường 2-9)	DC	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 25' 29"	105° 33' 04"					F-48-92-A-a
xóm Đam	DC	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 23' 54"	105° 32' 30"					F-48-92-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Giềng	KX	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 24' 34"	105° 31' 51"					F-48-92-A-a
xóm Gò Cha	DC	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 24' 43"	105° 32' 47"					F-48-92-A-a
xóm Hổ	DC	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 24' 25"	105° 31' 35"					F-48-92-A-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn			20° 23' 48"	105° 31' 15"	20° 24' 33"	105° 33' 09"	F-48-92-A-a
hồ Lai Cơn	TV	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 26' 27"	105° 31' 41"					F-48-92-A-a
xóm Lục	DC	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 25' 56"	105° 31' 53"					F-48-92-A-a
núi Mọi	SV	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 26' 01"	105° 33' 03"					F-48-92-A-a
hồ Mu Mạ	TV	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 25' 03"	105° 32' 17"					F-48-92-A-a
xóm Mu Riềng	DC	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 24' 43"	105° 32' 20"					F-48-92-A-a
xóm Sống	DC	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 23' 52"	105° 32' 08"					F-48-92-A-a
núi Thiền	SV	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 26' 26"	105° 32' 47"					F-48-92-A-a
núi Trống	SV	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 25' 36"	105° 32' 15"					F-48-92-A-a
xóm Yên Kim	DC	xã Yên Nghiệp	H. Lạc Sơn	20° 24' 47"	105° 31' 47"					F-48-92-A-a
xóm Bái	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 13"	105° 26' 41"					F-48-91-B-b
núi Bái Ơm	SV	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 30' 24"	105° 29' 32"					F-48-79-D-d
xóm Bợ	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 44"	105° 26' 40"					F-48-91-B-b
xóm Cát	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 56"	105° 27' 53"					F-48-79-D-d, F-48-91-B-b
đồi Chụm	SV	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 28' 55"	105° 27' 15"					F-48-91-B-b
xóm Cọi	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 28' 35"	105° 26' 28"					F-48-91-B-b
xóm Đá	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 54"	105° 28' 18"					F-48-79-D-d, F-48-91-B-b
xóm Đồi	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 59"	105° 27' 23"					F-48-79-D-d, F-48-91-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đổm	TV	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn			20° 30' 20"	105° 26' 49"	20° 29' 28	105° 27' 10"	F-48-79-D-d, F-48-91-B-b
khe Hón Cái	TV	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn			20° 29' 50"	105° 29' 50"	20° 29' 56"	105° 28' 36"	F-48-79-D-d, F-48-91-B-b
xóm Húng	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 27"	105° 27' 22"					F-48-91-B-b
núi Khụ Tang	SV	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 19"	105° 29' 21"					F-48-91-B-b
xóm Nhụn	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 30' 14	105° 29' 20"					F-48-79-D-d, F-48-91-B-b
xóm Rả	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 08"	105° 27' 44"					F-48-91-B-b
sông Sào Cái	TV	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn			20° 30' 33"	105° 28' 41"	20° 28' 08"	105° 26' 32"	F-48-79-D-d, F-48-91-B-b
núi Trắng	SV	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 26"	105° 28' 10"					F-48-91-B-b
xóm Vành	DC	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 29' 06"	105° 27' 11"					F-48-91-B-b
cầu Vụ Bản	KX	xã Yên Phú	H. Lạc Sơn	20° 28' 11"	105° 26' 31"					F-48-91-B-b
cầu Chi Nê	KX	TT. Chi Nê	H. Lạc Thủy	20° 29' 17"	105° 47' 08"					F-48-92-B-a
núi Đồng Lù	SV	TT. Chi Nê	H. Lạc Thủy	20° 28' 36"	105° 46' 27"					F-48-92-B-a
đầm Khánh	TV	TT. Chi Nê	H. Lạc Thủy	20° 28' 50"	105° 46' 49"					F-48-92-B-a
núi Mồ Côi	SV	TT. Chi Nê	H. Lạc Thủy	20° 28' 53"	105° 46' 17"					F-48-92-B-a
khu dân cư Số 1	DC	TT. Chi Nê	H. Lạc Thủy	20° 29' 55"	105° 46' 34"					F-48-92-B-a
khu dân cư Số 2	DC	TT. Chi Nê	H. Lạc Thủy	20° 29' 35"	105° 46' 40"					F-48-92-B-a
khu dân cư Số 5	DC	TT. Chi Nê	H. Lạc Thủy	20° 28' 54"	105° 46' 20"					F-48-92-B-a
khu dân cư Số 10	DC	TT. Chi Nê	H. Lạc Thủy	20° 29' 27"	105° 46' 48"					F-48-92-B-a
khu dân cư Đoàn Kết	DC	TT. Thanh Hà	H. Lạc Thủy	20° 35' 43"	105° 41' 06"					F-48-80-C-d
khu dân cư Đồng Tâm	DC	TT. Thanh Hà	H. Lạc Thủy	20° 35' 33"	105° 40' 59"					F-48-80-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Thắng Lợi	DC	TT. Thanh Hà	H. Lạc Thủy	20° 35' 54"	105° 41' 30"					F-48-80-C-d
khu dân cư Thanh Sơn	DC	TT. Thanh Hà	H. Lạc Thủy	20° 36' 07"	105° 41' 50"					F-48-80-C-d
thôn An Sơn 1	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 25' 05"	105° 43' 58"					F-48-92-A-b
thôn An Sơn 2	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 24' 33"	105° 43' 42"					F-48-92-A-b
thôn Chợ Đập	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 24' 51"	105° 43' 49"					F-48-92-A-b
thôn Đại Đồng	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 25' 12"	105° 43' 28"					F-48-92-A-b
thôn Đại Thắng	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 25' 22"	105° 42' 55"					F-48-92-A-b
hồ Đập	TV	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 25' 31"	105° 42' 39"					F-48-92-A-b
sông Đập	TV	xã An Bình	H. Lạc Thủy			20° 26' 43"	105° 43' 27"	20° 25' 24"	105° 43' 50"	F-48-92-A-b
thôn Đồng Bầu	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 24' 13"	105° 44' 42"					F-48-92-A-b
thôn Đồng Rặt	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 22' 17"	105° 44' 45"					F-48-92-A-d
thôn Đồng Vạn	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 23' 56"	105° 44' 45"					F-48-92-A-b
núi Đồng Vượn	SV	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 23' 07"	105° 45' 14"					F-48-92-B-a
thôn Đức Bình	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 26' 03"	105° 42' 51					F-48-92-A-b
núi Hang Đạn	SV	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 23' 38"	105° 44' 42"					F-48-92-A-b
thôn Ninh Ngoại	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 24' 47"	105° 43' 17"					F-48-92-A-b
thôn Ninh Nội 1	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 24' 46"	105° 44' 05"					F-48-92-A-b
thôn Ninh Nội 2	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 24' 38"	105° 44' 17"					F-48-92-A-b
thôn Phú Tường	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 23' 36"	105° 43' 49"					F-48-92-A-b
núi Quèn Gianh	SV	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 25' 42"	105° 45' 06"					F-48-92-B-a
thôn Rộc In	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 26' 24"	105° 43' 18"					F-48-92-A-b
thôn Thắng Lợi	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 25' 49"	105° 43' 27"					F-48-92-A-b
thôn Tiên Lữ	DC	xã An Bình	H. Lạc Thủy	20° 23' 30"	105° 44' 17"					F-48-92-A-b
thôn An Phú	DC	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 19"	105° 43' 00"					F-48-92-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Chóng Ráng	SV	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 33"	105° 40' 03"					F-48-92-A-b
đồi Cốc	SV	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 46"	105° 44' 10"					F-48-92-A-b
sông Cuồn	TV	xã An Lạc	H. Lạc Thủy			20° 27' 32"	105° 42' 03"	20° 26' 43"	105° 43' 27"	F-48-92-A-b
thôn Liên Phú 1	DC	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 43"	105° 43' 09"					F-48-92-A-b
thôn Liên Phú 2	DC	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 55"	105° 44' 01"					F-48-92-A-b
thôn Liên Phú 3	DC	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 26"	105° 43' 29"					F-48-92-A-b
thôn Lộc Thành	DC	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 16"	105° 40' 46"					F-48-92-A-b
thôn Minh Hải	DC	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 51"	105° 41' 33"					F-48-92-A-b
thôn Minh Thành	DC	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 24"	105° 41' 57"					F-48-92-A-b
núi Quèn Cốc	SV	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 27' 36"	105° 44' 37"					F-48-92-A-b
thôn Tân Thành	DC	xã An Lạc	H. Lạc Thủy	20° 26' 35"	105° 42' 40"					F-48-92-A-b
thôn 2	DC	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 31' 50"	105° 45' 18"					F-48-80-D-c
thôn 3	DC	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 31' 38"	105° 45' 30"					F-48-80-D-c
quốc lộ 21	KX	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy			20° 32' 06"	105° 45' 08"	20° 30' 38"	105° 46' 03"	F-48-80-D-c
xóm Bến Đình	DC	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 21' 38"	105° 45' 30"					F-48-80-C-d
sông Bôi	TV	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy			20° 31' 41"	105° 43' 22"	20° 30' 34"	105° 46' 02"	F-48-80-D-c, F-48-80-C-d
thôn Bưa Cú	DC	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 31' 21"	105° 46' 04"					F-48-80-D-c
núi Con Voi	SV	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 31' 48"	105° 46' 21"					F-48-80-D-c
thôn Đồng Sắn	DC	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 32' 04"	105° 45' 26"					F-48-80-D-c
thôn Đồng Thung	DC	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 32' 14"	105° 45' 41"					F-48-80-D-c
thôn Gốc Xanh	DC	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 31' 35"	105° 45' 46"					F-48-80-D-c
thôn Tân Thành	DC	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 31' 16"	105° 45' 48"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Sông Bôi	KX	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 32' 00"	105° 44' 12"					F-48-80-C-d
hồ Vầu	TV	xã Cố Nghĩa	H. Lạc Thủy	20° 31' 36"	105° 44' 29"					F-48-80-C-d
xóm Cú Đẻ	DC	xã Đồng Môn	H. Lạc Thủy	20° 28' 36"	105° 41' 10"					F-48-92-A-b
sông Đồng Môn	TV	xã Đồng Môn	H. Lạc Thủy			20° 28' 55"	105° 42' 33"	20° 29' 02"	105° 41' 15"	F-48-92-A-b
xóm Đừng	DC	xã Đồng Môn	H. Lạc Thủy	20° 29' 22"	105° 41' 55"					F-48-92-A-b
đồi Ngang	SV	xã Đồng Môn	H. Lạc Thủy	20° 28' 43"	105° 42' 57"					F-48-92-A-b
núi Thờ	SV	xã Đồng Môn	H. Lạc Thủy	20° 29' 50"	105° 42' 44"					F-48-92-A-b
xóm Vôn	DC	xã Đồng Môn	H. Lạc Thủy	20° 27' 56"	105° 42' 36"					F-48-92-A-b
quốc lộ 21	KX	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy			20° 29' 06"	105° 47' 37"	20° 30' 13"	105° 48' 38"	F-48-92-B-a
thôn Đại Đồng	DC	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 28' 22"	105° 49' 05"					F-48-92-B-a
hồ Đồi Bô	TV	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 27' 26"	105° 48' 11"					F-48-92-B-a
thôn Đồng Đễ	DC	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 28' 24"	105° 47' 21"					F-48-92-B-a
hồ Đồng Đễ	TV	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 28' 16"	105° 47' 40"					F-48-92-B-a
thôn Đồng Hải	DC	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 28' 20"	105° 48' 30"					F-48-92-B-a
thôn Đồng Làng	DC	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 28' 13"	105° 47' 53"					F-48-92-B-a
thôn Đống Mối	DC	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 26' 02"	105° 50' 59"					F-48-92-B-a
thôn Đồng Phú	DC	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 28' 39"	105° 47' 44"					F-48-92-B-a
núi Ông Già	SV	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 28' 13"	105° 49' 28"					F-48-92-B-a
cầu Sung	KX	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 29' 03"	105° 48' 16"					F-48-92-B-a
thôn Suối Tép	DC	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 27' 12"	105° 50' 33"					F-48-92-B-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Đồng Tâm	H. Lạc Thủy	20° 28' 49"	105° 47' 27"					F-48-92-B-a
thôn 8	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 32' 20"	105° 41' 48"					F-48-80-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 9	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 31' 34"	105° 41' 34"					F-48-80-C-d
Bến Bưởi	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 31' 23"	105° 42' 21"					F-48-80-C-d
sông Bôi	TV	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy			20° 32' 39"	105° 39' 18"	20° 31' 13"	105° 42' 55"	F-48-80-C-d
dãy núi Bưa Đu	SV	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 32' 18"	105° 42' 16"					F-48-80-C-d
Chung Đồng	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 30' 56"	105° 42' 46"					F-48-80-C-d
núi Con Voi	SV	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 30' 57"	105° 41' 22"					F-48-80-C-d
thôn Cui	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 30' 27"	105° 39' 21"					F-48-80-C-d
thôn Khoang	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 30' 48"	105° 40' 11"					F-48-80-C-d
thôn Mán	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 30' 56"	105° 40' 49"					F-48-80-C-d
thôn Măng	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 31' 23"	105° 39' 19"					F-48-80-C-d
thôn Niếng	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 31' 00"	105° 37' 42"					F-48-80-C-d
Rộc Ngái	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 31' 22"	105° 38' 42"					F-48-80-C-d
thôn Thơi	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 31' 17"	105° 38' 57"					F-48-80-C-d
thôn Thung Trâm	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 31' 52"	105° 41' 26"					F-48-80-C-d
thôn Thung Voi	DC	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 31' 20"	105° 42' 15"					F-48-80-C-d
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Sông Bôi	KX	xã Hưng Thi	H. Lạc Thủy	20° 31' 43"	105° 41' 43"					F-48-80-C-d
sông Bôi	TV	xã Khoan Dụ	H. Lạc Thủy			20° 31' 00"	105° 45' 30"	20° 28' 41"	105° 45' 54"	F-48-92-B-a, F-48-80-D-c
cầu Chi Nê	KX	xã Khoan Dụ	H. Lạc Thủy	20° 29' 26"	105° 46' 24"					F-48-92-B-a
thôn Hoàng Đồng	DC	xã Khoan Dụ	H. Lạc Thủy	20° 29' 32"	105° 46' 22"					F-48-92-B-a
thôn Liên Hồng 1	DC	xã Khoan Dụ	H. Lạc Thủy	20° 29' 04"	105° 45' 42"					F-48-92-B-a
thôn Liên Sơn	DC	xã Khoan Dụ	H. Lạc Thủy	20° 30' 43"	105° 45' 50"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ngựa Treo	SV	xã Khoan Dụ	H. Lạc Thủy	20° 29' 50"	105° 44' 19"					F-48-92-A-b
thôn Rộc Trụ 1	DC	xã Khoan Dụ	H. Lạc Thủy	20° 30' 21"	105° 45' 05"					F-48-80-D-c
thôn Rộc Trụ 2	DC	xã Khoan Dụ	H. Lạc Thủy	20° 29' 41"	105° 45' 17"					F-48-92-B-a
núi Trường Sơn	SV	xã Khoan Dụ	H. Lạc Thủy	20° 29' 41"	105° 45' 58"					F-48-92-B-a
cầu Cả	KX	xã Lạc Long	H. Lạc Thủy	20° 30' 38"	105° 46' 03"					F-48-80-D-c
thôn Chéo Vòng	DC	xã Lạc Long	H. Lạc Thủy	20° 30' 30"	105° 46' 19"					F-48-80-D-c
thôn Đồi Hoa	DC	xã Lạc Long	H. Lạc Thủy	20° 30' 18"	105° 46' 35"					F-48-80-D-c
thôn Đồng Bầu	DC	xã Lạc Long	H. Lạc Thủy	20° 30' 32"	105° 47' 18"					F-48-80-D-c
núi Hang Hung	SV	xã Lạc Long	H. Lạc Thủy	20° 29' 56"	105° 47' 32"					F-48-92-B-a
đồi Hóa	SV	xã Lạc Long	H. Lạc Thủy	20° 29' 48"	105° 47' 02"					F-48-92-B-a
thôn Long Giang	DC	xã Lạc Long	H. Lạc Thủy	20° 31' 06"	105° 46' 42"					F-48-80-D-c
thôn Tay Ngai	DC	xã Lạc Long	H. Lạc Thủy	20° 30' 50"	105° 46' 17"					F-48-80-D-c
núi Cốc	SV	xã Liên Hòa	H. Lạc Thủy	20° 28' 33"	105° 44' 23"					F-48-92-A-b
thôn Đồng Huống	DC	xã Liên Hòa	H. Lạc Thủy	20° 30' 28"	105° 43' 42"					F-48-80-C-d
núi Hang Cáy	SV	xã Liên Hòa	H. Lạc Thủy	20° 31' 18"	105° 45' 08"					F-48-80-D-c
suối Lao	TV	xã Liên Hòa	H. Lạc Thủy			20° 30' 28"	105° 43' 24"	20° 31' 41"	105° 43' 22"	F-48-80-C-d
thôn Liên Hồng	DC	xã Liên Hòa	H. Lạc Thủy	20° 31' 13"	105° 44' 50"					F-48-80-C-d
thôn Vỏ	DC	xã Liên Hòa	H. Lạc Thủy	20° 28' 57"	105° 43' 37"					F-48-92-A-b
hang Vỏ	SV	xã Liên Hòa	H. Lạc Thủy	20° 29' 09"	105° 43' 38"					F-48-92-A-b
thôn Bẩy	DC	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 32' 07"	105° 45' 07"					F-48-80-C-d
động Cô Chín	SV	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 33' 55"	105° 44' 33"					F-48-80-C-d
thôn Đầm Đa	DC	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 32' 18"	105° 44' 45"					F-48-80-C-d
cầu Đầm Đa	KX	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 32' 08"	105° 45' 02"					F-48-80-D-c
động Hang Hồ	SV	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 33' 18"	105° 45' 37"					F-48-80-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lão Ngoại	DC	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 33' 15"	105° 44' 49"					F-48-80-C-d
thôn Lão Nội	DC	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 34' 34"	105° 44' 43"					F-48-80-C-d
động Linh Sơn	SV	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 33' 35"	105° 45' 33"					F-48-80-D-c
động Tam Tòa	SV	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 33' 24"	105° 45' 35"					F-48-80-D-c
động Tiên	SV	xã Phú Lão	H. Lạc Thủy	20° 33' 51"	105° 44' 38"					F-48-80-C-d
đội 7	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 34' 41"	105° 42' 08"					F-48-80-C-d
quốc lộ 21A	KX	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy			20° 35' 23"	105° 41' 25"	20° 32' 58"	105° 44' 22"	F-48-80-C-d
sông Bôi	TV	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy			20° 31' 33"	105° 42' 40"	20° 32' 08"	105° 44' 28"	F-48-80-C-d
thôn Bột	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 33' 31"	105° 43' 49"					F-48-80-C-d
thôn Chùa	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 32' 36"	105° 43' 49"					F-48-80-C-d
thôn Đồng Danh	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 35' 16"	105° 42' 13"					F-48-80-C-d
thôn Đồng Tiến	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 32' 38"	105° 44' 11"					F-48-80-C-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy			20° 33' 09"	105° 41' 59"	20° 34' 16"	105° 42' 10"	F-48-80-C-d
thôn Lũ	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 33' 57"	105° 43' 00"					F-48-80-C-d
thôn Phú Thắng	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 34' 12"	105° 42' 00"					F-48-80-C-d
thôn Rị	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 34' 33"	105° 43' 25"					F-48-80-C-d
thôn Sỏi	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 33' 55"	105° 42' 23"					F-48-80-C-d
cầu Sỏi	KX	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 34' 34"	105° 42' 09"					F-48-80-C-d
thôn Tân Lâm	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 34' 30"	105° 41' 14"					F-48-80-C-d
thôn Tân Thanh	DC	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 34' 49"	105° 41' 59"					F-48-80-C-d
núi Thung Sẻ	SV	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 34' 47"	105° 43' 57"					F-48-80-C-d
núi Thủy Triều	SV	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 33' 37"	105° 41' 02"					F-48-80-C-d
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Sông Bôi	KX	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 34' 22"	105° 42' 45"					F-48-80-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thanh Hà	KX	xã Phú Thành	H. Lạc Thủy	20° 34' 45"	105° 42' 18"					F-48-80-C-d
quốc lộ 21	KX	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy			20° 36' 56"	105° 39' 42"	20° 35' 38"	105° 40' 51"	F-48-80-C-d
thôn Ba Bường	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 35' 43"	105° 39' 36"					F-48-80-C-d
Ba Hàng Đồi	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 35' 48"	105° 40' 33"					F-48-80-C-d
dốc Bãi Khoai	SV	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 35' 24"	105° 39' 34"					F-48-80-C-d
xóm Bưng	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 36' 21"	105° 40' 56"					F-48-80-C-d
thôn Đệt	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 36' 39"	105° 38' 40"					F-48-80-C-d
thôn Đồi	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 35' 44"	105° 41' 48"					F-48-80-C-d
Gò Đươm	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 37' 00"	105° 40' 39"					F-48-80-C-d
thôn Lộng	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 36' 16"	105° 37' 52"					F-48-80-C-d
đồi Lũ Cả	SV	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 36' 05"	105° 38' 32"					F-48-80-C-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 36' 01"	105° 40' 54"					F-48-80-C-d
sông Thanh Hà	TV	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy			20° 35' 41"	105° 42' 08"	20° 37' 14"	105° 41' 39"	F-48-80-C-d
Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thanh Hà	KX	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 36' 54"	105° 39' 45"					F-48-80-C-d
thôn Vai	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 36' 42"	105° 41' 27"					F-48-80-C-d
thôn Vôi	DC	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 36' 26"	105° 39' 54"					F-48-80-C-d
cầu Vôi	KX	xã Thanh Nông	H. Lạc Thủy	20° 36' 14"	105° 40' 00"					F-48-80-C-d
thôn Đầm Bíp	DC	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 27' 03"	105° 45' 45"					F-48-92-B-a
thôn Đồi Chùa	DC	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 28' 33"	105° 45' 39"					F-48-92-B-a
thôn Đông Yên	DC	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 28' 14"	105° 45' 13"					F-48-92-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hồng Phong 1	DC	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 27' 49"	105° 46' 20"					F-48-92-B-a
thôn Hồng Phong 2	DC	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 28' 2	105° 45' 44					F-48-92-B-a
thôn Mạnh Tiến 1	DC	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 26' 27"	105° 46' 37"					F-48-92-B-a
thôn Mạnh Tiến 2	DC	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 26' 47"	105° 46' 14"					F-48-92-B-a
thôn Quyết Tiến	DC	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 27' 17"	105° 46' 26"					F-48-92-B-a
thôn Sóc Bai	DC	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 27' 21"	105° 45' 41"					F-48-92-B-a
cầu Yên Đội	KX	xã Yên Bồng	H. Lạc Thủy	20° 27' 20"	105° 46' 33"					F-48-92-B-a
quốc lộ 6	KX	TT. Lương Sơn	H. Lương Sơn			20° 52' 39"	105° 29' 47"	20° 52' 46"	105° 32' 29"	F-48-80-A-c, F-48-80-A-a
sông Bùi	TV	TT. Lương Sơn	H. Lương Sơn			20° 52' 15"	105° 29' 48"	20° 52' 40"	105° 32' 33"	F-48-80-A-c, F-48-80-A-a
phố Chợ Đồn	DC	TT. Lương Sơn	H. Lương Sơn	20° 52' 21"	105° 30' 59"					F-48-80-A-c
xóm Đồng Bái	DC	TT. Lương Sơn	H. Lương Sơn	20° 52' 41"	105° 31' 59"					F-48-80-A-a
cầu Đồng Bái	KX	TT. Lương Sơn	H. Lương Sơn	20° 52' 24"	105° 31' 55"					F-48-80-A-c
cầu Đồng Chúi	KX	TT. Lương Sơn	H. Lương Sơn	20° 52' 12"	105° 30' 47"					F-48-80-A-c
núi Hố Bom	SV	TT. Lương Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 32"	105° 30' 31"					F-48-80-A-a
cầu Ké	KX	TT. Lương Sơn	H. Lương Sơn	20° 52' 45"	105° 32' 28"					F-48-80-A-a
thôn Cao Đường	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 41' 35"	105° 39' 25"					F-48-80-C-b
thôn Đồng Bon	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 42' 15"	105° 38' 52"					F-48-80-C-b
thôn Đồng Đăng	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 43' 10"	105° 38' 53"					F-48-80-C-b
thôn Đồng Ngô	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 43' 35"	105° 38' 46"					F-48-80-C-b
thôn Đồng Phú	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 42' 17"	105° 39' 13"					F-48-80-C-b
cầu Đường	KX	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 41' 30"	105° 39' 26"					F-48-80-C-b
núi Hang Rồng	SV	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 41' 32"	105° 38' 51"					F-48-80-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cao Dương	H. Lương Sơn			20° 45' 12"	105° 38' 12"	20° 41' 30"	105° 39' 26"	F-48-80-C-b, F-48-80-A-d
thôn Om Làng	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 44' 10"	105° 38' 27"					F-48-80-C-b
thôn Om Trại	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 43' 52"	105° 38' 44"					F-48-80-C-b
thôn Quèn Chùa	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 41' 52"	105° 38' 55"					F-48-80-C-b
thôn Quèn Thị	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 42' 11"	105° 39' 51"					F-48-80-C-b
đầm Quèn Thị	TV	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 41' 44"	105° 39' 59"					F-48-80-C-b
thôn Thạch Tài	DC	xã Cao Dương	H. Lương Sơn	20° 41' 52"	105° 38' 30"					F-48-80-C-b
xóm Cao	DC	xã Cao Răm	H. Lương Sơn	20° 50' 45"	105° 28' 49"					F-48-79-B-d
xóm Đồng Lau	DC	xã Cao Răm	H. Lương Sơn	20° 49' 36"	105° 29' 37"					F-48-79-B-d
xóm Hui	DC	xã Cao Răm	H. Lương Sơn	20° 50' 12"	105° 29' 52"					F-48-79-B-d
xóm Khuộc	DC	xã Cao Răm	H. Lương Sơn	20° 48' 06"	105° 28' 58"					F-48-79-B-d
suối Mí	TV	xã Cao Răm	H. Lương Sơn			20° 47' 49"	105° 29' 23"	20° 47' 21"	105° 28' 36"	F-48-79-B-d
xóm Quê Sụ	DC	xã Cao Răm	H. Lương Sơn	20° 49' 53"	105° 30' 03"					F-48-80-A-c
xóm Sáng	DC	xã Cao Răm	H. Lương Sơn	20° 50' 33"	105° 29' 15"					F-48-79-B-d
xóm Trại Mới	DC	xã Cao Răm	H. Lương Sơn	20° 50' 31"	105° 29' 00"					F-48-79-B-d
xóm Vai Đào	DC	xã Cao Răm	H. Lương Sơn	20° 48' 44"	105° 30' 13"					F-48-80-A-c
suối Văn	TV	xã Cao Răm	H. Lương Sơn			20° 51' 20"	105° 28' 37"	20° 49' 15"	105° 29' 59"	F-48-79-B-d
quốc lộ 21A	KX	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn			20° 41' 30"	105° 39' 26"	20° 39' 48"	105° 39' 25"	F-48-80-C-b
xóm Bá Lam 1	DC	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn	20° 40' 59"	105° 40' 04"					F-48-80-C-b
cầu Beo	KX	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn	20° 40' 29"	105° 39' 38"					F-48-80-C-b
xóm Chợ Bến	DC	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn	20° 41' 14"	105° 40' 03"					F-48-80-C-b
xóm Đa Sỹ	DC	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn	20° 40' 36"	105° 40' 00"					F-48-80-C-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn			20° 41' 12"	105° 39' 42"	20° 39' 24"	105° 40' 17"	F-48-80-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lai Trì	DC	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn	20° 41' 13"	105° 39' 19"					F-48-80-C-b
xóm Quyền Chương	DC	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn	20° 39' 57"	105° 39' 34"					F-48-80-C-b
xóm Song Huỳnh	DC	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn	20° 41' 19"	105° 39' 58"					F-48-80-C-b
xóm Trung Báo	DC	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn	20° 40' 42"	105° 39' 22"					F-48-80-C-b
xóm Vệ An	DC	xã Cao Thắng	H. Lương Sơn	20° 40' 00"	105° 40' 00"					F-48-80-C-b
xóm Giếng Xạ	DC	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 51' 26"	105° 33' 01"					F-48-80-A-c
xóm Gò Mỡ	DC	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 50' 32"	105° 33' 09"					F-48-80-A-c
xóm Gò Trạng	DC	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 51' 36"	105° 33' 32"					F-48-80-A-c
xóm Gừa	DC	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 51' 06"	105° 33' 27"					F-48-80-A-c
làng Hang	DC	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 50' 07"	105° 33' 15"					F-48-80-A-c
hồ Khoang Bưởi	TV	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 50' 45"	105° 33' 14"					F-48-80-A-c
xóm Phú Ngọc	DC	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 50' 45"	105° 33' 54"					F-48-80-A-c
xóm Rậm	DC	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 51' 10"	105° 33' 11"					F-48-80-A-c
xóm Suối Rè	DC	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 50' 13"	105° 32' 38"					F-48-80-A-c
xóm Tốt Yên	DC	xã Cư Yên	H. Lương Sơn	20° 50' 44"	105° 32' 41"					F-48-80-A-c
quốc lộ 6	KX	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn			20° 52' 46"	105° 32' 29"	20° 53' 06"	105° 33' 24"	F-48-80-A-a
quốc lộ 21A	KX	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn			20° 55' 40"	105° 34' 10"	20° 54' 53"	105° 34' 28"	F-48-80-A-a
thôn Bùi Trám	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 02"	105° 33' 19"					F-48-80-A-a
núi Cao	SV	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 24"	105° 30' 38"					F-48-80-A-a
thôn Cố Thổ	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 32"	105° 34' 22"					F-48-80-A-a
xóm Dớn	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 20"	105° 34' 47"					F-48-80-A-a
hồ Đầu Cầu	TV	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 49"	105° 32' 21"					F-48-80-A-a
thôn Đồng Gội	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 54' 20"	105° 32' 25"					F-48-80-A-a
thôn Đồng Quýt	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 33"	105° 32' 25"					F-48-80-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Táu	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 54' 08"	105° 33' 03"					F-48-80-A-a
thôn Gò Bài	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 54' 31"	105° 32' 42"					F-48-80-A-a
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 31"	105° 32' 52"					F-48-80-A-a
thôn Hòa Vinh	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 18"	105° 32' 34"					F-48-80-A-a
cầu Khe Hàng	KX	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 26"	105° 34' 15"					F-48-80-A-a
núi Luốt	SV	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 54' 52"	105° 34' 12"					F-48-80-A-a
thôn Suối Nẩy	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 54' 46"	105° 32' 43"					F-48-80-A-a
thôn Tân Hòa	DC	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 45"	105° 32' 59"					F-48-80-A-a
Viện Phong	KX	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 41"	105° 33' 35"					F-48-80-A-a
núi Voi	SV	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 43"	105° 32' 11"					F-48-80-A-a
núi Võng	SV	xã Hòa Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 32"	105° 33' 31"					F-48-80-A-a
thôn Băng Hợp	DC	xã Hợp Châu	H. Lương Sơn	20° 42' 29"	105° 36' 45"					F-48-80-C-a
thôn Châu Dề	DC	xã Hợp Châu	H. Lương Sơn	20° 42' 09"	105° 37' 01"					F-48-80-C-a
thôn Đồng Kẹ	DC	xã Hợp Châu	H. Lương Sơn	20° 43' 03"	105° 37' 51"					F-48-80-C-b
thôn Đồng Văn	DC	xã Hợp Châu	H. Lương Sơn	20° 42' 44"	105° 38' 17"					F-48-80-C-b
thôn Nghĩa Kếp	DC	xã Hợp Châu	H. Lương Sơn	20° 43' 43"	105° 37' 30"					F-48-80-C-b
thôn Quang Trung	DC	xã Hợp Châu	H. Lương Sơn	20° 42' 49"	105° 37' 31"					F-48-80-C-b
hồ Số 2	TV	xã Hợp Châu	H. Lương Sơn	20° 41' 37"	105° 37' 54"					F-48-80-C-b
thôn Thái Hòa	DC	xã Hợp Châu	H. Lương Sơn	20° 42' 06"	105° 37' 48"					F-48-80-C-b
thôn Trại Bổng	DC	xã Hợp Châu	H. Lương Sơn	20° 42' 59"	105° 36' 50"					F-48-80-C-a
xóm Đầm Đa	DC	xã Hợp Hòa	H. Lương Sơn	20° 50' 55"	105° 31' 49"					F-48-80-A-c
xóm Đồng Ỷ	DC	xã Hợp Hòa	H. Lương Sơn	20° 50' 40"	105° 32' 11"					F-48-80-A-c
xóm Suối Cỏ	DC	xã Hợp Hòa	H. Lương Sơn	20° 50' 12"	105° 31' 00"					F-48-80-A-c
xóm Suối Cốc	DC	xã Hợp Hòa	H. Lương Sơn	20° 50' 20"	105° 32' 09"					F-48-80-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trại Hòa	DC	xã Hợp Hòa	H. Lương Sơn	20° 50' 36"	105° 31' 32"					F-48-80-A-c
đội 1	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 38' 11"	105° 38' 58"					F-48-80-C-b
quốc lộ 21	KX	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn			20° 38' 42"	105° 39' 25"	20° 36' 56"	105° 39' 42"	F-48-80-C-b, F-48-80-C-d
xóm Cáp	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 38' 01"	105° 39' 18"					F-48-80-C-b
xóm Chí	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 37' 19"	105° 39' 31"					F-48-80-C-d
cầu Chí	KX	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 37' 11"	105° 39' 34"					F-48-80-C-d
xóm Chồm	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 38' 31"	105° 39' 24"					F-48-80-C-b
cầu Chồm	KX	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 38' 19"	105° 39' 19"					F-48-80-C-b
xóm Dẻ Cau	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 39' 38"	105° 38' 22"					F-48-80-C-b
xóm Đồng Bến	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 38' 14"	105° 40' 08"					F-48-80-C-b
xóm Đồng Rẽ	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 38' 16"	105° 39' 02"					F-48-80-C-b
xóm Gạo Đá	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 38' 30"	105° 38' 34"					F-48-80-C-b
xóm Gạo Đồi	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 39' 06"	105° 38' 42"					F-48-80-C-b
xóm Suối Mợi	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 38' 13"	105° 37' 51"					F-48-80-C-b
xóm Suối Sóc	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 37' 43"	105° 38' 14"					F-48-80-C-b
xóm Thanh Hà	DC	xã Hợp Thanh	H. Lương Sơn	20° 37' 37"	105° 39' 21"					F-48-80-C-b
quốc lộ 6	KX	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn			20° 55' 04"	105° 27' 15"	20° 52' 39"	105° 29' 47"	F-48-79-B-b
xóm Dốc Phấn	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 52' 42"	105° 29' 45"					F-48-79-B-b
xóm Đoàn Kết	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 54' 10"	105° 28' 45"					F-48-79-B-b
xóm Đồng Gạo	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 31"	105° 29' 32"					F-48-79-B-b
xóm Kẽm	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 06"	105° 27' 22"					F-48-79-B-b
núi Kẽm	SV	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 56' 03"	105° 27' 22"					F-48-79-B-b
xóm Lam Sơn	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 54' 16"	105° 27' 54"					F-48-79-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Rổng Cấn	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 57"	105° 30' 02"					F-48-80-A-a
cầu Rổng Dài	KX	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 00"	105° 29' 39"					F-48-79-B-b
cầu Rổng Ngắn	KX	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 17"	105° 29' 35"					F-48-79-B-b
xóm Rổng Tằm	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 53' 13"	105° 29' 28"					F-48-79-B-b
xóm Rổng Vòng	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 54' 02"	105° 28' 57"					F-48-79-B-b
thôn Thung Dâu	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 00"	105° 30' 02"					F-48-80-A-a
suối Thung Dâu	TV	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn			20° 55' 19"	105° 28' 50"	20° 55' 22"	105° 29' 32"	F-48-79-B-b
Công ty Thung lũng Nữ Hoàng	KX	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 54' 26"	105° 28' 25"					F-48-79-B-b
xóm Trạc Lươn	DC	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 52' 46"	105° 29' 28"					F-48-79-B-b
núi Vua Bà	SV	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn	20° 55' 39"	105° 29' 31"					F-48-79-B-b
suối Yêng	TV	xã Lâm Sơn	H. Lương Sơn			20° 55' 52"	105° 27' 52"	20° 55' 19"	105° 28' 50"	F-48-79-B-b
xóm Đá Bạc	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 09"	105° 36' 11"					F-48-80-A-c
xóm Đất Đỏ	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 42"	105° 36' 46"					F-48-80-A-c
xóm Điếm Tổng	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 23"	105° 36' 20"					F-48-80-A-c
xóm Đồi Mè	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 50' 37"	105° 34' 51"					F-48-80-A-c
xóm Đồn Vận	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 50' 17"	105° 35' 46"					F-48-80-A-c
núi Giang Bò	SV	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 48' 33"	105° 34' 26"					F-48-80-A-c
xóm Hóc Mã	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 42"	105° 35' 27"					F-48-80-A-c
xóm Liên Khuê	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 50' 07"	105° 34' 31"					F-48-80-A-c
xóm Nước Lạnh	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 50' 27"	105° 34' 12"					F-48-80-A-c
xóm Vần	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 22"	105° 35' 59"					F-48-80-A-c
xóm Xum	DC	xã Liên Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 54"	105° 36' 23"					F-48-80-A-c
tỉnh lộ 447	KX	xã Long Sơn	H. Lương Sơn			20° 41' 36"	105° 37' 51"	20° 40' 34"	105° 38' 35"	F-48-80-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Thịnh	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 40' 55"	105° 38' 17"					F-48-80-C-b
xóm Bai	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 41' 19"	105° 38' 28"					F-48-80-C-b
xóm Chòm Đá	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 41' 10"	105° 38' 48"					F-48-80-C-b
đồi Dài	SV	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 40' 17"	105° 38' 31"					F-48-80-C-b
xóm Đình	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 40' 11"	105° 37' 34"					F-48-80-C-b
xóm Đồi Mu	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 41' 08"	105° 38' 29"					F-48-80-C-b
thôn Hợp Thung	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 40' 34"	105° 38' 37"					F-48-80-C-b
xóm Lò Than	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 40' 36"	105° 39' 02"					F-48-80-C-b
xóm Mí	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 40' 57"	105° 38' 35"					F-48-80-C-b
xóm Phố	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 40' 18"	105° 37' 41"					F-48-80-C-b
xóm Quy Thịnh	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 41' 09"	105° 38' 15"					F-48-80-C-b
xóm Sếu	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 39' 54"	105° 37' 39"					F-48-80-C-b
hồ Số 1	TV	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 41' 25"	105° 37' 52"					F-48-80-C-b
thôn Suối Cái	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 39' 01"	105° 37' 10"					F-48-80-C-a
xóm Thung Quây	DC	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 40' 15"	105° 38' 57"					F-48-80-C-b
núi Tứ Đền	SV	xã Long Sơn	H. Lương Sơn	20° 41' 11"	105° 37' 38"					F-48-80-C-b
sông Bùi	TV	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn			20° 52' 40"	105° 32' 33"	20° 52' 54"	105° 33' 27"	F-48-80-A-a, F-48-80-A-c
Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	KX	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 51' 53"	105° 34' 21"					F-48-80-A-c
thôn Cầu Sơn	DC	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 52' 27"	105° 32' 52"					F-48-80-A-c
thôn Đầm Rái	DC	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 52' 03"	105° 32' 21"					F-48-80-A-c
thôn Đồng Bưng	DC	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 52' 11"	105° 33' 04"					F-48-80-A-c
thôn Đồng Chanh	DC	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 51' 35"	105° 34' 22"					F-48-80-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Đồng Chanh	TV	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 50' 55"	105° 34' 13"					F-48-80-A-c
thôn Đông Sẽ	DC	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 52' 00"	105° 33' 17"					F-48-80-A-c
thôn Đồng Si	DC	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 52' 30"	105° 33' 11"					F-48-80-A-a
thôn Giếng Êm	DC	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 51' 42"	105° 33' 50"					F-48-80-A-c
thôn Suối Sếu	DC	xã Nhuận Trạch	H. Lương Sơn	20° 51' 21"	105° 34' 34"					F-48-80-A-c
xóm Chợ Nội	DC	xã Tân Thành	H. Lương Sơn	20° 45' 43"	105° 34' 42"					F-48-80-A-c
xóm Đồng An	DC	xã Tân Thành	H. Lương Sơn	20° 45' 45"	105° 35' 25"					F-48-80-A-c
xóm Đồng Thành	DC	xã Tân Thành	H. Lương Sơn	20° 44' 53"	105° 36' 00"					F-48-80-C-a
núi Ngọc Lương	SV	xã Tân Thành	H. Lương Sơn	20° 46' 22"	105° 34' 34"					F-48-80-A-c
xóm Ông Cây	DC	xã Tân Thành	H. Lương Sơn	20° 45' 18"	105° 35' 47"					F-48-80-A-c
xóm Phượng Sồ	DC	xã Tân Thành	H. Lương Sơn	20° 44' 35"	105° 36' 26"					F-48-80-C-a
xóm Phương Viên	DC	xã Tân Thành	H. Lương Sơn	20° 44' 34"	105° 37' 23"					F-48-80-C-a
xóm Suối Sỏi	DC	xã Tân Thành	H. Lương Sơn	20° 45' 02"	105° 37' 20"					F-48-80-A-c
xóm Tiên Hội	DC	xã Tân Thành	H. Lương Sơn	20° 43' 43"	105° 36' 41"					F-48-80-C-a
Nhà máy Xi măng Lương Sơn	KX	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 51' 54"	105° 29' 54"					F-48-79-B-d
sông Bùi	TV	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn			20° 51' 23"	105° 28' 46"	20° 52' 15"	105° 29' 48"	F-48-80-A-c
Công ty Cổ phần Rượu Cồn Việt Pháp - Victory	KX	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 52' 01"	105° 31' 50"					F-48-80-A-c
xóm Cời	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 51' 30"	105° 31' 47"					F-48-80-A-c
núi Đạng Chừng	SV	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 51' 48"	105° 29' 34"					F-48-79-B-d
xóm Đồng Chúi	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 52' 07"	105° 30' 42"					F-48-80-A-c
xóm Đồng Tiến	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 51' 43"	105° 31' 16"					F-48-80-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nước Vải	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 51' 52"	105° 30' 14"					F-48-80-A-c
xóm Rụt	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 50' 57"	105° 30' 00"					F-48-79-B-d
núi Rụt	SV	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 50' 58"	105° 29' 34"					F-48-79-B-d
xóm Suối Khế	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 51' 29"	105° 29' 05"					F-48-79-B-d
xóm Tân Hòa	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 51' 40"	105° 32' 13"					F-48-80-A-c
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 52' 08"	105° 30' 19"					F-48-80-A-c
xóm Thị Tân	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 52' 26"	105° 29' 18"					F-48-79-B-d
ngầm Trại Ong	KX	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 52' 23"	105° 29' 33"					F-48-79-B-d
xóm Vé	DC	xã Tân Vinh	H. Lương Sơn	20° 52' 04"	105° 29' 01"					F-48-79-B-d
quốc lộ 21	KX	xã Thành Lập	H. Lương Sơn			20° 47' 41"	105° 38' 31"	20° 46' 58"	105° 38' 15"	F-48-80-A-d
thôn Ao Kềnh	DC	xã Thành Lập	H. Lương Sơn	20° 47' 20"	105° 38' 08"					F-48-80-A-d
thôn Đồng Sương	DC	xã Thành Lập	H. Lương Sơn	20° 49' 31"	105° 38' 00"					F-48-80-A-d
hồ Đồng Xương	TV	xã Thành Lập	H. Lương Sơn	20° 49' 15"	105° 37' 59"					F-48-80-A-d
thôn Sòng	DC	xã Thành Lập	H. Lương Sơn	20° 48' 15"	105° 37' 35"					F-48-80-A-d
hồ Trung Tâm	TV	xã Thành Lập	H. Lương Sơn	20° 49' 40"	105° 37' 10"					F-48-80-A-c
cầu Chòm Xi	KX	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 38' 53"	105° 39' 24"					F-48-80-C-b
xóm Đá Ong	DC	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 39' 18"	105° 40' 06"					F-48-80-C-b
thôn Gò Mu	DC	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 38' 51"	105° 39' 46"					F-48-80-C-b
thôn Sấu Hạ	DC	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 39' 29"	105° 39' 29"					F-48-80-C-b
thôn Sấu Thượng	DC	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 39' 38"	105° 39' 12"					F-48-80-C-b
sông Thanh Hà	TV	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn			20° 39' 19"	105° 40' 41"	20° 38' 20"	105° 41' 04"	F-48-80-C-b
thôn Thanh Xuân	DC	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 38' 51"	105° 40' 20"					F-48-80-C-b
xóm Tre Hóa	DC	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 38' 37"	105° 39' 55"					F-48-80-C-b
xóm Voi Lội	DC	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 39' 08"	105° 39' 24"					F-48-80-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xuân Dương	DC	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 38' 02"	105° 40' 36"					F-48-80-C-b
thôn Xuân Him	DC	xã Thanh Lương	H. Lương Sơn	20° 38' 35"	105° 40' 24"					F-48-80-C-b
đồi Bù	SV	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 47' 54"	105° 33' 12"					F-48-80-A-c
đồi Đáo	SV	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 47' 29"	105° 36' 02"					F-48-80-A-c
làng Ghên	DC	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 46' 43"	105° 36' 38"					F-48-80-A-c
làng Ngăm	DC	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 47' 21"	105° 36' 45"					F-48-80-A-c
làng Ngành	DC	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 47' 56"	105° 36' 39"					F-48-80-A-c
đồi Ngọc Lương	SV	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 47' 01"	105° 34' 31"					F-48-80-A-c
suối Ong	TV	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn			20° 47' 18"	105° 33' 40"	20° 47' 09"	105° 35' 10"	F-48-80-A-c
xóm Sơn Thủy	DC	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 47' 12"	105° 35' 03"					F-48-80-A-c
xóm Suối Bến	DC	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 47' 17"	105° 34' 07"					F-48-80-A-c
hồ Suối Ong	TV	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 46' 59"	105° 35' 33"					F-48-80-A-c
đồi Trèo Ngừ	SV	xã Tiến Sơn	H. Lương Sơn	20° 47' 46"	105° 35' 11"					F-48-80-A-c
xóm Bến Cuối	DC	xã Trung Sơn	H. Lương Sơn	20° 46' 36"	105° 37' 55"					F-48-80-A-d
núi Cái	SV	xã Trung Sơn	H. Lương Sơn	20° 45' 53"	105° 36' 52"					F-48-80-A-c
xóm Chum	DC	xã Trung Sơn	H. Lương Sơn	20° 46' 21"	105° 36' 57"					F-48-80-A-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Trung Sơn	H. Lương Sơn			20° 46' 58"	105° 38' 15"	20° 45' 30"	105° 38' 10"	F-48-80-A-d
xóm Lạt	DC	xã Trung Sơn	H. Lương Sơn	20° 45' 34"	105° 37' 05"					F-48-80-A-c
xóm Lộc Môn	DC	xã Trung Sơn	H. Lương Sơn	20° 46' 03"	105° 38' 03"					F-48-80-A-d
xóm Mái	DC	xã Trung Sơn	H. Lương Sơn	20° 46' 57"	105° 37' 34"					F-48-80-A-d
núi Bãi Rác	SV	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 48"	105° 26' 05"					F-48-79-B-d
xóm Bằng Gà	DC	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 50' 20"	105° 27' 18"					F-48-79-B-d
xóm Chanh	DC	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 51' 07"	105° 27' 30"					F-48-79-B-d
suối Chanh	TV	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn			20° 50' 47"	105° 25' 45"	20° 51' 00"	105° 27' 32"	F-48-79-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cối Đá	SV	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 50' 56"	105° 25' 43"					F-48-79-B-d
suối Cượng	TV	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn			20° 52' 28"	105° 27' 51"	20° 51' 51"	105° 27' 48"	F-48-79-B-d
xóm Đồng Bưởi	DC	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 52' 01"	105° 26' 20"					F-48-79-B-d
ngầm Đồng Tranh	KX	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 51' 03"	105° 27' 29"					F-48-79-B-d
xóm Mỏ	DC	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 38"	105° 27' 31"					F-48-79-B-d
xóm Suối Bu	DC	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 34"	105° 27' 53"					F-48-79-B-d
núi Suối Canh	SV	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 50' 03"	105° 27' 45"					F-48-79-B-d
xóm Tháy	DC	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn	20° 49' 52"	105° 27' 20"					F-48-79-B-d
suối Tràng	TV	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn			20° 48' 35"	105° 28' 23"	20° 49' 23"	105° 27' 51"	F-48-79-B-d
đường Trường Sơn A	KX	xã Trường Sơn	H. Lương Sơn			20° 51' 18"	105° 28' 00"	20° 48' 35"	105° 27' 51"	F-48-79-B-d
xóm Chiềng Sại	DC	TT. Mai Châu	H. Mai Châu	20° 39' 40"	105° 04' 55"					F-48-79-C-a
suối Mùn	TV	TT. Mai Châu	H. Mai Châu			20° 40' 21"	105° 04' 35"	20° 39' 29"	105° 04' 22"	F-48-79-C-a
xóm Pom Coọng	DC	TT. Mai Châu	H. Mai Châu	20° 39' 19"	105° 04' 17"					F-48-79-C-a
núi Sam Nga	SV	TT. Mai Châu	H. Mai Châu	20° 38' 56"	105° 05' 51"					F-48-79-C-a
xóm Văn	DC	TT. Mai Châu	H. Mai Châu	20° 39' 45"	105° 05' 27"					F-48-79-C-a
suối Văn	TV	TT. Mai Châu	H. Mai Châu			20° 39' 03"	105° 06' 24"	20° 39' 40"	105° 04' 35"	F-48-79-C-a
xóm Vãng	DC	TT. Mai Châu	H. Mai Châu	20° 40' 03"	105° 04' 59"					F-48-79-C-a
cầu Vãng 1	KX	TT. Mai Châu	H. Mai Châu	20° 40' 12"	105° 04' 58"					F-48-79-C-a
cầu Vãng 2	KX	TT. Mai Châu	H. Mai Châu	20° 39' 51"	105° 04' 53"					F-48-79-C-a
Bó Bu	DC	xã Ba Khan	H. Mai Châu	20° 43' 56"	105° 06' 08"					F-48-79-C-a
núi Đá Óc	SV	xã Ba Khan	H. Mai Châu	20° 43' 58"	105° 04' 42"					F-48-79-C-a
xóm Khan Hạ	DC	xã Ba Khan	H. Mai Châu	20° 43' 52"	105° 06' 35"					F-48-79-C-a
xóm Khan Hò	DC	xã Ba Khan	H. Mai Châu	20° 42' 43"	105° 06' 24"					F-48-79-C-a
xóm Khan Thượng	DC	xã Ba Khan	H. Mai Châu	20° 43' 04"	105° 06' 47"					F-48-79-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pù Piềng Ẳng	SV	xã Ba Khan	H. Mai Châu	20° 42' 04"	105° 05' 55"					F-48-79-C-a
xóm Báo	DC	xã Bao La	H. Mai Châu	20° 40' 30"	104° 57' 16"					F-48-78-D
xóm Bò Buôi	DC	xã Bao La	H. Mai Châu	20° 42' 34"	104° 57' 32"					F-48-78-D
xóm Dân Tiến	DC	xã Bao La	H. Mai Châu	20° 40' 22"	104° 58' 16"					F-48-78-D
xóm Lọng Sắng	DC	xã Bao La	H. Mai Châu	20° 40' 38"	104° 59' 38"					F-48-78-D
xóm Nà Mòn	DC	xã Bao La	H. Mai Châu	20° 40' 19"	104° 58' 38"					F-48-78-D
xóm Pùng	DC	xã Bao La	H. Mai Châu	20° 41' 11"	104° 57' 20"					F-48-78-D
suối Sàng	TV	xã Bao La	H. Mai Châu			20° 39' 24"	104° 57' 30"	20° 39' 25"	104° 58' 03"	F-48-78-D
quốc lộ 15	KX	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu			20° 39' 18"	105° 04' 36"	20° 37' 30"	105° 03' 21"	F-48-79-C-a
xóm Chiềng Châu	DC	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 38' 25"	105° 04' 13"					F-48-79-C-a
núi Kéo Co Liềng	SV	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 38' 53"	105° 05' 13"					F-48-79-C-a
xóm Lác	DC	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 38' 57"	105° 03' 59"					F-48-79-C-a
cầu Lác	KX	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 39' 04"	105° 03' 57"					F-48-79-C-a
cầu Lác 1	KX	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 39' 02"	105° 04' 19"					F-48-79-C-a
pù Lộc Ngộc	SV	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 37' 45"	105° 05' 27"					F-48-79-C-a
xóm Mỏ	DC	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 38' 52"	105° 04' 30"					F-48-79-C-a
núi Nà Khạt	SV	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 39' 10"	105° 03' 25"					F-48-79-C-a
xóm Nà Sài	DC	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 37' 49"	105° 03' 13"					F-48-79-C-a
xóm Nà Sò	DC	xã Chiềng Châu	H. Mai Châu	20° 37' 58"	105° 03' 35"					F-48-79-C-a
xóm Cun	DC	xã Cun Pheo	H. Mai Châu	20° 41' 24"	104° 54' 57"					F-48-78-D
pha Đón	SV	xã Cun Pheo	H. Mai Châu	20° 42' 42"	104° 51' 51"					F-48-78-D
pù Hoọc	SV	xã Cun Pheo	H. Mai Châu	20° 40' 15"	104° 53' 14"					F-48-78-D
suối Lúp	TV	xã Cun Pheo	H. Mai Châu			20° 42' 50"	104° 51' 59"	20° 41' 13"	104° 55' 57"	F-48-78-D
xóm Mượt	DC	xã Cun Pheo	H. Mai Châu	20° 41' 51"	104° 55' 07"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pha Lài	SV	xã Cun Pheo	H. Mai Châu	20° 43' 46"	104° 51' 11"					F-48-78-D
xóm Pheo	DC	xã Cun Pheo	H. Mai Châu	20° 41' 58"	104° 54' 31"					F-48-78-D
xóm Táu Nà	DC	xã Cun Pheo	H. Mai Châu	20° 42' 49"	104° 51' 41"					F-48-78-D
quốc lộ 6	KX	xã Đồng Bảng	H. Mai Châu			20° 42' 29"	105° 03' 57"	20° 43' 11	104° 59' 55"	F-48-78-D, F-48-79-C-a
xóm Bâng	DC	xã Đồng Bảng	H. Mai Châu	20° 43' 33"	105° 03' 02"					F-48-79-C-a
xóm Đồng Bảng	DC	xã Đồng Bảng	H. Mai Châu	20° 43' 08"	105° 03' 24"					F-48-79-C-a
pù Hin Bắc	SV	xã Đồng Bảng	H. Mai Châu	20° 43' 55"	105° 01' 03"					F-48-79-C-a
xóm Phiêng Xa	DC	xã Đồng Bảng	H. Mai Châu	20° 43' 11"	105° 01' 24"					F-48-79-C-a
núi Pốc	SV	xã Đồng Bảng	H. Mai Châu	20° 42' 15"	105° 01' 20"					F-48-79-C-a
xóm Tăng Bò	DC	xã Đồng Bảng	H. Mai Châu	20° 43' 01"	105° 00' 49"					F-48-79-C-a
núi Thăm Cho	SV	xã Đồng Bảng	H. Mai Châu	20° 41' 59"	105° 03' 30"					F-48-79-C-a
xóm Vắt	DC	xã Đồng Bảng	H. Mai Châu	20° 43' 11"	105° 03' 10"					F-48-79-C-a
xóm Hang Kia 1	DC	xã Hang Kia	H. Mai Châu	20° 44' 00"	104° 51' 43"					F-48-78-D
xóm Pà Khôm	DC	xã Hang Kia	H. Mai Châu	20° 45' 07"	104° 52' 00"					F-48-78-B
xóm Thung Mài	DC	xã Hang Kia	H. Mai Châu	20° 44' 09"	104° 51' 17"					F-48-78-D
xóm Thung Mặn	DC	xã Hang Kia	H. Mai Châu	20° 44' 17"	104° 50' 21"					F-48-78-D
quốc lộ 15	KX	xã Mai Hạ	H. Mai Châu			20° 37' 30"	105° 03' 21"	20° 36' 52	105° 02' 37"	F-48-79-C-a, F-48-79-C-c
xóm Chiềng Hạ	DC	xã Mai Hạ	H. Mai Châu	20° 37' 03"	105° 02' 10"					F-48-79-C-c
núi Co Cú	SV	xã Mai Hạ	H. Mai Châu	20° 38' 37"	105° 00' 45"					F-48-79-C-a
xóm Đồng Uống	DC	xã Mai Hạ	H. Mai Châu	20° 37' 34"	105° 02' 53"					F-48-79-C-a
xóm Khả	DC	xã Mai Hạ	H. Mai Châu	20° 38' 16"	105° 01' 41"					F-48-79-C-a
hồ Khả	TV	xã Mai Hạ	H. Mai Châu	20° 38' 00"	105° 01' 47"					F-48-79-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lầu	DC	xã Mai Hạ	H. Mai Châu	20° 37' 22"	105° 03' 18"					F-48-79-C-c
suối Mùn	TV	xã Mai Hạ	H. Mai Châu			20° 37' 30"	105° 03' 03"	20° 36' 13"	105° 01' 42"	F-48-79-C-a, F-48-79-C-c
núi Pá Xa	SV	xã Mai Hạ	H. Mai Châu	20° 38' 45"	105° 02' 32"					F-48-79-C-a
xóm Tiền Phong	DC	xã Mai Hạ	H. Mai Châu	20° 37' 31"	105° 02' 55"					F-48-79-C-a
pom Cặng Luông	SV	xã Mai Hịch	H. Mai Châu	20° 35' 51"	104° 59' 28"					F-48-78-D
xóm Cha Lang	DC	xã Mai Hịch	H. Mai Châu	20° 36' 39"	105° 01' 15"					F-48-79-C-c
núi Chừa Lót	SV	xã Mai Hịch	H. Mai Châu	20° 37' 59"	105° 01' 01"					F-48-79-C-a
xóm Dến	DC	xã Mai Hịch	H. Mai Châu	20° 37' 16"	104° 59' 18"					F-48-78-D
xóm Hịch 1	DC	xã Mai Hịch	H. Mai Châu	20° 36' 32"	105° 00' 32"					F-48-79-C-c
xóm Hịch 2	DC	xã Mai Hịch	H. Mai Châu	20° 36' 48"	105° 00' 15"					F-48-79-C-c
xóm Ngõa	DC	xã Mai Hịch	H. Mai Châu	20° 37' 54"	104° 59' 49"					F-48-78-D
suối Quên	TV	xã Mai Hịch	H. Mai Châu			20° 35' 30"	104° 58' 55"	20° 34' 36"	104° 58' 41"	F-48-78-D
pha Rón	SV	xã Mai Hịch	H. Mai Châu	20° 36' 33"	104° 58' 06"					F-48-78-D
suối Xia	TV	xã Mai Hịch	H. Mai Châu			20° 38' 18"	104° 59' 15"	20° 36' 13"	105° 01' 17"	F-48-79-C-c
núi Hang Khoang	SV	xã Nà Mèo	H. Mai Châu	20° 39' 11"	105° 01' 35"					F-48-79-C-a
xóm Nà Mèo	DC	xã Nà Mèo	H. Mai Châu	20° 40' 17"	105° 02' 28"					F-48-79-C-a
xóm Nà Mo	DC	xã Nà Mèo	H. Mai Châu	20° 40' 22"	105° 01' 59"					F-48-79-C-a
xóm Xăm Pà	DC	xã Nà Mèo	H. Mai Châu	20° 40' 46"	105° 02' 53"					F-48-79-C-a
xóm Nà Cụt	DC	xã Nà Phòn	H. Mai Châu	20° 40' 10"	105° 02' 53"					F-48-79-C-a
xóm Nà Phòn	DC	xã Nà Phòn	H. Mai Châu	20° 39' 28"	105° 03' 30"					F-48-79-C-a
suối Nà Phòn	TV	xã Nà Phòn	H. Mai Châu			20° 39' 45"	105° 03' 35"	20° 39' 14"	105° 04' 00"	F-48-79-C-a
xóm Nà Thia	DC	xã Nà Phòn	H. Mai Châu	20° 39' 24"	105° 04' 09"					F-48-79-C-a
xóm Nhót	DC	xã Nà Phòn	H. Mai Châu	20° 39' 52"	105° 03' 55"					F-48-79-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Piềng Phung	DC	xã Nà Phòn	H. Mai Châu	20° 39' 59"	105° 03' 12"					F-48-79-C-a
xóm Chà Đáy	DC	xã Noong Luông	H. Mai Châu	20° 36' 23"	105° 07' 58"					F-48-79-C-d
suối Chà Đáy	TV	xã Noong Luông	H. Mai Châu			20° 35' 52"	105° 08' 29"	20° 36' 40"	105° 07' 49"	F-48-79-C-d
xóm Hiềng	DC	xã Noong Luông	H. Mai Châu	20° 35' 48"	105° 07' 05"					F-48-79-C-c
xóm Nà Đú	DC	xã Noong Luông	H. Mai Châu	20° 37' 26	105° 06' 29"					F-48-79-C-c
xóm Nong Ó	DC	xã Noong Luông	H. Mai Châu	20° 36' 54"	105° 06' 30"					F-48-79-C-c
xóm Noong Luông	DC	xã Noong Luông	H. Mai Châu	20° 37' 39"	105° 07' 01"					F-48-79-C-a
đồi Thắm Pỏm	SV	xã Noong Luông	H. Mai Châu	20° 38' 28"	105° 07' 00"					F-48-79-C-a
quốc lộ 6	KX	xã Pà Cò	H. Mai Châu			20° 43' 49"	104° 57' 02"	20° 44' 56"	104° 55' 26"	F-48-78-D
xóm Chà Đáy	DC	xã Pà Cò	H. Mai Châu	20° 45' 08"	104° 54' 10"					F-48-78-B
núi Long Cụ	SV	xã Pà Cò	H. Mai Châu	20° 43' 35"	104° 56' 19"					F-48-78-D
xóm Pà Cò Con	DC	xã Pà Cò	H. Mai Châu	20° 45' 22"	104° 53' 30"					F-48-78-B
xóm Pà Cò Lớn	DC	xã Pà Cò	H. Mai Châu	20° 45' 07"	104° 53' 49"					F-48-78-B
xóm Pà Háng Con	DC	xã Pà Cò	H. Mai Châu	20° 45' 54"	104° 52' 47"					F-48-78-B
xóm Pà Háng Lớn	DC	xã Pà Cò	H. Mai Châu	20° 45' 54"	104° 52' 07"					F-48-78-B
xóm Sà Lính	DC	xã Pà Cò	H. Mai Châu	20° 44' 39"	104° 55' 04"					F-48-78-D
Bãi Sang	DC	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 44' 42"	105° 02' 36"					F-48-79-C-a
suối Cụp	TV	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu			20° 47' 10"	105° 00' 37"	20° 47' 07"	105° 00' 14"	F-48-79-A-c
xóm Gò Lào	DC	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 44' 23	105° 03' 08"					F-48-79-C-a
hồ Hòa Bình	TV	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 46' 09"	105° 08' 51"					F-48-79-A-c
xóm Nọt	DC	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 46' 19"	105° 01' 01"					F-48-79-A-c
núi Pha Cơn	SV	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 46' 19"	105° 01' 53"					F-48-79-A-c
xóm Phúc	DC	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 45' 24"	105° 02' 20"					F-48-79-A-c
xóm Sạn	DC	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 44' 30	105° 02' 26					F-48-79-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm So Lo	DC	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 44' 40	105° 00' 57					F-48-79-C-a
xóm Suối Nhúng	DC	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 45' 10"	104° 59' 29"					F-48-78-B
núi Tàng Tụng	SV	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 45' 49"	105° 00' 27"					F-48-79-A-c
xóm Xộp	DC	xã Phúc Sạn	H. Mai Châu	20° 44' 43"	105° 02' 18"					F-48-79-C-a
xóm Băng	DC	xã Piềng Vế	H. Mai Châu	20° 40' 06"	104° 56' 45"					F-48-78-D
xóm Vặn	DC	xã Piềng Vế	H. Mai Châu	20° 40' 58"	104° 56' 12"					F-48-78-D
xóm Bin	DC	xã Pù Bin	H. Mai Châu	20° 37' 28"	105° 06' 04"					F-48-79-C-c
pù Hàng	SV	xã Pù Bin	H. Mai Châu	20° 38' 04"	105° 06' 02"					F-48-79-C-a
xóm Nà Lụt	DC	xã Pù Bin	H. Mai Châu	20° 35' 47"	105° 06' 22"					F-48-79-C-c
xóm Nàng	DC	xã Pù Bin	H. Mai Châu	20° 36' 43"	105° 05' 56"					F-48-79-C-c
xóm Xà Lòng	DC	xã Pù Bin	H. Mai Châu	20° 36' 52"	105° 05' 17"					F-48-79-C-c
xóm Bái Cả	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 49' 07"	105° 02' 39"					F-48-79-A-c
xóm Bái Khai	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 49' 55"	105° 02' 41"					F-48-79-A-c
xóm Ban	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 51' 05"	105° 01' 22"					F-48-79-A-c
núi Bò Đái	SV	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 47' 50"	105° 04' 29"					F-48-79-A-c
Bưa Khai	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 48' 20"	105° 02' 30"					F-48-79-A-c
xóm Cải	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 48' 28"	105° 02' 14"					F-48-79-A-c
xóm Chiêng	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 51' 02"	105° 00' 17"					F-48-79-A-c
xóm Diềm Trong	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 49' 32"	105° 00' 59"					F-48-79-A-c
sông Đà	TV	xã Tân Dân	H. Mai Châu			20° 52' 32"	104° 59' 21"	20° 48' 51"	105° 04' 52"	F-48-79-A-c
xóm Đá Đỏ	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 47' 33"	105° 05' 18"					F-48-79-A-c
Suối Vỏ	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 48' 39"	105° 04' 48"					F-48-79-A-c
núi Thằm Diềm	SV	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 48' 56"	104° 59' 44"					F-48-79-A-c
suối Thầm Hầu	TV	xã Tân Dân	H. Mai Châu			20° 49' 27"	105° 00' 57"	20° 50' 18"	105° 01' 29"	F-48-79-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tôm	DC	xã Tân Dân	H. Mai Châu	20° 50' 28"	105° 01' 39"					F-48-79-A-c
xóm Đoi	DC	xã Tân Mai	H. Mai Châu	20° 46' 33"	105° 04' 07"					F-48-79-A-c
pa Hang	SV	xã Tân Mai	H. Mai Châu	20° 44' 17"	105° 04' 40"					F-48-79-C-a
xóm Khoang	DC	xã Tân Mai	H. Mai Châu	20° 46' 16"	105° 03' 59'					F-48-79-A-c
xóm Nà Bó	DC	xã Tân Mai	H. Mai Châu	20° 47' 18"	105° 03' 44"					F-48-79-A-c
xóm Nánh	DC	xã Tân Mai	H. Mai Châu	20° 47' 19"	105° 02' 24"					F-48-79-A-c
xóm Suối Lốn	DC	xã Tân Mai	H. Mai Châu	20° 44' 53"	105° 04' 41"					F-48-79-C-a
núi Thầm Hiền	SV	xã Tân Mai	H. Mai Châu	20° 47' 28"	105° 01' 44"					F-48-79-A-c
xóm Thầm Nhân	DC	xã Tân Mai	H. Mai Châu	20° 46' 54"	105° 02' 39"					F-48-79-A-c
xóm Bò Báu	DC	xã Tân Sơn	H. Mai Châu	20° 42' 55"	104° 58' 49"					F-48-78-D
núi Hang Kia	SV	xã Tân Sơn	H. Mai Châu	20° 43' 29"	104° 59' 15"					F-48-78-D
núi Pa Sìu	SV	xã Tân Sơn	H. Mai Châu	20° 44' 01"	104° 57' 25"					F-48-78-D
xóm Tam Hòa	DC	xã Tân Sơn	H. Mai Châu	20° 43' 14"	104° 58' 14"					F-48-78-D
quốc lộ 6	KX	xã Thung Khe	H. Mai Châu			20° 40' 04"	105° 07' 49"	20° 40' 20"	105° 06' 33"	F-48-79-C-b, F-48-79-C-a
pù Hì	SV	xã Thung Khe	H. Mai Châu	20° 39' 06"	105° 06' 43"					F-48-79-C-a
đồi Khoái	SV	xã Thung Khe	H. Mai Châu	20° 37' 14"	105° 07' 55"					F-48-79-C-d
xóm Thung Ảng	DC	xã Thung Khe	H. Mai Châu	20° 38' 32"	105° 07' 56"					F-48-79-C-b
xóm Thung Khe	DC	xã Thung Khe	H. Mai Châu	20° 40' 15"	105° 06' 56"					F-48-79-C-a
quốc lộ 6	KX	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu			20° 40' 44"	105° 05' 52	20° 42' 29"	105° 03' 57"	F-48-79-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu			20° 42' 01"	105° 04' 27"	20° 40' 27"	105° 04' 47"	F-48-79-C-a
xóm Cha	DC	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 40' 30"	105° 04' 22"					F-48-79-C-a
xóm Cha Long	DC	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 40' 25"	105° 03' 53"					F-48-79-C-a
xóm Đậu	DC	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 41' 49"	105° 04' 28"					F-48-79-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Tăng	DC	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 40' 52"	105° 04' 24"					F-48-79-C-a
xóm Nhuối	DC	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 41' 01"	105° 05' 37"					F-48-79-C-a
núi Pốc	SV	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 41' 51"	105° 04' 02"					F-48-79-C-a
núi Thắm Lồm	SV	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 42' 39"	105° 05' 06"					F-48-79-C-a
xóm Tòng	DC	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 40' 37"	105° 04' 44"					F-48-79-C-a
hồ Tòng Đậu	TV	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 42' 17"	105° 04' 23"					F-48-79-C-a
pù Toọc	SV	xã Tòng Đậu	H. Mai Châu	20° 40' 02"	105° 04' 12"					F-48-79-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Vạn Mai	H. Mai Châu			20° 36' 52"	105° 02' 37"	20° 33' 51"	105° 01' 01"	F-48-79-C-c
xóm Khán	DC	xã Vạn Mai	H. Mai Châu	20° 34' 51"	105° 01' 20"					F-48-79-C-c
xóm Lọng	DC	xã Vạn Mai	H. Mai Châu	20° 35' 29"	105° 01' 37"					F-48-79-C-c
xóm Nghẹ	DC	xã Vạn Mai	H. Mai Châu	20° 36' 18"	105° 02' 14"					F-48-79-C-c
thung Nghẹ	TV	xã Vạn Mai	H. Mai Châu			20° 35' 11"	105° 04' 19"	20° 36' 23"	105° 02' 06"	F-48-79-C-c
xóm Thanh Mai	DC	xã Vạn Mai	H. Mai Châu	20° 34' 07"	105° 00' 44"					F-48-79-C-c
suối Xia	TV	xã Vạn Mai	H. Mai Châu			20° 36' 13"	105° 01' 17"	20° 34' 13"	105° 00' 36"	F-48-79-C-c
xóm Bước	DC	xã Xăm Khòe	H. Mai Châu	20° 39' 18"	104° 57' 45"					F-48-78-D
xóm Khòe	DC	xã Xăm Khòe	H. Mai Châu	20° 39' 33"	104° 59' 44"					F-48-78-D
xóm Pu	DC	xã Xăm Khòe	H. Mai Châu	20° 39' 35"	105° 00' 07"					F-48-79-C-a
xóm Sun	DC	xã Xăm Khòe	H. Mai Châu	20° 38' 24"	104° 58' 51"					F-48-78-D
xóm Te	DC	xã Xăm Khòe	H. Mai Châu	20° 39' 36"	105° 00' 37"					F-48-79-C-a
Xà Lồng	DC	xã Xăm Khòe	H. Mai Châu	20° 39' 59"	105° 00' 16"					F-48-79-C-a
xóm Xuân Tiến	DC	xã Xăm Khòe	H. Mai Châu	20° 38' 39'	104° 58' 59"					F-48-78-D
khu 1	DC	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 37' 00"	105° 16' 48"					F-48-79-D-c
khu 2	DC	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 37' 11"	105° 16' 45"					F-48-79-D-c
khu 3	DC	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 37' 21"	105° 16' 30"					F-48-79-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 4	DC	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 37' 10"	105° 16' 13"					F-48-79-D-c
khu 5	DC	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 37' 12"	105° 16' 07"					F-48-79-D-c
khu 6	DC	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 37' 05"	105° 16' 02"					F-48-79-D-c
quốc lộ 6	KX	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc			20° 37' 35"	105° 16' 31"	20° 37' 01"	105° 15' 50"	F-48-79-D-a, F-48-79-D-c
khu 7	DC	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 36' 53"	105° 16' 11"					F-48-79-D-c
quốc lộ 12B	KX	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc			20° 37' 20"	105° 16' 32"	20° 36' 28"	105° 16' 51"	F-48-79-D-c
cầu Mãn Đức I	KX	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 37' 14"	105° 16' 18"					F-48-79-D-c
cầu Mãn Đức II	KX	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 37' 09"	105° 16' 06"					F-48-79-D-c
suối Môn	TV	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc			20° 36' 38"	105° 17' 03"	20° 36' 15"	105° 16' 25"	F-48-79-D-c
cầu Qui Định	KX	TT. Mường Khến	H. Tân Lạc	20° 36' 40"	105° 16' 45"					F-48-79-D-c
xóm Hày Dưới	DC	xã Bắc Sơn	H. Tân Lạc	20° 34' 52"	105° 07' 36"					F-48-79-C-d
xóm Hày Trên	DC	xã Bắc Sơn	H. Tân Lạc	20° 35' 21"	105° 08' 06"					F-48-79-C-d
xóm Hò Dưới	DC	xã Bắc Sơn	H. Tân Lạc	20° 34' 40"	105° 08' 09"					F-48-79-C-d
xóm Hò Trên	DC	xã Bắc Sơn	H. Tân Lạc	20° 34' 55"	105° 08' 31"					F-48-79-C-d
xóm Mý	DC	xã Bắc Sơn	H. Tân Lạc	20° 34' 54"	105° 09' 22"					F-48-79-C-d
xóm Bậy	DC	xã Địch Giáo	H. Tân Lạc	20° 35' 50"	105° 12' 49"					F-48-79-C-d
xóm Chạo	DC	xã Địch Giáo	H. Tân Lạc	20° 36' 01"	105° 12' 42"					F-48-79-C-d
suối Kem	TV	xã Địch Giáo	H. Tân Lạc			20° 37' 12"	105° 11' 08"	20° 35' 39"	105° 13' 24"	F-48-79-C-d
xóm Khạng	DC	xã Địch Giáo	H. Tân Lạc	20° 36' 37"	105° 12' 19"					F-48-79-C-d
núi Khụ Láo	SV	xã Địch Giáo	H. Tân Lạc	20° 36' 48"	105° 11' 52"					F-48-79-C-d
xóm Lạ	DC	xã Địch Giáo	H. Tân Lạc	20° 35' 33"	105° 12' 56"					F-48-79-C-d
núi Mu	SV	xã Địch Giáo	H. Tân Lạc	20° 36' 25"	105° 11' 16"					F-48-79-C-d
xóm Mùn	DC	xã Địch Giáo	H. Tân Lạc	20° 36' 07"	105° 12' 32"					F-48-79-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sung 3	DC	xã Địch Giáo	H. Tân Lạc	20° 36' 51"	105° 12' 39"					F-48-79-C-d
suối Cái	TV	xã Do Nhân	H. Tân Lạc			20° 34' 27"	105° 14' 11"	20° 32' 50"	105° 15' 23"	F-48-79-C-d, F-48-79-D-c
xóm Dạ	DC	xã Do Nhân	H. Tân Lạc	20° 34' 46"	105° 14' 18"					F-48-79-C-d
xóm Mương	DC	xã Do Nhân	H. Tân Lạc	20° 34' 09"	105° 14' 41"					F-48-79-C-d
xóm Sống	DC	xã Do Nhân	H. Tân Lạc	20° 33' 02"	105° 14' 56"					F-48-79-C-d
xóm Trăng	DC	xã Do Nhân	H. Tân Lạc	20° 33' 37"	105° 14' 27"					F-48-79-C-d
xóm Bái Trang	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 33' 09"	105° 19' 40"					F-48-79-D-c
xóm Chếch	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 35' 22"	105° 21' 14					F-48-79-D-c
xóm Chông	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 32' 21"	105° 19' 46"					F-48-79-D-c
xóm Cóm	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 33' 18"	105° 19' 14"					F-48-79-D-c
đập Cóm 1	TV	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 33' 16"	105° 19' 22"					F-48-79-D-c
đập Cóm 2	TV	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 33' 12"	105° 19' 34"					F-48-79-D-c
suối Cửa Khơi	TV	xã Đông Lai	H. Tân Lạc			20° 32' 51"	105° 18' 35"	20° 31' 26"	105° 19' 52"	F-48-79-D-c
suối Đại	TV	xã Đông Lai	H. Tân Lạc			20° 35' 07"	105° 21' 45"	20° 34' 50"	105° 21' 28"	F-48-79-D-c
xóm Đồi Bưng	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 33' 06"	105° 20' 12"					F-48-79-D-c
xóm Đồng Tiến	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 32' 32"	105° 19' 27"					F-48-79-D-c
suối Giữa Đông	TV	xã Đông Lai	H. Tân Lạc			20° 33' 21"	105° 20' 14"	20° 32' 27"	105° 19' 44"	F-48-79-D-c
đồi Ma Nhụi	SV	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 33' 49"	105° 20' 32"					F-48-79-D-c
xóm Muôn	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 34' 10"	105° 20' 48"					F-48-79-D-c
suối Muôn	TV	xã Đông Lai	H. Tân Lạc			20° 35' 35"	105° 21' 19"	20° 33' 36"	105° 20' 39"	F-48-79-D-c
xóm Ổ Gà	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 32' 42"	105° 20' 05"					F-48-79-D-c
suối Pheo	TV	xã Đông Lai	H. Tân Lạc			20° 35' 39"	105° 21' 50"	20° 35' 07"	105° 21' 45"	F-48-79-D-c
xóm Quê Bái	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 32' 14"	105° 19' 13"					F-48-79-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tân Lai	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 32' 57"	105° 19' 06"					F-48-79-D-c
xóm Vạch	DC	xã Đông Lai	H. Tân Lạc	20° 31' 23"	105° 19' 15"					F-48-79-D-c
xóm Bo	DC	xã Gia Mô	H. Tân Lạc	20° 30' 55"	105° 17' 14"					F-48-79-D-c
núi Đắc Khuồng	SV	xã Gia Mô	H. Tân Lạc	20° 30' 31"	105° 15' 28"					F-48-79-D-c
xóm Đừng	DC	xã Gia Mô	H. Tân Lạc	20° 30' 21"	105° 17' 35"					F-48-79-D-c
xóm Quắn	DC	xã Gia Mô	H. Tân Lạc	20° 30' 36"	105° 16' 54"					F-48-79-D-c
xóm Rên	DC	xã Gia Mô	H. Tân Lạc	20° 31' 02"	105° 16' 49"					F-48-79-D-c
xóm Trám	DC	xã Gia Mô	H. Tân Lạc	20° 31' 24"	105° 17' 05"					F-48-79-D-c
xóm Trang	DC	xã Gia Mô	H. Tân Lạc	20° 30' 47"	105° 17' 48"					F-48-79-D-c
suối Cái	TV	xã Lỗ Sơn	H. Tân Lạc			20° 32' 50"	105° 15' 23"	20° 31' 37"	105° 16' 58"	F-48-79-D-c
xóm Chiềng	DC	xã Lỗ Sơn	H. Tân Lạc	20° 32' 21"	105° 15' 25"					F-48-79-D-c
xóm Nghẹ Một	DC	xã Lỗ Sơn	H. Tân Lạc	20° 32' 16"	105° 16' 15"					F-48-79-D-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Lỗ Sơn	H. Tân Lạc	20° 31' 20"	105° 16' 05"					F-48-79-D-c
xóm Tân Vượng	DC	xã Lỗ Sơn	H. Tân Lạc	20° 31' 29"	105° 16' 32"					F-48-79-D-c
xóm Úi	DC	xã Lỗ Sơn	H. Tân Lạc	20° 32' 20"	105° 15' 09"					F-48-79-D-c
xóm Bách 1	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 34' 01"	105° 10' 20"					F-48-79-C-d
xóm Bách 2	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 34' 02"	105° 10' 29"					F-48-79-C-d
xóm Bò	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 33' 43"	105° 10' 46"					F-48-79-C-d
xóm Bục	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 34' 50"	105° 10' 09"					F-48-79-C-d
suối Bục	TV	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc			20° 34' 39"	105° 10' 07"	20° 33' 22"	105° 10' 27"	F-48-79-C-d
núi Cùm Tây	SV	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 35' 45"	105° 09' 06"					F-48-79-C-d
núi Đá Bấng	SV	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 34' 19"	105° 10' 52"					F-48-79-C-d
núi Đá Lim	SV	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 35' 19"	105° 10' 26"					F-48-79-C-d
núi Đá Tróa	SV	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 31' 47"	105° 12' 53"					F-48-79-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Học Bưởi	SV	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 34' 53"	105° 09' 33"					F-48-79-C-d
xóm Hượp 2	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 32' 51"	105° 11' 33"					F-48-79-C-d
xóm Lở 1	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 34' 14"	105° 09' 59'					F-48-79-C-d
xóm Lở 2	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 34' 04"	105° 10' 05"					F-48-79-C-d
xóm Lự	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 34' 04"	105° 10' 55"					F-48-79-C-d
xóm Nghẹ 1	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 33' 23"	105° 10' 58"					F-48-79-C-d
xóm Nghẹ 2	DC	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 33' 30"	105° 10' 58"					F-48-79-C-d
núi Phụ Nại	SV	xã Lũng Vân	H. Tân Lạc	20° 33' 43"	105° 10' 16"					F-48-79-C-d
xóm Ban	DC	xã Mãn Đức	H. Tân Lạc	20° 36' 33"	105° 16' 12"					F-48-79-D-c
đập Bông Canh	TV	xã Mãn Đức	H. Tân Lạc	20° 36' 47"	105° 17' 32"					F-48-79-D-c
xóm Bui	DC	xã Mãn Đức	H. Tân Lạc	20° 34' 45"	105° 16' 04"					F-48-79-D-c
xóm Đầm	DC	xã Mãn Đức	H. Tân Lạc	20° 36' 57"	105° 17' 12"					F-48-79-D-c
xóm Định 1	DC	xã Mãn Đức	H. Tân Lạc	20° 36' 09"	105° 16' 52"					F-48-79-D-c
xóm Định 2	DC	xã Mãn Đức	H. Tân Lạc	20° 36' 23"	105° 17' 08"					F-48-79-D-c
xóm Khì	DC	xã Mãn Đức	H. Tân Lạc	20° 36' 36"	105° 15' 52"					F-48-79-D-c
xóm Phoi	DC	xã Mãn Đức	H. Tân Lạc	20° 35' 32"	105° 15' 39"					F-48-79-D-c
xóm Tân Phong	DC	xã Mãn Đức	H. Tân Lạc	20° 36' 03"	105° 16' 56"					F-48-79-D-c
suối Cun	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tân Lạc			20° 37' 56"	105° 14' 50"	20° 37' 46"	105° 15' 13"	F-48-79-C-b, F-48-79-D-a
suối Đon	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tân Lạc			20° 39' 00"	105° 14' 09"	20° 37' 56"	105° 14' 50"	F-48-79-C-b
dãy núi Nước Lộ	SV	xã Mỹ Hòa	H. Tân Lạc	20° 39' 57"	105° 16' 08"					F-48-79-D-a
xóm Trù Bụa	DC	xã Mỹ Hòa	H. Tân Lạc	20° 38' 41"	105° 13' 22"					F-48-79-C-b
hồ Trù Bụa	TV	xã Mỹ Hòa	H. Tân Lạc	20° 39' 20"	105° 12' 54"					F-48-79-C-b
xóm Bái	DC	xã Nam Sơn	H. Tân Lạc	20° 31' 42"	105° 10' 40"					F-48-79-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Chiến	DC	xã Nam Sơn	H. Tân Lạc	20° 33' 19"	105° 10' 08"					F-48-79-C-d
xóm Tớn	DC	xã Nam Sơn	H. Tân Lạc	20° 32' 07"	105° 10' 46"					F-48-79-C-d
xóm Trong	DC	xã Nam Sơn	H. Tân Lạc	20° 31' 14"	105° 11' 34"					F-48-79-C-d
xóm Xôm	DC	xã Nam Sơn	H. Tân Lạc	20° 33' 42"	105° 09' 0					F-48-79-C-d
xóm Bo	DC	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc	20° 29' 19"	105° 15' 39"					F-48-91-B-a
hồ Búc Bát	TV	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc	20° 30' 48"	105° 13' 26"					F-48-79-C-d
xóm Cá	DC	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc	20° 31' 22"	105° 13' 35"					F-48-79-C-d
suối Hòn Khoai	TV	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc			20° 30' 05"	105° 14' 54"	20° 31' 16"	105° 13' 49"	F-48-79-C-d
núi Lọi	SV	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc	20° 28' 23"	105° 16' 04"					F-48-91-B-a
xóm Luông Dưới	DC	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc	20° 30' 22"	105° 14' 31"					F-48-79-C-d
xóm Luông Trên	DC	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc	20° 30' 56"	105° 14' 02"					F-48-79-C-d
núi Ma Gha	SV	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc	20° 29' 46"	105° 14' 20"					F-48-91-A-b
núi Tạng	SV	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc	20° 31' 53"	105° 14' 03"					F-48-79-C-d
xóm Trằm 1	DC	xã Ngổ Luông	H. Tân Lạc	20° 28' 34"	105° 16' 32"					F-48-91-B-a
quốc lộ 12B	KX	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc			20° 32' 19"	105° 20' 05"	20° 30' 54"	105° 21' 35"	F-48-79-D-c
xóm Biệng	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 32' 13"	105° 20' 45"					F-48-79-D-c
núi Bua Chông	SV	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 35' 53"	105° 22' 26"					F-48-79-D-c
xóm Bùi	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 32' 11"	105° 21' 10"					F-48-79-D-c
xóm Cóc 1	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 34' 43"	105° 22' 15"					F-48-79-D-c
xóm Cọi	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 31' 47"	105° 20' 32"					F-48-79-D-c
xóm Cút	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 32' 06"	105° 21' 21"					F-48-79-D-c
xóm Đôi	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 32' 56"	105° 22' 07"					F-48-79-D-c
suối Đôi	TV	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc			20° 33' 51"	105° 22' 19"	20° 31' 09"	105° 21' 18"	F-48-79-D-c
suối Khào	TV	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc			20° 31' 26"	105° 19' 52"	20° 30' 47"	105° 21' 30"	F-48-79-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lảng	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 33' 05"	105° 20' 57"					F-48-79-D-c
suối Lảng	TV	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc			20° 35' 06"	105° 22' 54"	20° 32' 49"	105° 20' 40"	F-48-79-D-d, F-48-79-D-c
xóm Mu	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 31' 54"	105° 20' 53"					F-48-79-D-c
xóm Phung	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 31' 13"	105° 21' 30"					F-48-79-D-c
cầu Phung	KX	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 31' 01"	105° 21' 17"					F-48-79-D-c
xóm Quạng	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 32' 29"	105° 20' 28"					F-48-79-D-c
xóm Sống	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 30' 58"	105° 20' 36"					F-48-79-D-c
xóm Tân Ngọc	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 32' 21"	105° 20' 14"					F-48-79-D-c
xóm Vỉnh	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 31' 22"	105° 19' 56"					F-48-79-D-c
xóm Vưa	DC	xã Ngọc Mỹ	H. Tân Lạc	20° 30' 28"	105° 20' 35"					F-48-79-D-c
hồ Hòa Bình	TV	xã Ngòi Hoa	H. Tân Lạc	20° 44' 05"	105° 10' 15"					F-48-79-C-b
xóm Nẻ	DC	xã Ngòi Hoa	H. Tân Lạc	20° 44' 39"	105° 11' 31"					F-48-79-C-b
xóm Suối Chùa	DC	xã Ngòi Hoa	H. Tân Lạc	20° 45' 29"	105° 09' 07"					F-48-79-A-d
xóm Suối Tặm	DC	xã Ngòi Hoa	H. Tân Lạc	20° 44' 52"	105° 10' 58"					F-48-79-C-b
quốc lộ 6	KX	xã Phong Phú	H. Tân Lạc			20° 37' 21"	105° 13' 59"	20° 38' 08"	105° 11' 17"	F-48-79-C-d, F-48-79-C-b
xóm Ải	DC	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 37' 33"	105° 12' 46"					F-48-79-C-b
xóm Đóng	DC	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 37' 28"	105° 13' 33"					F-48-79-C-d
núi Keo Heng	SV	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 37' 24"	105° 12' 03"					F-48-79-C-d
xóm Lầm	DC	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 37' 01"	105° 13' 12"					F-48-79-C-d
xóm Lồ	DC	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 37' 17"	105° 13' 42"					F-48-79-C-d
xóm Lũy	DC	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 37' 36"	105° 13' 11"					F-48-79-C-b
xóm Mận	DC	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 37' 41"	105° 13' 37"					F-48-79-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trọng	DC	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 38' 09"	105° 11' 38"					F-48-79-C-b
suối Trọng	TV	xã Phong Phú	H. Tân Lạc			20° 38' 13"	105° 12' 01"	20° 36' 58"	105° 13' 44"	F-48-79-C-b, F-48-79-C-d
cầu Trọng I	KX	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 38' 20"	105° 12' 04"					F-48-79-C-b
cầu Trọng II	KX	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 38' 11"	105° 11' 41"					F-48-79-C-b
xóm Vặn	DC	xã Phong Phú	H. Tân Lạc	20° 38' 39"	105° 11' 59"					F-48-79-C-b
quốc lộ 6	KX	xã Phú Cường	H. Tân Lạc			20° 38' 08"	105° 11' 17"	20° 40' 04"	105° 07' 49"	F-48-79-C-b
xóm Bái	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 38' 55"	105° 09' 46"					F-48-79-C-b
xóm Bát	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 40' 00"	105° 08' 56"					F-48-79-C-b
xóm Báy 1	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 41' 14"	105° 09' 42"					F-48-79-C-b
xóm Bó	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 39' 22"	105° 08' 55"					F-48-79-C-b
xóm Bưởi	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 40' 19"	105° 08' 11"					F-48-79-C-b
núi Dạ Mụ	SV	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 36' 57"	105° 09' 59"					F-48-79-C-d
xóm Đồng Khiềng	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 41' 50"	105° 07' 28"					F-48-79-C-a
xóm Đồng Mùi	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 41' 22"	105° 07' 57"					F-48-79-C-b
xóm Khanh	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 37' 40"	105° 11' 04"					F-48-79-C-b
núi Khời	SV	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 38' 03"	105° 09' 27"					F-48-79-C-b
suối Khời	TV	xã Phú Cường	H. Tân Lạc			20° 38' 56"	105° 09' 31"	20° 37' 30"	105° 10' 54"	F-48-79-C-b
xóm Khời 2	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 37' 54"	105° 10' 07"					F-48-79-C-b
xóm Sung	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 40' 56"	105° 08' 25"					F-48-79-C-b
xóm Tằm	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 39' 50"	105° 08' 38"					F-48-79-C-b
xóm Trao 2	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 38' 39"	105° 10' 26"					F-48-79-C-b
xóm Vìn	DC	xã Phú Cường	H. Tân Lạc	20° 38' 59"	105° 10' 03"					F-48-79-C-b
suối Vìn	TV	xã Phú Cường	H. Tân Lạc			20° 38' 55"	105° 10' 32"	20° 39' 11"	105° 11' 38"	F-48-79-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bò	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 40' 21"	105° 10' 52"					F-48-79-C-b
xóm Cuôi	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 39' 36"	105° 11' 58"					F-48-79-C-b
xóm Đung 2	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 41' 25"	105° 09' 46"					F-48-79-C-b
xóm Giác	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 41' 36"	105° 10' 44"					F-48-79-C-b
xóm Kè	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 40' 40"	105° 11' 32"					F-48-79-C-b
xóm Láo	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 42' 34"	105° 08' 30"					F-48-79-C-b
xóm Ngau	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 41' 11"	105° 10' 32"					F-48-79-C-b
xóm Thỏi	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 41' 39"	105° 08' 35"					F-48-79-C-b
xóm Thưa	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 40' 53"	105° 09' 15"					F-48-79-C-b
xóm Tớn	DC	xã Phú Vinh	H. Tân Lạc	20° 40' 37"	105° 09' 38"					F-48-79-C-b
quốc lộ 6	KX	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc			20° 39' 34"	105° 17' 17"	20° 37' 27"	105° 16' 31"	F-48-79-D-a, F-48-79-D-c
xóm Bày	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 37' 31"	105° 15' 14"					F-48-79-D-a
suối Bày	TV	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc			20° 37' 46"	105° 15' 13"	20° 37' 43"	105° 15' 14"	F-48-79-D-a
xóm Bậy	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 39' 11"	105° 16' 59"					F-48-79-D-a
xóm Bưng	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 38' 18"	105° 17' 34"					F-48-79-D-a
xóm Cộng	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 37' 53"	105° 15' 59"					F-48-79-D-a
xóm Dom	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 38' 42"	105° 16' 37"					F-48-79-D-a
xóm Đai	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 36' 38"	105° 15' 08"					F-48-79-D-c
xóm Hồng Dương	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 37' 31"	105° 15' 52"					F-48-79-D-c
kho K80	KX	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 37' 18"	105° 15' 25"					F-48-79-D-c
xóm Khang	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 37' 55"	105° 16' 35"					F-48-79-D-a
xóm Tân An	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 37' 05"	105° 15' 16"					F-48-79-D-c
xóm Tân Phương	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 37' 02"	105° 15' 07"					F-48-79-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tân Thanh	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 36' 54"	105° 15' 38"					F-48-79-D-c
xóm Trớ	DC	xã Qui Hậu	H. Tân Lạc	20° 37' 16"	105° 14' 57"					F-48-79-C-d
xóm Ào	DC	xã Qui Mỹ	H. Tân Lạc	20° 34' 49"	105° 13' 39"					F-48-79-C-d
xóm Bùi	DC	xã Qui Mỹ	H. Tân Lạc	20° 34' 54"	105° 13' 15"					F-48-79-C-d
xóm Chiềng	DC	xã Qui Mỹ	H. Tân Lạc	20° 35' 28	105° 13' 38"					F-48-79-C-d
xóm Nước	DC	xã Qui Mỹ	H. Tân Lạc	20° 35' 11"	105° 13' 17"					F-48-79-C-d
xóm U	DC	xã Qui Mỹ	H. Tân Lạc	20° 34' 31"	105° 13' 46"					F-48-79-C-d
xóm Bắc Hưng	DC	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 34' 09"	105° 11' 47"					F-48-79-C-d
xóm Biệng	DC	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 35' 31"	105° 10' 52"					F-48-79-C-d
núi Bun	SV	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 35' 07"	105° 10' 55"					F-48-79-C-d
núi Chòn Bói	SV	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 36' 31"	105° 10' 27"					F-48-79-C-d
núi Chòn Lộn	SV	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 35' 09"	105° 11' 47"					F-48-79-C-d
núi Cụt	SV	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 35' 59"	105° 10' 04"					F-48-79-C-d
núi Đắc Khươn	SV	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 33' 44"	105° 11' 31"					F-48-79-C-d
núi Hang Thưa	SV	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 37' 15"	105° 09' 28"					F-48-79-C-d
xóm Khao	DC	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 35' 59"	105° 11' 34"					F-48-79-C-d
xóm Mường Cá	DC	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 37' 01"	105° 09' 02"					F-48-79-C-d
Nậm Đầm	DC	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 34' 52"	105° 11' 23"					F-48-79-C-d
xóm Nam Hưng	DC	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 32' 54"	105° 12' 33"					F-48-79-C-d
xóm Trung Hưng	DC	xã Quyết Chiến	H. Tân Lạc	20° 33' 10"	105° 12' 17"					F-48-79-C-d
suối Bai Lần	TV	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc			20° 36' 35"	105° 19' 47"	20° 34' 38"	105° 18' 47"	F-48-79-D-c
suối Bai Rườm	TV	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc			20° 34' 38"	105° 18' 47"	20° 33' 54"	105° 18' 07"	F-48-79-D-c
xóm Bào	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 34' 25"	105° 18' 26"					F-48-79-D-c
đồi Bó Mực	SV	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 33' 07"	105° 16' 37"					F-48-79-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Cái	TV	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc			20° 34' 04"	105° 17' 15"	20° 32' 58"	105° 18' 26"	F-48-79-D-c
xóm Chiềng Đông	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 34' 02"	105° 18' 47"					F-48-79-D-c
xóm Chiềng Nen	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 33' 36"	105° 18' 31"					F-48-79-D-c
xóm Cụ	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 34' 17"	105° 17' 55"					F-48-79-D-c
đồi Nhà Chòi	SV	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 36' 17"	105° 20' 03"					F-48-79-D-c
xóm Nhót	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 33' 08"	105° 18' 10"					F-48-79-D-c
xóm Sung	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 33' 51"	105° 17' 30"					F-48-79-D-c
xóm Tam	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 34' 56"	105° 18' 59"					F-48-79-D-c
xóm Tân Hương 1	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 34' 33"	105° 17' 50"					F-48-79-D-c
xóm Tân Hương 2	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 34' 18"	105° 17' 14"					F-48-79-D-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Thanh Hối	H. Tân Lạc	20° 33' 21"	105° 18' 40"					F-48-79-D-c
núi Cái	SV	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 42' 47"	105° 15' 50"					F-48-79-D-a
đồi De	SV	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 42' 40"	105° 13' 30"					F-48-79-C-b
xóm Đạy	DC	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 40' 57"	105° 12' 46"					F-48-79-C-b
núi Khu Nghe	SV	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 41' 31"	105° 16' 22"					F-48-79-D-a
núi Lăng	SV	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 42' 27"	105° 11' 04"					F-48-79-C-b
xóm Ong	DC	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 42' 31"	105° 13' 57"					F-48-79-C-b
xóm Tầm	DC	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 41' 45"	105° 12' 33"					F-48-79-C-b
xóm Thăm	DC	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 42' 13"	105° 13' 03"					F-48-79-C-b
đồi Thỏ	SV	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 42' 25"	105° 12' 26"					F-48-79-C-b
xóm Thung	DC	xã Trung Hòa	H. Tân Lạc	20° 42' 23"	105° 15' 24"					F-48-79-D-a
xóm 3	DC	xã Tử Nê	H. Tân Lạc	20° 34' 53"	105° 17' 43"					F-48-79-D-c
suối Ai	TV	xã Tử Nê	H. Tân Lạc			20° 36' 40"	105° 18' 27"	20° 36' 03"	105° 17' 57"	F-48-79-D-c
xóm Bin	DC	xã Tử Nê	H. Tân Lạc	20° 34' 57"	105° 16' 47"					F-48-79-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bin	TV	xã Tử Nê	H. Tân Lạc			20° 35' 01"	105° 16' 18"	20° 34' 1	105° 16' 50"	F-48-79-D-c
xóm Bục	DC	xã Tử Nê	H. Tân Lạc	20° 35' 18"	105° 18' 08"					F-48-79-D-c
xóm Các	DC	xã Tử Nê	H. Tân Lạc	20° 34' 07"	105° 16' 11"					F-48-79-D-c
xóm Chùa	DC	xã Tử Nê	H. Tân Lạc	20° 35' 18"	105° 17' 41"					F-48-79-D-c
phố Chùa	DC	xã Tử Nê	H. Tân Lạc	20° 35' 28"	105° 17' 18"					F-48-79-D-c
suối Cú	TV	xã Tử Nê	H. Tân Lạc			20° 35' 32	105° 17' 49"	20° 34' 39"	105° 17' 58"	F-48-79-D-c
xóm Cú Ngoài	DC	xã Tử Nê	H. Tân Lạc	20° 36' 01"	105° 17' 44"					F-48-79-D-c
xóm Cú Trong	DC	xã Tử Nê	H. Tân Lạc	20° 36' 27"	105° 17' 57"					F-48-79-D-c
đồi Tang	SV	xã Tử Nê	H. Tân Lạc	20° 33' 17"	105° 15' 52"					F-48-79-D-c
xóm Bận	DC	xã Tuân Lộ	H. Tân Lạc	20° 35' 26"	105° 14' 04"					F-48-79-C-d
xóm Cò	DC	xã Tuân Lộ	H. Tân Lạc	20° 36' 08"	105° 13' 47"					F-48-79-C-d
xóm Dọi	DC	xã Tuân Lộ	H. Tân Lạc	20° 35' 55"	105° 14' 03"					F-48-79-C-d
xóm Hông	DC	xã Tuân Lộ	H. Tân Lạc	20° 36' 56"	105° 14' 11"					F-48-79-C-d
xóm Tân Thành	DC	xã Tuân Lộ	H. Tân Lạc	20° 37' 16"	105° 14' 21"					F-48-79-C-d
xóm Thọng	DC	xã Tuân Lộ	H. Tân Lạc	20° 36' 16"	105° 14' 00"					F-48-79-C-d
xóm Bải Cả	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 27' 12"	105° 38' 45"					F-48-92-A-b
xóm Bái Đa 1	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 26' 32"	105° 37' 22"					F-48-92-A-a
xóm Bãi Đa 2	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 26' 30"	105° 37' 37"					F-48-92-A-b
đồi Bái Ngang	SV	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 28' 19"	105° 39' 55"					F-48-92-A-b
xóm Bảo Yên	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 26' 53"	105° 38' 09"					F-48-92-A-b
núi Bô Rô	SV	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 27' 38"	105° 37' 40"					F-48-92-A-b
xóm Cây Chim	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 27' 04"	105° 37' 58"					F-48-92-A-b
xóm Chồn	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 26' 05"	105° 38' 14"					F-48-92-A-b
đồi Cửa Ly	SV	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 26' 20"	105° 40' 51"					F-48-92-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đầm	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 27' 01"	105° 38' 45"					F-48-92-A-b
xóm Đội 2	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 25' 55"	105° 36' 56"					F-48-92-A-a
núi Hang Nga	SV	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 27' 25"	105° 37' 52"					F-48-92-A-b
xóm Hiệu	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 26' 40"	105° 37' 56"					F-48-92-A-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy			20° 28' 16"	105° 39' 14"	20° 25' 24"	105° 37' 04"	F-48-92-A-a, F-48-92-A-b
xóm Hồng	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 27' 23"	105° 39' 17"					F-48-92-A-b
xóm Khuyển	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 27' 01"	105° 39' 24"					F-48-92-A-b
xóm Nâu	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 26' 11"	105° 38' 52"					F-48-92-A-b
hồ Sòng Vỏ	TV	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 28' 07"	105° 38' 46"					F-48-92-A-b
xóm Thượng	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 28' 00"	105° 38' 46"					F-48-92-A-b
xóm Tròng	DC	xã Bảo Hiệu	H. Yên Thủy	20° 27' 43"	105° 39' 07"					F-48-92-A-b
núi Ải	SV	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 25' 17"	105° 36' 20"					F-48-92-A-a
xóm Bèo	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 27' 27"	105° 33' 24"					F-48-92-A-a
núi Chẹ	SV	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 27' 16"	105° 35' 12"					F-48-92-A-a
núi Chồi	SV	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 25' 56"	105° 36' 05"					F-48-92-A-a
xóm Đăng	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 27' 39"	105° 34' 21"					F-48-92-A-a
đập Đăng	KX	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 27' 25"	105° 34' 17"					F-48-92-A-a
xóm Hang	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 26' 02"	105° 35' 35"					F-48-92-A-a
xóm Heo	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 25' 32"	105° 36' 10"					F-48-92-A-a
xóm Hơm	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 25' 51"	105° 34' 51"					F-48-92-A-a
đập Hơm	KX	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 25' 54"	105° 34' 38"					F-48-92-A-a
hang Hùm	SV	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 26' 10"	105° 35' 19"					F-48-92-A-a
xóm Khạ	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 26' 57"	105° 33' 17"					F-48-92-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lót	SV	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 28' 09"	105° 33' 40"					F-48-92-A-a
thung Lót	SV	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 27' 41"	105° 33' 32"					F-48-92-A-a
xóm Mí	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 26' 40"	105° 34' 50"					F-48-92-A-a
xóm Nghìa	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 26' 07"	105° 35' 00"					F-48-92-A-a
xóm Nhang	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 26' 45"	105° 35' 12"					F-48-92-A-a
xóm Nhuội	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 27' 49"	105° 34' 50"					F-48-92-A-a
xóm Pơng	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 27' 20"	105° 33' 50"					F-48-92-A-a
xóm Ráng	DC	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 26' 32"	105° 35' 22"					F-48-92-A-a
hồ Sào	TV	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 26' 25"	105° 34' 47"					F-48-92-A-a
núi Tráng	SV	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 26' 08"	105° 36' 19"					F-48-92-A-a
núi Vót	SV	xã Đa Phúc	H. Yên Thủy	20° 27' 34"	105° 33' 45"					F-48-92-A-a
núi Bai Trộc	SV	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 23' 23"	105° 40' 20"					F-48-92-A-b
xóm Cửa Lũy	DC	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 23' 30"	105° 41' 00"					F-48-92-A-b
xóm Đầm	DC	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 22' 57"	105° 40' 51"					F-48-92-A-b
xóm Đồng Bai	DC	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 22' 42"	105° 40' 51"					F-48-92-A-b
xóm Đồng Lạc	DC	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 22' 46"	105° 40' 33"					F-48-92-A-b
hang Hốp	SV	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 21' 13"	105° 42' 34"					F-48-92-A-d
sông Lạng	TV	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy			20° 24' 27"	105° 40' 58"	20° 22' 36"	105° 42' 08"	F-48-92-A-b
xóm Liên Kết	DC	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 23' 36"	105° 40' 18"					F-48-92-A-b
hồ Luông Bai	TV	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 24' 00"	105° 40' 08"					F-48-92-A-b
xóm Mền 1	DC	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 22' 58"	105° 39' 45"					F-48-92-A-b
xóm Nam	DC	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 21' 59"	105° 42' 26"					F-48-92-A-d
xóm Nam Thái	DC	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 22' 47"	105° 40' 02"					F-48-92-A-b
núi Thung Bương	SV	xã Đoàn Kết	H. Yên Thủy	20° 22' 36"	105° 41' 23"					F-48-92-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Bai Mang	KX	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 24' 58"	105° 39' 29"					F-48-92-A-b
xóm Cương	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 25' 08"	105° 41' 00"					F-48-92-A-b
xóm Dấp	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 24' 53"	105° 39' 55"					F-48-92-A-b
đồi Đô	SV	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 25' 08"	105° 41' 38"					F-48-92-A-b
xóm Đôi	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 25' 11"	105° 38' 54"					F-48-92-A-b
xóm Rại	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 25' 33"	105° 39' 10"					F-48-92-A-b
xóm Rộc	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 25' 22"	105° 39' 55"					F-48-92-A-b
sông Rộc	TV	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy			20° 25' 55"	105° 38' 56"	20° 24' 27"	105° 40' 58"	F-48-92-A-b
xóm Sổ	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 25' 22"	105° 39' 35"					F-48-92-A-b
núi Thờ	SV	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 24' 27"	105° 38' 53"					F-48-92-A-b
xóm Thời 1	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 24' 04"	105° 38' 55"					F-48-92-A-b
xóm Thời 2	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 24' 13"	105° 39' 40"					F-48-92-A-b
xóm Vố	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 24' 47"	105° 39' 20"					F-48-92-A-b
núi Vó Mọ	SV	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 25' 37"	105° 38' 23"					F-48-92-A-b
núi Vó Sộp	SV	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 24' 34"	105° 39' 23"					F-48-92-A-b
xóm Yên Lợi	DC	xã Hữu Lợi	H. Yên Thủy	20° 24' 28"	105° 39' 05"					F-48-92-A-b
thung Áng Trẹ	SV	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 27' 23"	105° 35' 38"					F-48-92-A-a
núi Bán Tụ	SV	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 18"	105° 38' 18"					F-48-92-A-b
xóm Bún	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 27' 17"	105° 37' 22"					F-48-92-A-a
xóm Chiềng	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 37	105° 35' 49"					F-48-92-A-a
xóm Cối	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 11"	105° 37' 04"					F-48-92-A-a
xóm Dài	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 39"	105° 35' 20"					F-48-92-A-a
xóm Đôi	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 27' 51"	105° 37' 04"					F-48-92-A-a
xóm Đồi	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 29' 48"	105° 35' 33"					F-48-92-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hang Gió	SV	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 27' 45"	105° 37' 42"					F-48-92-A-b
núi Hang Nga	SV	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 19"	105° 36' 55"					F-48-92-A-a
xóm Heo	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 27' 34"	105° 36' 37"					F-48-92-A-a
xóm Kháng	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 27' 13"	105° 36' 59"					F-48-92-A-a
đồi Ma Dâm	SV	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 29' 04"	105° 35' 39"					F-48-92-A-a
xóm Manh	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 38"	105° 36' 33"					F-48-92-A-a
xóm Mu	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 10"	105° 36' 15"					F-48-92-A-a
núi Mư	SV	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 16"	105° 35' 30"					F-48-92-A-a
xóm Múc	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 40"	105° 37' 03"					F-48-92-A-a
xóm Tháy	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 12"	105° 38' 06"					F-48-92-A-b
xóm Thêu	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 25"	105° 37' 52"					F-48-92-A-b
núi Thung Lặt	SV	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 31"	105° 34' 49"					F-48-92-A-a
xóm Trầm	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 36"	105° 37' 49"					F-48-92-A-b
xóm Trôi	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 29' 13"	105° 37' 51"					F-48-92-A-b
núi Trôi	SV	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 29' 26"	105° 37' 41"					F-48-92-A-b
xóm Trống	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 27' 29"	105° 37' 12"					F-48-92-A-a
xóm Vâng	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 38"	105° 37' 26"					F-48-92-A-a
xóm Vén	DC	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 29' 23"	105° 36' 45"					F-48-92-A-a
hồ Yên Tân	TV	xã Lạc Lương	H. Yên Thủy	20° 28' 35"	105° 35' 23"					F-48-92-A-a
xóm Ang	DC	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 29' 01"	105° 39' 08"					F-48-92-A-b
xóm Cây Báy	DC	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 29' 52"	105° 40' 08"					F-48-92-A-b
dốc Cơm	KX	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 28' 16"	105° 39' 14"					F-48-92-A-b
xóm Đồng Bai	DC	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 29' 19"	105° 40' 01"					F-48-92-A-b
xóm Gò Đối	DC	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 28' 38"	105° 39' 10"					F-48-92-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Liên Hợp	DC	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 30' 14"	105° 40' 04"					F-48-80-C-d
xóm Lý Hưng	DC	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 30' 27"	105° 40' 17"					F-48-80-C-d
suối Sòng Mang	TV	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy			20° 28' 48"	105° 39' 24"	20° 30' 32"	105° 40' 15"	F-48-80-C-d, F-48-92-A-b
núi Thung Cái	SV	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 28' 56"	105° 38' 44"					F-48-92-A-b
xóm Thút	DC	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 29' 01"	105° 39' 42"					F-48-92-A-b
đồi Trôi	SV	xã Lạc Hưng	H. Yên Thủy	20° 29' 34"	105° 39' 03"					F-48-92-A-b
đồi Bé Ốc	SV	xã Lạc Sỹ	H. Yên Thủy	20° 31' 16"	105° 35' 03"					F-48-80-C-c
xóm Chấu	DC	xã Lạc Sỹ	H. Yên Thủy	20° 30' 36"	105° 35' 33"					F-48-80-C-c
xóm Hạ 1	DC	xã Lạc Sỹ	H. Yên Thủy	20° 31' 21"	105° 32' 58"					F-48-80-C-c
xóm Hạ 2	DC	xã Lạc Sỹ	H. Yên Thủy	20° 31' 25"	105° 32' 41"					F-48-80-C-c
đồi Ly Kỳ	SV	xã Lạc Sỹ	H. Yên Thủy	20° 30' 20"	105° 33' 23"					F-48-80-C-c
xóm Sĩ	DC	xã Lạc Sỹ	H. Yên Thủy	20° 30' 34"	105° 34' 22"					F-48-80-C-c
xóm Thấu	DC	xã Lạc Sỹ	H. Yên Thủy	20° 30' 46"	105° 36' 07"					F-48-80-C-c
đồi Thờ	SV	xã Lạc Sỹ	H. Yên Thủy	20° 31' 25"	105° 34' 25"					F-48-80-C-c
xóm Thượng	DC	xã Lạc Sỹ	H. Yên Thủy	20° 31' 19"	105° 33' 40"					F-48-80-C-c
xóm Côm	DC	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 23' 55"	105° 33' 16"					F-48-92-A-a
Vườn quốc gia Cúc Phương	KX	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 23' 11"	105° 33' 50"					F-48-92-A-a
đồi Đập	SV	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 23' 47"	105° 32' 52"					F-48-92-A-a
xóm Đình Vặn	DC	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 25' 13"	105° 34' 03"					F-48-92-A-a
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy			20° 24' 33"	105° 33' 09"	20° 24' 16"	105° 35' 17"	F-48-92-A-a
xóm Lạng	DC	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 23' 54"	105° 33' 59"					F-48-92-A-a
hồ Me 1	TV	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	0° 25' 13	105° 33' 37"					F-48-92-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nhòn	DC	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 24' 46"	105° 34' 13"					F-48-92-A-a
phố Sấu	DC	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 24' 29"	105° 34' 11"					F-48-92-A-a
xóm Sấu	DC	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 24' 22"	105° 34' 30"					F-48-92-A-a
xóm Thượng Tiến	DC	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 23' 50"	105° 35' 13"					F-48-92-A-a
đồi Trác	SV	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 23' 36"	105° 33' 39"					F-48-92-A-a
xóm Trác 2	DC	xã Lạc Thịnh	H. Yên Thủy	20° 23' 54"	105° 32' 53"					F-48-92-A-a
quốc lộ 12B	KX	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy			20° 21' 09"	105° 41' 06"	20° 19' 53"	105° 43' 22"	F-48-92-A-d
xóm Chềnh	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 20' 03"	105° 40' 15"					F-48-92-A-d
xóm Công Tiến	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 19' 55"	105° 41' 58"					F-48-92-A-d
phố Dương	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 20' 37"	105° 41' 49"					F-48-92-A-d
thung Dương	SV	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 20' 35"	105° 42' 37"					F-48-92-A-d
xóm Đồi 1	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 20' 12"	105° 41' 21"					F-48-92-A-d
xóm Đồi 2	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 20' 57"	105° 40' 50"					F-48-92-A-d
hồ Hai	TV	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 19' 13"	105° 41' 02"					F-48-92-A-d
núi Hang Xanh	SV	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 20' 25"	105° 42' 25"					F-48-92-A-d
xóm Hổ 1	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 19' 03"	105° 41' 21"					F-48-92-A-d
xóm Liêu	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 19' 45"	105° 40' 48"					F-48-92-A-d
hồ Một	TV	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 19' 53"	105° 40' 05"					F-48-92-A-d
xóm Nghìa 2	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 21' 24"	105° 41' 31"					F-48-92-A-d
cầu Núi Con	KX	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 20' 04"	105° 43' 00"					F-48-92-A-d
xóm Thung	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 20' 02"	105° 42' 49"					F-48-92-A-d
xóm Trường Long	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 19' 27"	105° 41' 02"					F-48-92-A-d
xóm Trường Sơn	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 19' 44"	105° 40' 35"					F-48-92-A-d
Vó Ấm	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 19' 33"	105° 42' 07"					F-48-92-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Vườn Voi	DC	xã Ngọc Lương	H. Yên Thủy	20° 19' 55"	105° 41' 58"					F-48-92-A-d
quốc lộ 12B	KX	xã Phú Lai	H. Yên Thủy			20° 22' 45"	105° 38' 07"	20° 22' 21"	105° 38' 26"	F-48-92-A-b, F-48-92-A-d
xóm Đình	DC	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 23' 33"	105° 38' 48"					F-48-92-A-b
xóm Hạ	DC	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 22' 07"	105° 38' 30"					F-48-92-A-d
núi Hang Khỉ	SV	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 23' 41"	105° 38' 42"					F-48-92-A-b
đồi Mây	SV	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 23' 20"	105° 39' 27"					F-48-92-A-b
xóm Phú Vượng	DC	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 22' 32"	105° 39' 11"					F-48-92-A-b
xóm Rò	DC	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 23' 12"	105° 39' 07"					F-48-92-A-b
núi Rồng	SV	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 22' 37"	105° 38' 03"					F-48-92-A-b
xóm Tân	DC	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 22' 23"	105° 38' 58"					F-48-92-A-d
xóm Trung Hoa 2	DC	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 22' 28	105° 38' 16"					F-48-92-A-d
dãy Trường Sơn	SV	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 20' 41"	105° 38' 32"					F-48-92-A-d
xóm Xàm	DC	xã Phú Lai	H. Yên Thủy	20° 23' 03"	105° 38' 48"					F-48-92-A-b
nông trường 2-9	KX	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 23' 26	105° 36' 20"					F-48-92-A-a
xóm Cả	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 23' 26	105° 36' 51"					F-48-92-A-a
xóm Chóng	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 22' 51"	105° 37' 41"					F-48-92-A-b
xóm Khang	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 23' 06"	105° 37' 09"					F-48-92-A-a
xóm Khánh Ninh	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 24' 10"	105° 35' 59"					F-48-92-A-a
xóm Lạc Vượng	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 23' 02"	105° 37' 56"					F-48-92-A-b
xóm Ót	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 23' 15"	105° 38' 10"					F-48-92-A-b
núi Quèn Chạp	SV	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 24' 43"	105° 35' 26"					F-48-92-A-a
thung Rơm	SV	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 24' 15"	105° 38' 06"					F-48-92-A-b
xóm Tân Thành	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 23' 53"	105° 36' 33"					F-48-92-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tân Thịnh	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 24' 16"	105° 35' 29"					F-48-92-A-a
thung Tốc	SV	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 24' 26"	105° 38' 08"					F-48-92-A-b
núi Tốc	SV	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 24' 31"	105° 37' 53"					F-48-92-A-b
xóm Yên Hòa	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 24' 03"	105° 37' 15"					F-48-92-A-a
xóm Yên Sơn	DC	xã Yên Lạc	H. Yên Thủy	20° 23' 40"	105° 37' 37"					F-48-92-A-b
xóm Á Đồng	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 37"	105° 38' 55"					F-48-92-A-d
xóm Ao Hay	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 09"	105° 40' 08"					F-48-92-A-d
cầu Bản	KX	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 37"	105° 39' 23"					F-48-92-A-d
cầu Đồi Xẻ	KX	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 39"	105° 40' 12"					F-48-92-A-d
xóm Đồng Mai	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 45"	105° 39' 27"					F-48-92-A-d
xóm Đồng Tâm	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 22' 07"	105° 40' 18"					F-48-92-A-d
xóm Lòng	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 22"	105° 40' 32"					F-48-92-A-d
xóm Minh Sơn	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 20' 16"	105° 40' 00"					F-48-92-A-d
xóm Minh Thành	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 20' 36"	105° 39' 40"					F-48-92-A-d
đồi Môi	SV	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 12"	105° 40' 17"					F-48-92-A-d
xóm Ninh Hòa	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 38"	105° 40' 50"					F-48-92-A-d
xóm Phú Yên	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 22' 14"	105° 39' 54"					F-48-92-A-d
xóm Tân Thành	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 23"	105° 39' 30"					F-48-92-A-d
xóm Tân Thịnh	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 34"	105° 40' 11"					F-48-92-A-d
xóm Tích	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 20' 48"	105° 40' 32"					F-48-92-A-d
xóm Yên Tiến	DC	xã Yên Trị	H. Yên Thủy	20° 21' 43"	105° 40' 02"					F-48-92-A-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng